Số 13-7/1918

L'INFORMATION FRANÇAISE
LA FRANCE DEVANT LE MONDE. — SON ROLE DANS LA GUERRE DES NATIONS
(Publication autorisée par arrêté du 30 décembre 1916 de M. le Gouverneur Général de l'Indochine)

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

LUẬN-THUYẾT

NHẬT-BÁO HAY TẠP-CHÍ ?

Bản-chí đến nay vừa đầy một năm và bắt đầu từ số này là bước sang năm thứ nhì. Lệ thường trong báo-giới vẫn lấy ngày « đầy tuổi tôi » làm một dịp kỷ-niệm : kỷ-niệm cái công sáng-lập gian-nan, kỷ-niệm cái sự-nghiệp đã thành trong năm mới qua, kỷ-niệm những lời khen chê của dư-luận đối với công việc nhà báo ; nói tóm lại là trông con đường tương-lai còn dài, quay lại nhìn cái khúc kỷ-vãng, thấm thoắt chưa mấy mà đã bằng một vòng trái đất quanh mặt giới, trong lòng bỗt sinh ra cái cảm-giác như nửa vui mừng mà nửa lo sợ, mừng rằng ta đã đi trót-lọt được đến đấy, lo vì những sự trở-ngại sau này.

Đồng-nhân chúng tôi khi bắt đầu biên-tập số báo thứ nhất năm thứ nhì này, trong lòng cũng thấy phát-khởi ra một cái cảm-giác như thế. Nhưng bản-ý chúng tôi không phải là muốn theo lệ thường của báo-giới mà lấy dịp này làm một dịp kỷ-niệm những công việc đã làm nên trong ba trăm sáu mươi ngày Giới mười hai tháng Phật đã qua. Chúng tôi thiết-nghĩ rằng dù có công đã có người biết, dù có lỗi đã có kẻ hay, sự khen chê là việc người ngoài, tự mình tán-tụng cho mình, tự mình chỉ-trích lấy mình đều là khó nghe cả. Huống sự khen chê đã là cái quyền người ngoài, mà người nước Nam mình lại thường thi-hành cái quyền ấy đến cực điểm, khen cũng đến cực-điểm mà chê cũng đến cực-điểm, thời dẫu mình có tự bình-phẩm mình cũng chẳng thấm vào đâu !...

Cho nên trong mấy nhời « kỷ-niệm » này, chúng tôi không « kỷ-niệm» gì cả, không nói gì đến công việc chúng tôi trong năm mới rồi, xin để cho dư-luận tự-do phê-phán. Song thường nhận trong dư-luận đối với tập *Nam-Phong* chúng tôi có một cái ngộ-điểm, cái ngộ-điểm ấy đã tiêu trên đề-mục bài này. Nay chỉ xin phân-giải cái ngộ-điểm ấy như sau này.

Quốc-dân thường lẫn thể « tạp-chí » với thể « nhật-báo ». Thế nào gọi là « nhật-báo » ? Thế nào gọi là « tạp-chí » ?

* * *

Tính ham biết là cái tính thông-thường của người đời nay. Người đời xưa cái nhãn-giới không ra khỏi giới-hạn nơi mình sinh-trưởng, không ra khỏi cái phạm-vi nghề-nghiệp mình. Người đời nay đứng núi này muốn trông sang núi kia, cái lòng dục-vọng đã vô-cùng thì cái tính ham biết cũng vô-hạn. Muốn thỏa-mãn cái lòng dục-vọng kia mà thế-giới đã thành một chốn cạnh-

trường to, người đời xô-đẩy nhau mà tranh đua những sự phú-quí phong-lưu ; muốn thỏa-mãn cái tính ham biết này mà xã-hội đã thành một nơi diễn-đàn lớn, kẻ lập-ngôn người trước-thuật, đem sách-vở báo-trương mà ban-bố trong nhân-quần. Sự làm sách làm báo sở-dĩ thành nghề thịnh-hành trong đời bây giờ là vì lẽ đó. Nay ta hãy không bàn về nghề làm sách mà chỉ nói riêng về báo-giới. Cái tính ham biết của người ta đã vô-cùng thì các hạng báo cũng phải vô-số : có báo hàng ngày, có báo một ngày hai ba lần, có báo hai ba ngày một lần, có báo hàng tuần, có báo hàng tháng, có báo hàng hai ba tháng ; có báo văn-chương, có báo triết-lý, có báo chính-trị, có báo kinh-tế, có nông-báo, thương-báo, học-báo, có báo về nghề tàu bay, nghề tàu ngầm, nghề đi bể, v.v. — Nhưng cứ cái thể-thức báo mà nói thì đại-để có hai hạng : một là hạng « nhật-báo », hai là hạng « tạp-chí ».

Nhật-báo *(journal)* hoặc ra mỗi ngày một lần, hoặc hai ba ngày một lần, chậm lắm là mỗi tuần lễ một lần, chủ báo cho người đọc biết những tin-tức hằng ngày, việc nhớn việc nhỏ, việc xa việc gần, bất cứ việc gì, phàm những sự-thực sảy ra trong xã-hội mà hoặc có ích-lợi, có vui thú, có quan-hệ chút nào đến các hạng người đọc báo, đều thuộc về nhật-báo biên chép và trình-bày báo-cáo cho thiên-hạ biết. Như thế thì nhật-báo cốt ghi lấy những việc hằng ngày, việc sảy ra thế nào chép lại như thế, càng tường càng đúng bao nhiêu càng hay bấy nhiêu. Cũng có khi nhật-báo vừa chép việc vừa nghị-luận về những việc ấy, nhưng phàm nghị-luận đều lấy cái biểu-diện hiện-thời mà xét, không cứu đến căn-nguyên, không suy đến kết-quả mọi việc. Nhật-báo là cái máy chớp ảnh thu lấy những ảnh-tượng xuất-hiện ra hằng ngày hằng giờ ở khắp mọi nơi, rồi phản-chiếu cho mọi người cùng xem, chụp vào càng hệt bao nhiêu, chiếu ra càng nhảy bao nhiêu thì càng có giá-trị bấy nhiêu.

Tạp-chí (*revue*) thì không thế. Tạp-chí hoặc ra mau nhất là mỗi tuần lễ một lần, hoặc một tháng một hai lần, hoặc hai ba tháng một lần, vừa là tập báo, vừa là quyển sách. Tạp-chí thuộc thể *báo* là cũng xuất-bản có định-kỳ như nhật-báo, và thường cũng nghị-luận đến những vấn-đề hiện-thời. Tạp-chí thuộc thể *sách* là các bài thường dài, có ý muốn cai-quát cả một vấn-đề, nghị-luận lấy cao lấy sâu, khảo-cứu lấy tường lấy tận, không có cái tính-cách nhất-thời như các bài nhật-báo. Tạp-chí vừa thuộc thể báo vừa thuộc thể sách mà lại điều-hòa châm-chước hai thể ấy, biệt thành ra một thể riêng. Giống báo mà cao hơn báo, giống sách mà thấp kém sách, đứng giữa độ đường từ tờ báo bốn trương cho đến quyển sách hai trăm tờ. Cái mục-đích của tạp-chí là muốn đem những vấn-đề cao-cao về chính-trị, học-thuật, văn-chương, v. v., bàn-bạc giảng-cầu cho những người đã có học-thức xem, không phải là báo những tin-tức cho công-chúng. Cho nên tạp-chí vẫn ít người xem hơn nhật-báo. Tạp-chí kém nhật-báo về đường phổ-thông mà hơn nhật-báo về đường chắc-thực. Bài luận-thuyết hoặc bài nghiên-cứu của tạp-chí tuy chưa tường bằng một quyển sách mà dễ đọc hơn sách, dễ phổ-cập hơn sách, nên tạp-chí sánh với sách cũng tức như nhật-báo sánh với tạp-chí vậy. Song cái lối « thuyết-luận » (tiếng Pháp là *essai*, nhà làm thuyết-luận là *essayiste*) của tạp-chí mà đến bậc hoàn-toàn thì cái giá-trị cũng chẳng kém gì một pho sách, mà cái thú-vị lại có phần rồi-rào hơn. Nhiều nhà danh-sĩ bên Pháp nổi tiếng trong hoàn-cầu chỉ vì làm bài trong các tạp-chí. Có khi chỉ làm một bài thuyết-luận hay mà đủ liệt vào bậc danh-sĩ : như quan đại-tướng Lyautey hiện làm thống-đốc đất Ma-lặc-kha (Maroc), khi xưa chỉ có đăng một bài luận trong tạp-chí *Revue*

des Deux mondes (Tạp-chí hai thế-giới) về « Cái nghĩa-vụ nhà quân-quan » (*Le rôle social de l'officier*), mà gần đây được bầu vào hội Hàn-lâm nước Pháp.

Như thế thì cái thể tạp-chí thật là một thể rất uyển-chuyển, rất mềm-mại, không nghiêm-khắc như pho sách mà không sốc-nổi như tờ báo, nếu biết khéo dùng có thể thành một cái cơ-quan để truyền-bá tri-thức không gì bằng. Nhất là những nước mới tiến-hóa, mới bước vào đường văn-minh học-thuật ngày nay, không có lối trước-thuật gì để ban-bố những tư-tưởng mới mạnh bằng lối tạp-chí. Nhật-báo cũng cần, mà cái tính-cách của nhật-báo chỉ để *báo*, không để *dạy* được, vì trong những tin-tức của nhật-báo truyền đi, có tin hay có tin dở, có tin thực có tin hư, nhà làm nhật-báo bị thời-giờ bách-xúc không thể sát-hạch kiểm-điểm cho thật đích thật sác được. Đến như sách thì tuy cái mục-đích là để dạy, mà bể học mênh mông, thiên kinh vạn quyển, trừ những nhà chuyên-trị về một môn học nào, còn người thường chỉ muốn xem cho biết, cho mở-mang tri-thức mà thôi, những trông thấy mà đã khiếp, còn có đâu cái kiên-nhẫn mà đọc cho hết được. Đối với những người hiếu-học hiếu-biết ấy thì thể tạp-chí thực là thích-hợp, thực là một cái cơ-quan rất tiện-lợi để giảng-cầu những điều bổ-ích về đường tri-thức.

Các nước Âu-Mĩ, nhật-báo tạp-chí như rừng, ta không nói làm gì. Cứ như nước Nhật-bản là một nước mới tiến-hóa theo lối văn-minh thời nay, các thứ tạp-chí xuất-bản trong nước kể đến hơn một nghìn, cái ảnh-hưởng trong tinh-thần quốc-dân thực là sâu và thực là mạnh. Xem đó thì biết người Nhật-bản trọng đường học-vấn tri-thức là nhường nào. Trong khoảng một nửa thế-kỷ nay nước ấy tiến-hóa nhanh như thế, phần nhiều cũng là bởi cái tinh hiếu-học hiếu-biết ấy. Cứ báo « Cực-đông thời-báo » (*Information d'Extrême-Orient*) đã đếm chỉ trong một cửa hàng bán sách lớn ở Đông-kinh (Tokyo) mà có đến 525 thứ tạp-chí, chia ra các hạng như sau này : 56 thứ về chính-trị và các vấn-đề chung, 12 thứ về luật-học, 30 thứ về kinh-tế-học và các việc buôn bán, 36 thứ về công-nghệ thực-nghiệp, 35 thứ về nông-học, 29 thứ về các mĩ-thuật, 32 thứ về tôn-giáo và triết-học, 31 thứ về giáo-dục và học-chính, 31 thứ về các khoa-học (thiên-văn-học, địa-dư-học, bác-vật-học, lịch-sử-học, v. v.), 30 thứ về nữ-giới và gia-chính, 39 thứ riêng cho trẻ con, 26 thứ để học các tiếng ngoại-quốc, 22 thứ về y-học và vệ-sinh-học, 46 thứ về các thuật thể-thao, về nghề diễn-kịch và các thuật chơi đùa, 9 thứ về binh-học...

Ấy thể tạp-chí ở các nước thịnh-hành như thế.

Tập *Nam-Phong* chúng tôi là thuộc thể tạp-chí, không phải thể nhật-báo.

Mới bước sang năm thứ nhì, gọi là có mấy nhời cung-khai chủng-loại tính-cách như thế, để các bạn đọc khỏi nhận-nhầm, cũng là một cách kỷ-niệm đầy năm vậy.

PH. Q.

KHỔNG-PHU-TỬ LUẬN (1)

Khổng-phu-tử sinh năm 551, mất năm 479 trước Gia-tô-Cơ-đốc (Jésus-Christ). Cùng một thời bấy giờ, ông PYTHAGORE (2) xuất-hiện ở đất Hi-lạp, và dễ cũng trong một khoảng ấy Phật-tổ đương truyền-giáo ở đất Ấn-độ. Như thế thì ra vào khoảng năm 500 trước kỷ-nguyên, ở đất Tàu, ở trên bờ sông Hằng-hà (Gange), và ở trong quần-đảo bể Ai-nhật (mer Egée), nhân-loại đồng-thời tới cái trình-độ tri-thức rất cao, cái triết-lý-tư-tưởng đương sinh hoa nẩy quả trong suốt cõi thế-giới văn-minh thời bấy giờ. Như người Âu-châu ta là kế-thừa cái tư-tưởng của Hi-lạp, mà đạo Phật thì hiện đương trùng-hưng ở nước Xiêm-la nước Nhật-bản; đạo Nho cũng vậy, chưa phải đã đến ngày già-cỗi. Phu-tử mất kể đến nay đã ngót 2400 năm, mà cái thế-lực có phần lại sùng-trọng hơn xưa. Giữa lúc Tây-Âu vào trực-tiếp với Đông-Á, cái tinh-thần của ông cổ-hiền-triết ấy ngăn cách giống da vàng với ta mạnh hơn là « Vạn-lý trường-thành » đời xưa vậy. Vậy ngày nay bàn về Khổng-phu-tử tưởng cũng là một vấn-đề hợp-thời vậy.

I

Ta vẫn tin rằng Khổng-phu-tử là một nhà triết-học, vậy mà nếu trước nhất ta thử xét sách vở của phu-tử trước-thuật thì thấy phu-tử là một nhà sử-học, thực đáng lạ thay. Vì chỉ có một bộ sách là chắc hẳn của phu-tử làm, thì bộ sách ấy là một bộ sử-ký của nước Lỗ là tổ-quốc ngài, chép việc trong hai trăm bốn mươi hai năm, từ năm 722 đến năm 481 trước Gia-tô-Cơ-đốc (3). Ta lại đem bộ sử-ký ấy mà đọc, thấy nhời nhẽ cứng cỏi, từ đầu đến cuối thuần một giọng, lại càng lấy làm lạ thêm nữa. Bộ sách ấy chép việc cố theo cho đúng năm tháng, làm cho vụn-vặt việc ra và nhời chép không có mạch-lạc gì nữa: văn vắn-tắt quá thành ra hối nghĩa, vì phàm thuật một việc gì mà chỉ nói trọi một việc ấy, không kể cái tình-trạng khi trước khi sau thế nào, thì việc thành ra không có nghĩa; lại thường dùng những nhời nói giữa, tiếng hàm-hồ, khiến cho lịch-sử mất cả cái đặc-sắc sinh-hoạt; sau nữa những việc chép trong sách cũng không nhiều, thậm-chí có nhà bác-học Tàu đã chia ra đúng hai-mươi-hai hạng, toàn thuộc về công việc nhà vua cả. Bộ sử ấy cái phạm-vị thật chỉ bằng một quyển nhật-ký trong cung vua, và cái thú-vị không hơn một quyển sổ tay của nhà ngoại-giao vậy.

Tuy khuyết-điểm như thế mà bộ sử ấy có một cái giá-trị rất to, vì trước Khổng-phu-tử, ở nước Tàu chưa ai khởi ra cái niệm chép lịch-sử. Chắc trong mỗi nước chư-hầu đều có « bút-lục » riêng và có đặt quan riêng để

(1) Bài này là của một nhà bác-sĩ Pháp, ÉDOUARD CHAVANNES tiên-sinh, soạn từ năm 1902, đăng trong báo « Ba-lê tạp-chí » (*Revue de Paris*). Tiên-sinh chuyên-trị hán-học, dạy cổ-văn-tự Tàu ở trường « Pháp-quốc Đại-học-viện » (*Collège de France*), có soạn nhiều sách về lịch-sử và cổ-tích nước Tàu, khảo-cứu rất tường và thực thấm-hiểu tinh-tinh tư-tưởng người Á-đông. Tiên-sinh đã đi du-lịch bên Tàu nhiều lần. Mới mất đầu năm nay, tuổi chừng ngoài năm mươi, thực là một cái tang to cho học-giới nước Pháp vậy. — Hiện nay nho-học ở nước ta đương vào buổi biến-cách to, Chính-phủ cùng quốc-dân đều một lòng bỏ cái học hư-văn phiền-toái từ trước và chỉ giữ lấy cái tinh-thần đạo Nho mà thôi, vậy nên biết cái tinh-thần ấy thế nào cho khỏi xét nhầm cái chân-tướng của nho-học. Muốn biết cái tinh-thần đạo Nho, phải hiểu cái tư-tưởng của ông Giáo-chủ đạo nho là Khổng-phu-tử. Nhưng bọn ta sinh-trưởng trong đạo nho, nho-học đã hình như in sâu vào trong não-chất, chưa thể bình-tĩnh mà xét-đoán cái công-nghiệp của ông Thánh-nhân cả quốc-dân sùng-trọng. Nay hãng dịch bài luận này của quan CHAVANNES để xem một nhà tri-thức bên Âu-châu bình-phẩm cái công-nghiệp ấy thế nào. Quan CHAVANNES cũng công-nhận rằng cái công-nghiệp ấy là một công-nghiệp vĩ-đại nhất trong lịch-sử loài người.

(2) Ông PYTHAGORE là một nhà hiền-triết Hi-lạp.

(3) Tức là kinh *Xuân-thu*.

biên-chép công việc hằng ngày ; nhưng những « sử-liệu » ấy chưa ai họp-tập lại, xếp đặt và đem công-bố ra. Khổng-phu-tử khởi ra cái công ấy trước nhất, thực là tổ sử-học ở nước Tàu vậy. Thực thế, vì bộ sử của phu-tử tuy vắn-tắt giản-dị như thế mà thành cái mô-phạm cho các nhà làm sách về sau, lấy ngày tháng ở đấy làm cái gốc của chính-sử ; bộ sử ấy bắt đầu từ đâu người sau cũng theo từ đấy, không lên xa hơn nữa, và ngay về thế-kỷ sau bộ sử ấy, ngày tháng đã không được đúng rồi.

Song Khổng-phu-tử biên-tập bộ sách ấy không phải là chỉ thuần vì sự học-vấn mà làm. Phu-tử có một cái hi-vọng khác : phu-tử chủ muốn cảm-hóa người đương-thời. Vì lịch-sử là sự kinh-lịch của các bậc vua chúa, xem đó thì biết việc gì nên theo, việc gì nên tránh ; vậy thời lịch-sử cũng tức như cái gương chính-trị hiển-nhiên. Ông Tư-mã Quang là một nhà làm sử trước-danh của nước Tàu về thế-kỷ thứ 11, cũng hiểu lịch-sử như thế, nên mới đặt tên bộ sử của ông là *Tư-trị thông-giám cương-mục*, nghĩa là cái gương chung để giúp cho việc chính-trị. Như thế thì mục-đích của Khổng-phu-tử là muốn dạy cho các vua chúa cái đạo trị dân vậy.

Lịch-sử có ích-lợi cho người đời không những vì các việc thuật lại mà vì cả cái cách thuật việc nữa ; chính cái cách thuật việc ấy trong thường có ngụ ý bao-biếm ở đấy. Nước Tàu về thế-kỷ thứ 7 và thứ 6 trước kỷ-nguyên dương gặp đời loạn, cái phong-kiến-chế-độ đã như cái nhà bốn bề lung-lay cả và chỉ chực đổ vậy. Bấy giờ có lắm lúc kỷ-cương điên-đảo, nhân-tâm không biết đường nào là đường chính mà theo. Khổng-phu-tử sinh giữa lúc ấy, phàm lời bao-biếm, người đời sau phải chịu là rất mực công bằng. Cứ cái phép triết-lý của Âu-châu ta ngày nay thì lối bao-biếm ấy chưa thể nhận là công-bằng được : như khi Thiên-tử bị một vua chư-hầu truyền cho tới hội và bị bách phải đến, mà Khổng-phu-tử muốn ẩn sự đó sợ có phạm đến oai Thiên-tử, nói khác đi rằng nhân Thiên-tử đi tuần-thú mà ngẫu-nhiên tới hội, thì cái cách chép sử như thế ta cho là trái với sự thực. Tuy vậy đối với người đương-thời, phu-tử nói sai đi như thế là có ý dùng cách giản-tiếp mà biếm vua chư-hầu kia dám ngạo-mạn Thiên-tử : người đương-thời cho phu-tử làm thế là chủ duy-trì thế-đạo vậy. Thậm-chí có nhiều nhà bác-học Tàu lấy mỗi câu mỗi chữ trong kinh *Xuân-thu* là có một cái ngụ-ý ở đấy, như thế thì cũng là quá-đáng lắm. Nhưng mà phản-đối hẳn cái ý-kiến chung của người Tàu mà cãi rằng sách *Xuân-thu* chép việc không có ý răn dạy người đời, thì cũng lại là quá-đáng lắm nữa. Nên lấy triết-trung là phải.

Như thế thì Khổng phu-tử làm sử là chỉ chủ răn dạy những bậc vương-hầu. Không những thế, mãi đến khi giờ về già, đến khi đã biết rằng ngoài sự làm sách không có cách gì cảm-hóa được người đương-thời, bấy giờ phu-tử mới chép bộ *Xuân-thu*. Nhưng trước khi phải dùng đến cái kế cùng ấy, phu-tử còn muốn chính mình ra hành-động ở những chốn cung-đình triều-miếu. Vậy nay ta xét Khổng-phu-tử làm nhà chính-trị.

Nước Tàu bấy giờ chia ra nhiều nước chư-hầu ; Khổng-phu-tử suốt đời đi nước nọ sang nước kia để tìm lấy ông vua biết nghe nhời khuyên răn của mình. Phu-tử tự tin cái phương-phép của mình là cực tốt cực hay, nên chính mình đã nói : « Ai biết dùng ta, trong một năm được hay vừa, trong ba năm thì được hoàn-hảo. » [1]

(1) Những nhời phu-tử nói dịch trong bài này là dịch theo văn tây, cốt lấy cái ý-nghĩa, không cốt cho đúng nguyên-văn trong kinh truyện. Người nào thuộc kinh truyện thì biết nghĩa cũng dễ nhận được là câu nào trong sách.

Phu-tử hết sức tìm cho được ông vua biết nghe mình mà đến sau vẫn không tìm được: nhiều lần được hoan-nghênh, đã có khi sung chức trọng và tỏ ra tư-cách nhà đại-chính-trị; nhưng lần nào cũng vậy, được ít lâu lại phải bỏ ra đi, không thành công. Trong mấy ông vua đã từng đón dùng phu-tử, ông thì thấy công việc to lớn quá sợ mà nói rằng đã già lắm không kịp thực-hành những phương-phép của phu-tử bầy cho; ông thì phải những quan to trong triều sợ phu-tử tranh-đoạt mất quyền-lợi xui không nên nghe; ông thì đã biết dùng phu-tử sung chức trọng trong triều, nhờ phu-tử mà đương được phú-cường, chẳng rè có địch-quốc láng giềng ghen ghét lập mưu gửi sang cho tám mươi đứa con hát thật đẹp, vua mê thành ra quên cả ông cố-vấn-quan của mình; lại có ông thì mê người vợ vừa nhan-sắc tuyệt-trần vừa dâm-đãng cực-phẩm, ra đường ngồi xe cùng với vợ và một tên nội-giám, bắt phu-tử phải đi theo; phu-tử bèn than mà nói rằng: « Tôi chưa từng thấy ai mê sự đạo-đức bằng người ta mê người đàn-bà đẹp. »

Gặp mấy phen công-phu không thành như thế mà phu-tử không khỏi rầu lòng. Phu-tử than mình rằng: « Có nhẽ đâu ta như một quả dưa đắng, chỉ rủ trên cành mà ăn không được, hay sao? » Một ngày, phu-tử xa-cách học-trò, bình dáng tiều-tụy, có người trông thấy mỉa mà nói rằng trông giống như con chó mất chủ. Sau có người học trò thuật lại cho phu-tử câu ấy, phu-tử gật mà nói rằng: « Phải, cũng có lẽ ta giống con chó mất chủ thật, phải đấy. » (1)

Giá phải người chí-khí tầm-thường thì những sự phiền-muộn như thế dễ khiến cho ngã-lòng. Nhưng Khổng-phu-tử có cái quan-niệm rất cao về cái thiên-chức của mình, nên không hề thoái-chí bao giờ. Đời bấy giờ, có lắm nhà hiền-triết chán đời, lấy sự đạm-bạc vô-vi làm chủ-nghĩa; có người giả điên cuồng, giả ngu ngốc, để không làm được việc gì cho người đời. Những nhà ấy chê Khổng-phu-tử là hiếu-sự thích ra tranh-cạnh với đời, bảo phu-tử rằng: « Ông không thể cải-cách được cái thời-thế này, ông càng có tài thời lại càng nguy-hiểm cho ông; ông nên lui về, nên ẩn mình, thời buổi này chỉ có cách ấy mới được vui sướng yên thân mà thôi. »

Song Khổng-phu-tử lấy cái bụng tự-tôn của các bậc ẩn-dật ấy chỉ biết khư-khư giữ cái giá thanh-cao vô-ích của mình, làm một cái tội đối với xã-hội, như người ta ai cũng có nghĩa-vụ với đời mà những bậc ấy cố-ý muốn trốn cái nghĩa-vụ ấy vậy. Phu-tử nói rằng: « Người ta ai có ăn ở với giống chim muông thế nào được. Ví ta không ăn ở với người đời nay thì ta ăn ở với ai? Ví thiên-hạ đã lương-thiện cả rồi thì ta còn cần gì phải cải-lương nữa? » Như thế thì phu-tử càng thấy phong-tục bại-hoại lại càng muốn gắng-gỏi mà duy-trì cho được. Có người chê phu-tử rằng: « Phu-tử chẳng phải là người

(1) Đoạn này xuất ở sách *Khổng-tử Gia-ngữ* 孔子家語, thiên thứ 22: « 孔子適鄭。與弟子相失。獨立東郭門外。或人謂子貢曰。東門外有一人焉。其長九尺有六寸。河目隆顙。其頭似堯。其頸似皐繇。其肩似子産。然自腰以下不及禹者三寸。纍然如喪家之狗。子貢以告。孔子欣然而歎曰。形狀未也。如喪家之狗然乎哉。然乎哉。» (Khổng-tử đi sang nước Trịnh, xa dời đệ-tử, một mình đứng ở ngoài thành cửa đông. Hoặc có người bảo Tử-cống rằng: « Ở ngoài cửa đông có một người, trường 9 thước 6 tấc, vòng mắt bằng mà dài, trán gồ mà cao, đầu như vua Nghiêu, cổ như ông Cao-dao, vai như thầy Tử-sản; nhưng từ thắt lưng giở xuống kém vua Vũ 3 tấc, *hình dáng tiều-tụy như con chó mất chủ*. » Tử-cống thuật lại, Khổng-tử cứ điềm-nhiên mà nói rằng: « Hình-trạng thì chưa đúng, nhưng nói giống như con chó mất chủ thì phải thật, phải thật. »)

biết rằng công không thành được mà vẫn cứ cố công ư? » Nhưng mà nhời chê ấy thật là nhời khen không gì bằng; phải là những bậc thánh-nhân tiên-giác mới biết rằng cái ngọn núi cao kia mình đương cố công cùng sức cho tới được, mắt người phàm trông thì tưởng là không bao giờ tới được, mà trong bụng mình vẫn thâm-tín ở cái đạo giời đã ký-thác vào mình, chắc rằng cái đạo ấy tất có ngày thắng, nên không quản bụng nghi-ngờ của chúng mà tuyên-cáo cho thiên-hạ biết. Khổng-phu-tử thực là bậc thánh-nhân tiên-giác vậy ; thấy trong người như có một cái nghị-lực phi-thường nó bắt phải đi vào con đường ấy ; tưởng mình như cái đồ-dùng ở trong tay một cái thiên-lực vô-hình mà vô-địch ; tự-nhiệm làm người quản tiền-hô của Giời sai xuống để báo tin lành cho thiên-hạ, khác nào như ông quan trong sách cổ kia tay cầm mõ gõ đi khắp chốn kẻ chợ nhà quê để truyền giáo Thiên-tử cho muôn dân. Có hai lần phu-tử gặp sự nguy-hiểm đến sinh-mệnh, không hề sợ hãi chút nào : Giời đã ủy-thác cho cái thiên-chức đi truyền-bá điều lành điều nghĩa, Giời tất đem lòng ủng-hộ vậy.

Khổng-phu-tử không thể cải-lương được cái chính-giới thời bấy giờ ; nhưng cái ảnh-hưởng đối với người đương-thời rất sâu và rất mạnh. Môn-đệ của phu-tử cực đông, không bao giờ dời thầy và một lòng trung-thành với phu-tử. Cái cách ngài đối-đãi với học-trò, tưởng bình-sinh không gì vui-vẻ và êm-ái bằng. Xử với học-trò như cha với con, và thường gọi là các con ta. Không hề lấy sự kiểu-sức để làm cho học-trò phải phục ; thường bảo học trò rằng : « Các con tưởng ta giấu các con cái gì chăng ? Không, ta không giấu gì các con cả ; ta không hề làm việc gì là không tỏ cho các con biết ; là thế nào thì các con đã biết đấy. » Có khi lấy cái tình thân-mật âu-yếm mà xử với học-trò để giảm bớt cái lễ tôn-ti trong đạo thầy trò ; thường khuyên học-trò nên lấy hết thành-thực mà giãi tâm-tình, không nên lấy lễ nói với thầy mà phải giữ-gìn. Phu-tử nói : « Tuy ta có hơn tuổi các anh độ một ngày, các anh cũng không nên quản gì cái đó. » Người nào đến nhập-môn phu-tử cũng nhận cả, không hề hỏi đến lai-lịch làm gì, vì phu-tử lấy rằng người đã có chí muốn học, dầu trước có làm sự gì chẳng nên, xin vào học như thế cũng đủ là đã biết cải-quá rồi ; ai xin học phu-tử cũng cho, dù theo tục phải đem lễ nhập-môn, cái lễ nhỏ-mọn đến đâu cũng không hề gì ; chỉ yêu-cầu một sự là phải có lòng thành-thực muốn học, có chí thông-minh hiểu được những nhời giáo-hối của phu-tử, những nhời ấy lắm khi cũng khó hiểu thật. Phu-tử xét nghiệm cái tâm-tính của mỗi người, có khi hai người cùng hỏi một câu mà phu-tử đáp lại mỗi người một khác, là vì một nhời dạy không thể hợp cho hai tính-cách khác nhau. Phu-tử thực là ông « linh-giám » (*directeur de conscience*) của bọn đó, muốn dạy cho biết ngẫm-nghĩ suy-xét, khi nào ngôn-hành trái với nhời giáo-hối thì lấy nhời ôn-hòa mà chê-giễu cho chừa. Phu-tử không một dạy cho khôn-ngoan, lại đem lòng thương yêu nữa : như khi nói đến người học trò yêu bị chết yểu, giọng bi-ai như tự trong thâm-tâm mà ra. Đến như môn-đệ đối với phu-tử thì cái lòng sùng-trọng cũng là vô cùng ; coi phu-tử như một đấng siêu-nhân-loại, người đời không ai sánh lấy ; lòng Giời vì muốn cho ông « tố-vương » (*roi non couronné*) ấy ra trị thiên-hạ thì thiên-hạ tất được thái-bình, vì nhân-tâm tất biết trọng cái đạo chí-thiện của ngài truyền dạy ra. Một người học-trò đã khen phu-tử rằng : « Phu-tử ta thật không ai sánh được, cũng ví như không thang nào bắc được tới giời. Vì bằng phu-tử ta được làm vua một nước, thì

có thể nói được rằng : phàm cái gì đã định được định, đã chỉ đường nào người ta phải đi đường ấy, trong nước được yên-ổn thái-bình, đâu đâu cũng qui-phục, nhất cử nhất động đều khiến được điều-hòa. Sinh-bình đã vẻ-vang là thế, tử-hậu không ai là không thương tiếc ; một người như thế, ai kẻ sánh tầy ? »

II

Xét cái lịch-sử của Khổng-phu-tử như thế thì rõ ra một tay biến-hóa nhân-tâm rất mạnh (*puissant ouvrier d'action morale*) ; phu-tử có cái oai vô-địch, người nào đến gần cũng phải cảm-phục ; chính phu-tử cũng tự tin rằng có cái thiên-chức cải-hóa người đời, bao giờ cũng quyết rằng cái đạo của mình có thể làm cho thiên-hạ được thái-bình sung-sướng. Vậy thì cái đạo của phu-tử thế nào ? Ta xét đến đây mới thấy khó, vì phu-tử không hề diễn giải cái đạo thành « thuyết-hệ » (*système*) như cái nhà triết-học Âu-châu. Chỉ có một bộ *Luận-ngữ* là trong ấy có thuật ít nhiều những ý-kiến của phu-tử trong khi nói truyện với học-trò hay là các bậc vương-hầu. Sách ấy có thể sánh với sách « Tô-phu-tử thuyết-đạo » (*Entretiens mémorables de Socrate*) của ông Xénophon nước Hi-lạp thuật lại những nhời bàn về đạo-lý của thầy là ông hiền-triết Socrate (tàu dịch là Tô-cách-lạp-đích). Nhưng mà Tô-phu-tử (Socrate) được hơn Khổng-phu-tử là có người học trò văn-chương hay nhất đất Hi-lạp lưu-truyền cái danh-giáo cho ; chớ như cái danh-giáo của Khổng-phu-tử thì chỉ lưu-truyền ở một bộ sách vô-danh, là công chung của cả các môn-đệ. Từ đầu đến cuối quyển sách ấy không có một chút kết-cấu gì cả ; những nhời của phu-tử nói cứ chép liền với nhau mà không có mạch-lạc gì cả ; hiện bây giờ có chia ra chương-cú cũng không hiểu lấy nhẽ gì làm bằng. Đọc sách ấy mà không biết cái chỉ-thú nó thì như chìm đắm vào trong những truyện vụn-vặt tạp-nhạp, e không biết được chân-tướng cái tư-tưởng của Khổng-phu-tử. Cho nên lắm người mới đọc qua sách *Luận-ngữ* xướng lên cái ý-kiến rằng ông đại-hiền nước Tàu ấy chẳng qua là một ông lão tầm-thường dạy những điều ai cũng biết mà ăn nói hơi lẩn-thẩn.

Song một người đã có cái ảnh-hưởng trong thời-gian không-gian to như thế, mạnh như thế, có thể liệt bằng-dẳng với ông Thích-ca-mâu-ni (Çakya-muni), ông Gia-tô-Cơ-đốc (Jésus Christ), ông Mạc-hán-mạch (Mahomet), không phải là người tầm-thường, ta không thể khinh-thường mà xét được. Khổng-phu-tử tuy không đặt ra một cái thuần-lý-triết-học (*philosophie spéculative*) nào, mà sự-nghiệp của Khổng-phu-tử còn hơn nhiều : Phu-tử đã đặt ra một cái luật hành-vi (*règle d'action*), xướng ra một cái đạo xử-thế. Xưa nay những người kích-động biến-hóa được nhân-loại không phải là những người ngồi không mà hư-tưởng về những sự thuần-lý ; tức là những người đứng giữa đám đông người, chúng-nhân còn đương phân-vân chưa biết theo đường nào, xướng-suất lên mà bảo rằng : « Các người cứ theo ta, ta chỉ cái đường tốt cho mà đi. » Một nhời nói đó có quyền biết bao nhiêu, vì những người đã nói được thế là những người đã trực-giác mà biết những điều cốt-yếu có bổ-ích cho người đời hơn là những cái tư-tưởng huyền-không của các nhà thuyết-lý ; cái tư-tưởng ở trong óc những người ấy cũng là cái « tư-tưởng mẹ » (*idées mères*), tự nó có sức sinh-sản ra được vô-số những triết-lý khác ; nhờ cái tư-tưởng đó mà những người ấy trên trán như có một vòng hào-quang, chiếu sáng vào cái vận-kiếp u-ám của loài người.

Những người dựng nên sự-nghiệp to về đường tôn-giáo, đường đạo-đức đã

không phải là những nhà thuyết-lý huyền-diệu, cũng không cần lấy những sự tư-tưởng li-kỳ làm tự-cao. Những người ấy tuyên-cáo cho người đời là tuyên-cáo những điều chân-lý thiên-niên, nên nhời nói như xa đưa vang động trong tấm lòng kẻ công-chúng, vì nhời nói ấy tức là tiêu-biểu những cái tình-ý u-ẩm mà trong lòng người ta ai cũng có. Khổng-phu-tử nói: « Ta có đặt ra cái gì mới đâu, ta chỉ thuật người đời trước mà thôi. » Phu-tử thuật cho hậu-thế như thế là thuật cái tâm-địa của những bậc thánh-hiền nước Tàu đời trước, những bậc ấy đời nọ sang đời kia đã từng ngẫm-nghĩ về cái mục-đích của đời người và tìm cái cách ở đời thế nào cho xứng-đáng.

Vậy nay ta nên xét những nhời giáo-hối của Khổng-phu-tử để phát-minh lấy cái tinh-túy trong đạo làm người của người Tàu đã truyền-thụ cho nhau từ đời thượng-cổ đến giờ.

Điều thứ nhất trong đạo ấy là ở đời này có một cái luân-lý, nghĩa là một cái kỷ-luật về phong-tục để hạn-chế cái lòng tham-dục của người đời. Khổng-phu-tử nói: « Người ta mà chỉ biết vị lợi mà thôi thì rất đáng khinh lắm. Người quân-tử hiểu nghĩa, kẻ tiểu-nhân hiểu lợi. » Sự phú-quí chính nó không phải là đáng khinh; nếu cứ làm mà được phú-quí thì dầu làm nghề rất ti-tiện người quân-tử cũng không nề; nhưng sự phú-qui vốn nó bất-trắc, như thế thì chẳng nên yêu-cầu lấy phú-quí làm gì. Làm sự phi-nghĩa mà được phú-qui thì thà bần-tiện có hơn. Phu-tử nói: « Ăn gạo xấu, uống nước lã, gấp cái cánh tay làm gối nằm, như thế cũng còn sung-sướng; chớ cái phú-qui bởi sự phi-nghĩa mà được thì ta coi như đám phù-vân vậy. » « Người ta ai cũng cầu cho được phú-qui, nhưng nếu theo đường chính mà không được thì không nên cầu làm gì: người ta ai cũng sợ phải bần-tiện, nhưng nếu theo đường chính mà phải bần-tiện thì cũng không nên sợ làm gì. » Vậy thì trong đạo xử-thế không nên bằng ở sự tốt đẹp bề ngoài: phải có cái bụng làm tốt mới được. Như trong câu Phu-tử nói: « Trước nhất nghĩ đến cái việc nên làm, rồi sau nghĩ đến sự lợi hại, chẳng phải là trọng đạo ru? », cái ý cũng phảng-phất như câu ngạn-ngữ nước Pháp ta rằng: « Việc nên làm ngươi cứ làm, rồi sau sẩy ra thế nào mặc dầu. » Lắm khi cái nghĩa-vụ xem ra trắc-trở nặng-nề, nhưng dù thế nào người quân-tử cũng phải có cái nghị-lực làm cho được mới nghe. Phu-tử nói: « Trông thấy việc nghĩa mà không làm, thì là người hèn. » Lại nói: « Người thiện-nhân quân-tử không có vị tham sống mà đến hại đạo; dù xả-thân đi mà trọn đạo cũng nên », câu ấy thực là cách xa với cái duy-lợi-chủ-nghĩa vậy.

Đã biết rằng ở đời có sự nghĩa-vụ, vậy thì sự nghĩa-vụ ấy lấy gì làm bằng-cứ? Người đời đã không nên chủ cầu-lợi, vậy thì có nên mong sự thưởng phạt về lai-sinh không? Có nên tin rằng có một đấng chúa-tể để phán-đoán những công lội của người đời không? Khổng-phu-tử không phải cần đến những cái giả-thuyết ấy để mà dựng đạo luân-lý, phu-tử không quan-tâm đến những sự sẩy ra sau khi đã chết rồi; phu-tử bất-tiết bàn đến việc quỉ-thần; cái triết-học của phu-tử là đối với người sống và lấy cái nguyên-lý ngay ở đời người này. « Thế nào gọi là đạo quân-tử? Là đối với người đời nên làm cho hết điều nghĩa, đối với quỉ-thần nên kính mà đứng xa; thế gọi là đạo quân-tử. » Một người học trò hỏi phu-tử phải nên thờ quỉ-thần thế nào, phu-tử đáp rằng: « Anh chưa biết thờ người thế nào, anh đã thờ quỉ-thần sao được? » Người học-trò ấy lại hỏi về sự chết, phu-tử cũng lại đáp: « Anh chưa biết sự sống là cái gì, anh đã biết sự chết sao được? »

Người biên-tập sách *Luận-ngữ* chua thêm rằng : « Những điều phu-tử không nói đến là những sự dị-thường, những việc bạo-hành, những sự phản-bội và những việc quỉ-thần. »

Như thế thì cái nguồn gốc đạo luân-lý của Khổng-phu-tử không phải là ở sự lợi hại trong việc giao-tiếp của người ta với cái ngoại-giới, cũng không phải ở một cái tôn-giáo nó liên-lạc người ta với một cái thế-giới siêu-hình. Cái nguồn gốc ấy tức là ở trong tâm-tính người ta vậy. Cái tâm-tính ấy vốn lành ; từ khi mới sinh ra, người ta ở trong lòng đã có cái tính tốt tính hay rồi ; chỉ về sau mới sinh ra những tính xấu. Vì người ta học mà biết cái chân-tính của mình, thì sẽ nhận biết được những cái mầm tốt ở trong lòng, không khó gì, những cái mầm tốt ấy hễ không bị cái dục-tình nó đè nén mất thì còn có mãi. Đến khi đã biết cái chân-tính mình như thế rồi, thì hình như hốt-nhiên tỉnh-ngộ mà hiểu ngay cái nghĩa đời người thế nào ; đã tỉnh-ngộ thì người như mạnh-mẽ, như mới-mẻ ra, mà tự-khắc lên đến bậc chí-thiện chí-đạo. Nhưng phải giải nghĩa cái chí-thiện chí-đạo ấy là thế nào. Người ta là một giống ở trong xã-hội, cái chí-thiện tức là điều thiện-lợi cho xã-hội. Trong người ta cái phần ác, phần phụ vào, ấy là những cái dục-tình duy-kỷ ; cái phần lành, phần vốn có, ấy là những cái khuynh-hướng vị-tha. Mỗi người ta là một phần-tử trong nhân-loại ; có liên-lạc với những người đồng-loại, không có cái quyền hành-động như chỉ có một mình mình ở đời được. Vậy thì cái nền-gốc của đạo luân-lý là lấy cái trí-thức của mình mà công-nhận rằng mình là từng bộ-phận trong một cái toàn-thể lớn, và mình có giúp một phần vào cho cái toàn-thể được thịnh-vượng thì cái bản-thể của mình mới có thể phát-đạt được. Vả luân-lý và chính-trị không phải là hai mối khác nhau, vì cái cuộc đời riêng của mỗi người với cái cuộc đời chung của công-chúng rút lại cũng là đều do một nguồn mà ra, tức là cái nghĩa-vụ của xã-hội ; cho nên cái cá-nhân-chủ-nghĩa (*individualisme*) là nhầm, cái xã-hội-chủ-nghĩa (*socialisme*) mới là phải.

Nhưng mà nói xã-hội-chủ-nghĩa cũng có năm bảy đường, và cái xã-hội-chủ-nghĩa của Khổng-phu-tử không giống một chút nào với những cái chủ-nghĩa ngày nay người ta cũng gọi một tên như thế. Khổng-phu-tử không phải là một nhà cách-mệnh : phu-tử muốn cải-lương, chớ không phải muốn phá-hoại xã-hội, mà cái xã-hội phu-tử muốn cải-lương ấy là cái xã-hội nhờn-tiền, đã nhờ công phu-tử duy-trì mà vĩnh-tồn được đến tận ngày nay. Xã-hội nước Tàu là dựng theo cái tộc-trưởng-chế-độ (*forme patriarcale*). Gia-tộc là một cái đoàn-thể bất-li bất-diệt, nối dõi đời đời, người trong một nhà đều có một cái tinh-thần chung. Như trong một cơ-thể có sinh-hoạt thời có một cái trật-tự thiên-nhiên, hết thảy các phần đều qui về mấy nơi trung-tâm là những nơi đầu thần-kinh ; trong một gia-tộc cũng vậy, hết thảy mọi người đều thuộc quyền người cha và người con trưởng, cha có quyền sai-khiến các con, anh có quyền sai-khiến các em. Trên gia-tộc thời càng lên càng có những đoàn-thể to hơn, nhưng cũng theo một khuôn như thế, cái đoàn-thể to nhất cao nhất là Quốc-gia (*Etat*). Quốc-gia tức là một cái gia-tộc cực lớn. Ông vua trong một nước với người cha trong một nhà, cao-thấp có khác nhau mà tính-cách cũng là một. Cha phải nuôi-nấng dạy-dỗ cho con, vua phải nuôi-nấng dạy-dỗ cho dân. Làm con phải vâng lời cha, không được cưỡng mệnh ; làm dân phải tuân-lệnh vua, không được sai phép. Trên thì chuyên-chế, dưới thì nô-lệ, ấy lối chính-trị theo cái tộc-trưởng chế-độ như thế.

Trên ta đã nói cái nguồn-gốc của đạo luân-lý là ở tâm-tính người ta, biết tâm-tính người tức là hiểu đạo. Nay đem cái nguyên-lý ấy ứng-dụng ra cái tộc-trưởng-chế-độ thì thành cái đạo của Khổng-phu-tử.

Vậy ta thử xét cái xã-hội theo lối tộc-trưởng từ thể bé nhất là gia-tộc cho đến thể lớn nhất là Quốc-gia, thì ta thấy cái xã-hội ấy là gồm từng phần nhỏ, mỗi phần giá-trị khác nhau mà bấy nhiêu phần đều là liên-thuộc lẫn nhau. Cũng tức như một cái máy lớn, muốn cho cái máy chạy tốt thì một là những phần nhỏ phải tùy-thuộc vào những phần lớn, hai là những phần lớn phải sai khiến được những phần nhỏ. Trong một nước cũng vậy : vua ra vua, dân ra dân, cha ra cha, con ra con, thì nước được thái-bình. Muốn được thái-bình như thế, có thể đặt hình-luật rất nghiêm-khắc, bắt ai nấy đều phải theo ; nhưng làm thế mới được cái bề ngoài thái-bình mà thôi, vì lấy hình-pháp bắt ép người ta thì người ta sợ mà phải theo, trong bụng không thật được đạo-đức. Bởi thế Khổng-phu-tử không muốn lấy cái uy-lực ở ngoài, muốn lấy cái nghị-lực trong lòng người làm chủ. Cái chi-thiện đã là sự thiện-lợi cho xã-hội, thì người nào biết cái chi-thiện ấy ở đâu và biết tâm-tính con người ta làm thế nào mà tới được đấy, là người có tư-cách quản-trị được người khác ; như người cha là chủ trong nhà vì biết sự thiện-lợi cho nhà mình là thế nào, và biết nên sai-khiến con cái thế nào cho trong nhà được toàn-thiện ; ông vua là chủ trong nước vì biết sự thiện-lợi cho nước mình là thế nào và biết nên ban mệnh-lệnh xuống dân thế nào cho trong nước được toàn-thiện. Vì biết thế mà có cái nhân-phẩm cao hơn người khác, người khác phải cung-kính nên phải phục tòng. Như thế thì cái kỷ-luật trong xã-hội không phải là bởi sự cưỡng-bách mà thực là bởi lòng người công-nhận. Sự phục-tòng là do ở sự cung-kính mà ra ; quyền sai khiến là do ở cái trí biết mà ra. Ấy nguồn gốc cái quyền-uy là ở đó, nguồn gốc sự phục-tòng cũng là ở đó.

III

Sự cung-kính đã là cái cốt-trụ của xã-hội, vậy nay ta hãy xét cái quan-niệm về sự cung-kính ấy thế nào, và suy-diễn cái kết-quả nó ra làm sao.

Sự cung-kính phải tùy cái ngôi cao của người mình cung-kính mà khác nhau, vậy phải qui-định trước các hình-thức thế nào. Như một anh nhà quê mới ở trong làng ra để nhập-ngũ, phải biết rằng mình có quan trên và phải tập cho quen mỗi khi đối với mỗi người cao chức hơn mình phải giữ cái thái-độ như thế nào ; không những thế, cái thứ-bậc của các quan trên lại có dấu-hiệu riêng để biểu rõ cái quyền được người dưới phải cung-kính thế nào. Ở các chốn cung-đình triều-miếu cũng vậy, có nghi-lễ riêng, nghĩa là có đặt những phép-tắc phải theo để tỏ sự cung-kính ông vua. Lại các bộ ngoại-giao ngày nay cũng có đặt một tí gọi là « điển-lễ-ti » (*service du protocole*) cũng là để định những hình-thức thuộc về sự cung-kính. Ta xem đó thì biết phàm ở đâu sự giao-tế của người ta đã lấy lòng cung-kính làm chủ, đều có qui-định sẵn cái cách phải tỏ sự cung-kính ấy thế nào.

Trong triết-học của Khổng-phu-tử, sự cung-kính đã làm gốc việc giao-tế của người ta với nhau, thời phải đặt một cái nghi-thức chung để định cái cách mỗi người trong một đời mỗi lúc phải cư-xử thế nào. Ấy cái *lễ* của Tàu là căn-nguyên từ đó. Lễ là những phép-tắc đặt ra để phân tôn-ti, định cái địa-vị của mọi người đối với nhau, cho

biết người nào được cung-kính, người nào phải cung-kính. Có lễ thì người ta mới hơn con vật, vì con vật ngoài cái sức mạnh không còn biết có gì là hơn mình nữa, cho nên không biết sự cung-kính, sự lễ-nhượng là cái gì. Cũng bởi có lễ, nghĩa là có cái hình-thức của sự cung-kính mà cái lòng hiếu-thảo với cha mẹ mới khác sự chăm nuôi con súc-vật.

Đã có *lễ*, Khổng-phu-tử lại thêm *nhạc* nữa. Cái trật-tự trong xã-hội có chia ra đẳng-cấp, ấy là thuộc về *lễ*; nhưng trong những đẳng-cấp ấy phải có một cái dây liên-lạc mọi người với nhau, ấy là phần *nhạc*. Lễ thì phân, nhạc thì hòa, bởi sự phân-hòa ấy mà trong cái phiền-phức có cái giản-thuần ở đấy. Như khi một đội quân chầy, kèn trống đi đầu, nào là quân-quan, nào là cai-đội, nào là binh-lính, hạng nào ra hạng nấy, áo mặc, hàng ngũ, dáng đi có phân-biệt, mà bấy nhiêu người cùng nghe tiếng kèn giọng-giả thổi bài triêu-tập hay xướng giọng khải-ca, tựa-hồ như có một cái hồn chung nó phảng-phất đâu trong cả đám quân-đội ấy. Song cái thí-dụ ấy còn chưa đủ mà giải được hết cái tư-tưởng của Khổng-phu-tử. Phu-tử nói nhạc là vừa múa, vừa hát, vừa đánh nhạc: ở nước Tàu đời xưa những khi có hội hè to lớn thường có múa, có hát, có nhạc như thế, để kỷ-niệm những công-việc đời trước; để nghề diễn-kịch Tàu cũng duyên-do từ đó mà ra. Những hội kỷ-niệm đó đại-khái cũng giống như những « hội quốc-dân » (*fêtes nationales*) ở nước Pháp về đời Đại-Cách-mệnh, đặt ra để làm một cách giáo-dục cho công-dân. Có múa, có hát, có nhạc, để mà cảm-động kích-thích tấm lòng những người đến xem, cho biết cái dây thân-ái nó buộc người nọ với người kia và cái mối huyền-diệu nó liên-lạc người đời nay với tổ-tiên đời trước vậy.

Lễ-nhạc thực là mầu-nhiệm vô-cùng. Người nào giải được cái ý-nghĩa của lễ-nhạc là người ấy trong trị đã hiểu cái thể-chế về xã-hội của cả loài người ta vậy. Có một cái lễ cao hơn cả mọi lễ, gọi là lễ *đế* 禘, là cái lễ ông vua biểu lòng tôn-kính với Giời. Khổng-phu-tử nói: « Người nào biết cái ý-nghĩa của lễ ấy thì người ấy trông cả thiên-hạ như trên bàn tay vậy. » Thực thế, lễ ấy là lễ tối-cao, lễ đầu cả, rồi các lễ khác tự đó mà suy-diễn ra; hiểu được ý-nghĩa cái lễ ấy thì hình như hốt-nhiên thấu được cả muôn lẽ về luân-lý, về chính-trị. Các lễ dù cao-thấp mặc lòng, muốn làm cho trọn, phải hiểu cho thấu các mối quan-hệ của người ta với nhau: như lễ *hiếu*, muốn giải được cho phân minh, trước hết phải hiểu cho thấu cái mối quan-hệ của *cha* với *con*, *con* với *cha* thế nào đã. Nhưng mà chắc rằng những người hiểu được như thế chỉ có một số ít mà thôi. Như thế thì kẻ chúng-nhân không thể hiểu được cái ý-nghĩa sâu-xa của lễ, phải lấy cái tình-cảm gì mà khiến được cho theo lễ?

Cái tình-cảm ấy không ra ngoài sự cung-kính vậy. Cung-kính là nguồn gốc sự bắt-chước. Ngạn-ngữ tây có câu: « Chúa nhà nào đầy tớ ấy. » Đó cũng là một sự-thực thuộc về tâm-lý-học vậy. Khổng-phu-tử thực đã hiểu rõ cái sự-thực ấy quan-trọng là chừng nào. Cứ như ý phu-tử thì người dân không cần phải hiểu làm gì; chỉ cần nên bắt-chước mà thôi. *Thượng hành hạ hiệu*; người trên, thứ nhất là ông vua, phải truyền ra cái gương tốt. Cái gương ấy rồi người dưới thế nào cũng theo. Khổng-phu-tử nói: « Ví ông vua lấy pháp-luật mà trị dân, lấy hình-phạt mà bắt dân phải hòa-mục, thì dân sợ không dám làm xằng, nhưng không biết hổ-thẹn là cái gì. Ví vua lấy đức mà trị dân, lấy lễ mà giữ cho dân hòa-mục, thì dân làm xằng biết xấu-hổ và tự-khắc làm

lành. » Phu-tử lại nói : « Vua lấy đức tốt mà trị dân ví như ngôi sao Bắc-đẩu cứ đứng im trong khi các sao khác quay quanh mình. » Lại nói : « Đức vua như gió, đức người thường như cỏ, gió thổi cỏ tất phải nghiêng xuống. »

Nói rút lại, cái vấn-đề Khổng-phu-tử phải giải-quyết là như thế này : mục-đích của luân-lý và chính-trị là phải khiến người ta làm trọn nghĩa-vụ trong xã-hội ; nhưng muốn biểu-mà làm trọn nghĩa-vụ trong xã-hội thời phải thông-thuộc tâm-tình con người ta, cái đó người thường không thể sao được. Vậy thì làm thế nào giáo-hóa được kẻ chúng-nhân ? Khổng-phu-tử nói rằng cứ lấy lễ-nhạc và cái đức-hóa người trên đủ trị được dân. Lễ là những cách cư-xử bao giờ cũng giống như bao giờ, tức là những thói quen. Cái gương người trên thì để khiến và giục người dưới bắt chước. Đến như nhạc là để kích-thích cái cảm-tình chung Khổng-phu-tử muốn lấy cái thói quen, lấy cái gương người trên, lấy sự cảm-động chung mà quản-trị giáo-hóa người dân. Cứ bình-tĩnh mà xét, ba mối đó thật là mạnh vô-cùng và có cái giá-trị quan-trọng vô-cùng. Cả cuộc văn-minh trong thế-giới chẳng qua cũng là bởi cái thói quen, bởi sự bắt chước, một người xướng-suất lên, trăm nghìn vạn mới người theo rồi thành quen, mỗi ngày một to mãi ra, mỗi ngày một lưu-truyền đi, khiến cho sự tiến-bộ đã thành không đến nỗi tiêu-diệt đi mất. Ấy là nói rộng đến cả xã-hội, nói riêng trong một đời người thời cái phần thuộc về thói quen và thuộc về sự bắt chước thực là to lắm, trong suốt một đời người tầm-thường thời cũng chỉ thuần có thế mà thôi ; Phu-tử nghĩ thiệt đã sác-đáng vậy. Đến như sự cảm-động chung bởi âm-nhạc, thì nên nhớ rằng đời nào các tôn-giáo cũng lợi-dụng đến, là đủ biết cái ảnh-hưởng trong xã-hội, trong nhân-tâm sâu và mạnh là chừng nào.

IV

Kẻ dưới đã chịu theo, phải có một bọn người trên xướng-suất, bọn đó dù có ít cũng không hề gì, vì một nhà danh-sĩ đã có câu : « Nhân-loại chỉ sống vì một ít người mà thôi. » Bọn thượng-lưu ấy như cầm cái đuốc sáng để soi đường cho nhân-loại, bọn ấy là những người đã bởi sự học-hành mà thêm am-hiểu cái tâm-tình con người ta, biết cái địa-vị của người ta trong gia-tộc, trong quốc-gia và cái nhiệm-vụ của người ta là thế nào.

Muốn am-hiểu tâm-tình người ta, tự-nghiệm một nhân-thân mình còn chưa đủ : xét cái tâm-tình riêng của mỗi người mới biết được một phần mà thôi, vì người ta mà đứng đan-độc một mình là cái người trong lý-tưởng, không phải là người thực ; cho nên một tâm-lý-học không đủ, phải có cả xã-hội-học mới được, Một xã-hội phải sinh-thành phát-đạt ở trong thời-gian, muốn xét cái hiện-trạng một xã-hội bây giờ, phải khảo cái lịch-sử sự sinh-hoạt từ đời xưa mới được ; vậy thì xã-hội-học không thể dời với lịch-sử-học được, và để cũng bởi cái lẽ sâu đó mà Khổng-phu-tử đã tự-nhiệm làm một nhà sử-học. Nhưng mà lấy cái phương-diện về xã-hội mà học lịch-sử thì lịch-sử không phải là một môn bác-học chỉ chủ kỹ-thuật việc đời trước cho thật đúng mà thôi ; lịch-sử phải phát-minh ở trong các việc ấy lấy cái mối quan-hệ tất-yếu trong sự giao-tế của người ta với nhau, và lấy những phép-tắc về luân-lý, chính-trị có thể làm cho cái cơ-thể của xã-hội được vững bền thêm ra. Trong cái tộc-trưởng-chế-độ, những người có quyền trị dân lại vừa kiêm trách « linh-giám » (*charge d'âmes*) cho dân nữa, nên đời nào những người ấy cũng chủ phát-minh và đem ra thực-hành những phép-tắc ấy ; bởi thế nên cứ xét cái cách cư-xử hành-vi cùng những nhời ăn tiếng nói của những

người ấy cũng đủ học được nhiều điều ích-lợi. Cho nên Khổng-phu-tử coi sử-học là sự học những công việc làm cùng nhời ăn nóicủa các bậc đế-vương đời trước.

Cái lòng tôn-cổ, cho đời xưa một cái oai-quyền không gì bằng, cũng là suy ở cái tộc-trưởng-chế-độ mà ra. Người cha đã đáng kính-trọng mà tổ-tiên lại đáng kính-trọng hơn nữa, hình như càng lên ngược về đời trước lại càng đến gần cái cõi chí-đức chí-thiện vậy. Bởi thế nên những sự ngôn-hành của các bậc vua chúa đời trước phải cần biết hơn nhất là những bậc cổ hơn cả. Khổng-phu-tử tin rằng trong những sách vở cũ của đời thượng-cổ để lại có dạy những điều rất cao-thượng nên phải biết ; nên chính phu-tử đã dụng công biên-tập lại hai bộ sách cổ quan-trọng nhất là kinh *Thư* và kinh *Thi*. Kinh *Thư* là một tập những nhời diễn-thuyết, tức là những « chế-cáo » (*conciones*) của các đế-vương đời xưa. Kinh *Thi* phần nhiều là những bài thơ ca về phong-tục các nước, cóp nhặt lại để biết cái dư-luận trong thiên-hạ và để cho những bậc vua chúa coi đó mà sửa lỗi. Hai bộ sách cổ ấy cứ cái phép phê-bình của Âu-châu thì chẳng qua là hai tập « sử-liệu » mà thôi, mà người Tàu cho là sách thánh-kinh, đời đời dùng để dạy dân, hình như đọc những sách ấy là tự-khắc biết những điều chân-lý cốt-yếu về xã-hội-học vậy.

Nói rút lại thì những người có tư-cách trị-dân là những người đã thấu cái nghĩa huyền-diệu về luân-lý chính-trị ở trong mấy quyển sách cổ ấy. Bởi đó mới thành ra cái đảng nho, đảng đó muốn chiếm-cứ cả các quyền-chức trong nước, vì chỉ có nhà nho mới biết khéo phô-diễn những câu sách cổ mà làm thành văn ở nơi trường-ốc,để tỏ rằng mình đã thuộc tâm-tính người ta và xứng-đáng ra cai-trị dân.

Song cứ đem cái đạo của Khổng-phu-tử mà suy cho xát lý, thì suốt trong thiên-hạ chỉ có ông vua là mới có được cái học-thức hoàn-toàn. Nếu ông vua là người có trí-tuệ thông-minh thì đứng ở cái ngôi cao như thế có thể cai-quát được cả toàn-thể của xã-hội ; vả chỉ có vua là cần phải có đức-hóa hơn nhất cả, vì nếu vua có đức thì bao nhiêu thần-dân ở dưới tự-khắc phải theo vào đường đạo-đức cả. Ấy bởi thế nên Khổng-phu-tử suốt đời chỉ cố tìm cho được một ông vua biết nghe lời mình ; vì tìm được thì tất mươn cái đức-hóa ông vua ấy mà cải-lương được cả một nước vậy.

Các nhà triết-học nho về sau đua nhau mà tả cái hình-ảnh ông vua hoàn-toàn, tức là ông thánh-nhân. Có hai quyển sách nhỏ của nho-phái tên là *Đại-học* và *Trung-dung* chỉ thuần bàn về đạo thánh-nhân. Sách *Đại-học* thì dạy phải phát-minh cái đức sáng ở trong người, phải đổi mới cho dân, phải bước cho tới bậc chí-thiện. Muốn làm cho trọn cái công ấy, trước phải thuộc rõ tâm-tính người ta, rồi nhân đó cứ suy-diễn mãi ra, trước sửa mình, sau tề-gia, sau đến trị nước.

Ông thánh-nhân không một trị bình trong thiên-hạ, mà lại điều-hòa được cả giời đất nữa. Cả sách *Trung-dung* chỉ diễn về cái đức mầu-nhiệm của ông Thánh-nhân. Giời, Đất, Người, gọi là « tam-tài » ; Giời che, Đất chở, Người đứng giữa để nối Giời với Đất. Nếu Người ăn ở xằng thì Giời sinh tai, Đất sinh nạn. Nếu người ăn ở lành thời có thể giúp công cho Giời Đất, và nhờ cái công ấy trên giời, dưới đất, trong thiên-hạ đều được bình-tĩnh điều-hòa. Vậy thì một ông vua tốt thực là cái trụ-cốt của xã-hội, không một của xã-hội, của cả vũ-trụ nữa. Trong sách tán ông Thánh-nhân rằng : « Ông Thánh-nhân cái trí to rộng như giời đất, sâu như vực nguồn. Khi ra trong thiên-hạ

ai cũng tôn-trọng, khi nói trong thiên-hạ ai cũng sùng-tín, khi làm trong thiên-hạ ai cũng được sung-sướng. Thanh-danh chùm khắp cõi Trung-nguyên, tràn đến cả rợ Di rợ Địch. Xe thuyền đi đến đâu, sức người tới đến đâu, đâu là chỗ giời che, đâu là nơi đất chở, đâu có mặt giời mặt giăng soi sáng, mưa móc tưới nhuần, ai là kẻ có huyết-mạch cũng phải sùng-trọng, cũng phải yêu-mến đứng Thánh-nhân. Bởi thế nên người ta nói: — Thánh-nhân là ngang với Giời vậy. »

V

Như thế thì đạo Khổng lấy nơi tuyệt-đỉnh là ở cái quan-niệm về ông Thánh-nhân, nghĩa là một ông vua hoàn-toàn, có cái đức-hóa cảm được khắp mọi người trong thiên-hạ, và cảm được cả giời-đất vũ-trụ nữa. Cái lý-tưởng ấy chẳng cũng giống với cái lý-tưởng của đạo Thiên-chúa về cõi « Thiên-quốc ở chốn nhân-gian » ru? Tuy một đàng là ông Thánh-nhân, một đàng là cõi Thiên-quốc, cái hình-thức có khác mà tinh-thần cũng là một vậy. Cái mộng-tưởng ấy từ xưa đến nay vẫn là cái mộng-tưởng của những người có lòng tin ở đạo công-nghĩa, những người trong bụng hi-vọng rằng có ngày cái đạo chí-thiện thắng-đoạt được cả mọi sự mọi vật, phép vũ-trụ cũng phải thua mà cái dục-tình trong lòng người cũng phải phục vậy.

Trong bài này ta mới gọi là lược-thuật cái tư-tưởng của Khổng-phu-tử, phải xếp-đặt mà nói cho vắn-tắt, có lẽ sai mất cái chân-tướng đi chăng; vì cứ suy-lý mà diễn-giải như thế thì đạo Khổng thành ra một cái học-thuyết thuần-lý, khiến cho người ta có thể đem ra mà bình-phẩm cái giá-trị về đường học-vấn được. Nhưng mà đạo Khổng thực là một đạo « hành-vi », không phải là một đạo « thuyết-lý ». Đạo ấy không thể đem mà chứng-giải ra được, chỉ có thể xướng lên mà theo được thôi, vì đạo ấy là gồm những phép-tắc đã gây-dựng ra xã-hội nước Tàu. Khổng-phu-tử tức là tiêu-biểu của cái tinh-thần cả giống Tàu, nên một mình mà đứng ngất-giời trong cả cuộc lịch-sử cõi Á-đông. Tự Âu-châu ta trông sang thì tưởng-tượng như thấy ở góc bể bên kia có cái tượng đồng cực lớn, thái-độ nghiêm-trang, chân tay lực-lưỡng, là một người trong tay đã gây dựng nên một xã-hội to nhất đông nhất trong thế-giới. Đời đời vẫn đứng trơ-trơ ở đấy, đã từng trông biết bao nhiêu phen vận nước thành rồi bại, thịnh rồi suy, biết bao nhiêu đời vua kế-tiếp nhau mà đời nào cũng phải tôn-sùng; người An-nam, người Nhật-bản, người Cao-ly, người Mãn-châu, bấy nhiêu dân-tộc khác nhau đều qui-phục mà theo luật phép; lại biết bao nhiêu tôn-giáo đã thay đổi nhau, cái nọ chưa tàn cái kia đã nở, mà ông cổ hiền-triết kia vẫn đứng vững như bao; biết bao những thần-thánh mắt đã trông thấy sinh ra, mắt cũng lại trông thấy diệt đi như không! Cho đến ngày nay bọn ta bước chân sang bờ-cõi nước Tàu bát-ngát mênh-mông, ta cũng lại trông thấy cái tượng đồng ông cổ-hiền-triết ấy đứng sừng-sững trước mắt ta: như bác nông-phu trong sách thi-nhân La-mã kia, cy ruộng đào thấy những bộ sương người võ-sĩ từ đời xưa trông to lớn khác thường mà kinh-ngạc, nay ta trông thấy cái hình-ảnh ông Thánh-nhân nước Tàu ấy to lớn như thế, ta cũng kinh-ngạc và cảm-phục vô-cùng vậy.

PHẠM QUỲNH *dịch*

VĂN-HỌC

KINH-TẾ-HỌC[1]

(Dịch sách *Kinh-tế-học-tổng-luận* của quan luật-khoa-tiến-sĩ A. Torzer)

II

g) Phép thống-kê (statistique). — Phép thống-kê là một phép quan-sát của kinh-tế-học cực tốt. Phép ấy đã thành hẳn một môn học riêng, gọi là « thống-kê-học ». Người ta thường thích nghĩa thống-kê-học là sự học những việc trong xã-hội bằng số (*étude numérique des faits sociaux*)[2], lại thích-nghĩa là sự quan-sát có phương-pháp về các hiện-tượng, chủ gồm lấy tất cả hoặc thật nhiều những hiện-tượng ấy, rồi phân ra từng loài từng hạng và dùng phép qui-nạp của số-học (*induction mathématique*)[3] để giải nghĩa.

Kinh-tế-học đã là một khoa-học thời những việc thuộc về kinh-tế-học sẩy ra trước sau tất phải giống nhau, và trong các việc ấy với nhau tất có những mối quan-hệ nhất-định. Vậy thời muốn nghiệm xem những mối quan-hệ ấy có hay là không, phải có số mới được. Cho nên phép thống-kê là gốc của kinh-tế-học là thế, không có thống-kê thì không có kinh-tế-học được.

Ta thí dụ như thế này : Làm thế nào mà định được cái luật về tiền công thợ (*loi des salaires*) ? Thứ nhất phải dựng cái biểu những giá công thợ, thứ nhì phải định số tiền lãi của các nhà sinh-sản (*les producteurs*), tức là các nhà chủ thợ. Cứ làm thế nhiều lần, trong nhiều xứ, thuộc về nhiều nghề khác nhau. Bèn nghiệm thấy rằng hễ khi nào giá công-thợ thấp xuống thì số tiền lãi cũng đồng-thời kém đi. Suy đó mà định ra cái luật rằng tiền công thợ tùy theo tiền lãi mà thăng giáng.

Các xã-hội ngày nay cực là phiền-phức, chỉ nhờ có phép thống-kê mới có thể sinh-hoạt bình-thường được, vì không thống-kê không thể dự biết được những sự cần dùng. Phép thống-kê lại rất yếu-cần cho Nhà-nước : làm sổ dự-toán (*budget*)[4] phải Liết liệu trước số tiền chi-xuất thâu-nhập bao nhiêu, nên mới từ khi phép thống-kê tổ-chức theo lối khoa-học mới đặt được sổ dự-toán đúng, và nhân đó định được đúng các ngạch thuế. Một Nhà nước cũng phải dùng phép thống-kê để biết những sự cần-dùng của mình, phòng khi « khủng-hoang » (*crise*)[5]

---

(1) Xem *Nam-Phong*, số 12, trang 345-352.

(2) Nghĩa là lấy số mà xét các việc trong xã-hội, xem nhiều ít hơn kém thế nào. Tức là lấy cái « lượng » (*quantité*) mà xét các hiện-tượng trong xã hội, không phải lấy « phẩm » (*qualité*). — Chính nghĩa hai chữ « thống-kê » 統計 là gồm lại mà đếm, mà tính, xem ít nhiều thế nào. Còn chữ tây *statistique* thì không rõ chắc là căn-nguyên tự đâu : có người cho là do tiếng Hi-lạp *statizein*, nghĩa là « nghiệm xét », vì thống-kê-học phải nghiệm xét các hiện-tượng rồi mới có thể đếm được ; có người cho là do tiếng Anh *statist*, nghĩa là nhà Chính-trị, vì nhà Chính-trị phải sành nghề thống-kê mới được ; không biết nghĩa nào là phải.

(3) Phép qui-nạp kỳ trước đã giải-nghĩa. Phép qui-nạp của số-học nghĩa là theo như số-học, theo như phép làm tính, tổng-cộng nhiều số nhỏ, số đời, thuộc về một hạng nào thành một số lớn, số liền.

(4) Sổ dự-toán tức ta thường gọi nhầm là « sổ chi-thu », vì sổ ấy có một là dự các khoản chi-tiêu mà thôi đâu, dự-định cả các khoản thâu-nhập nữa. Trong một nước mỗi năm xuất nhập bao nhiêu, Nhà nước phải biết trước, phải ước-định được trước, để sắp-đặt các công việc, vậy trước mỗi năm phải dự-tính các khoản xuất-nhập ấy, liệt ra rõ-ràng, gọi là làm sổ *dự-toán* 豫算 (*budget*).

(5) *Khủng-hoang* 恐慌, chính nghĩa là lo sợ hốt-hoảng. Dùng riêng về Kinh-tế là chỉ cái lúc công việc quẫn-bách, buôn bán làm ăn không lợi, hoặc gặp sự tai-nạn bất-kỳ mà các việc động lại, không được lưu-thông như bình-thường. Như nhân việc chiến-tranh mà gạo ta không xuất-cảng được, nhân sự vỡ đê ngập lụt mà thóc lúa mất mùa, thế gọi là trong thương-giới nông-giới nước ta đương gặp lúc khủng-hoang. Chữ Pháp là *crise* (crise commerciale, crise agricole...)

hoặc khi có sự chiến-tranh phải đặt phương-kế để đủ cung-cấp các hạng cho quân dân (lương-thực, quần-áo, đạn dược, v. v.)

Thống-kê-học chia làm ba ngành nhớn: nhân-khẩu-thống kê-học (*statistique démographique*), kinh-tế-thống-kê-học (*statistique économique*), và tài-chính-thống-kê-học (*statistique financière*).

a — Phép thống-kê quí thật, nhưng cũng không phải là chắc bằng lắm.

Thứ nhất, là có thể nhầm được, vì con số là vật vô-hồn, người khéo xếp thời muốn xếp ra thế nào chẳng được; vả chính số cũng có khi không thành-thực. Sau nữa, những thống-kê-biểu không phải là xứ nào cũng làm giống như xứ nào. Ví dụ như muốn so-sánh cái số nhập-cảng (*importations*), xuất-cảng (*exportations*) ở một xứ nọ sang xứ kia, thường thấy không đối-chiếu với nhau: như số xuất-cảng của Đông-dương sang Phi-luật-tân (Philippines) đem sánh với số nhập-cảng của Phi-luật-tân thuộc về các đồ hàng Đông-dương thấy hai số không giống nhau. Nhưng hiện nay đã có một tòa gọi là « Vạn-quốc Thống-kê-hiệp-hội » (*Institut international de statistique*) để hội cả những số thống-kê của các nước, thì sau này tất không có khác nhau như thế nữa.

Người ta lại thường trách thống-kê-học là hơi huyền-hoặc; muốn biết nhời trách ấy có chính-đáng không thì phải xét thống-kê do ai làm và cách làm thống-kê thế nào.

b — *Thống-kê do ai làm?* — Thứ nhất *là Nhà-nước.* — Có nhiều cái hiện-tượng Nhà-nước phải xét nghiệm mới được, và chỉ có Nhà-nước mới xét-nghiệm được mà thôi: như những hiện-tượng thuộc về số người trong một nước, về hộ-tịch (*état civil*) của người dân (sinh, tử, giá-thú....), về việc hình án (án làm tội, án miễn-nghị [1], án tái-phạm [2],...) về tài-chính (các sổ dự-toán, các thuế-ngạch...), về lục-quân hải-quân (việc tuyển-lính...), v. v. Những thống-kê ấy thì có thể tận-tín được, vì làm thành-thực và hợp cách.

Thứ nhì *là Nhà-nước và người riêng.* — Có những hiện-tượng thuộc về phận-sự Nhà-nước phải điều-tra mà phần nhiều lại thuộc cả cái ý riêng người dân có ưng-thuận hay không nữa. Trong hạng ấy thì như những giấy khai của dân khi Nhà-nước điều-tra việc gì, những sự tai-nạn bất-kỳ của kẻ làm công làm thợ [3], những giấy khai người ngoại-quốc ở trong bản-xứ, v. v. Tuy Nhà-nước có hình-pháp phạt những kẻ khai gian mà cũng không thế nào giữ cho hết được, nên những số thống-kê ấy không được chắc bằng những số trên.

Thứ ba là *chỉ người riêng thôi.* — Có những hiện-tượng không thuộc về phận-sự Nhà-nước phải điều-tra mà Nhà-nước cũng nhận những lời khai của người riêng. Như khi người riêng tự mình thông-báo cho Nhà-nước biết những giá-ngạch số-mục gì, Nhà-nước vốn không có quyền chế-tài [4]: như thời-giá các vật-hóa (thóc gạo, v. v.), thời-giá các giá-phiếu giá-khoán (*valeurs mobilières*), như giá đổi bạc các nhà ngân-hàng; tuy các hạng ấy Nhà-nước cũng có khi có quyền kiểm-nhận

---

(1) *Miễn-nghị* 免議, nghĩa là tha không nghị tội, nói về cái án người bị-can xét ra không có tội, được tha. Chữ Pháp là *acquittement*

(2) *Tái-phạm* 再犯, nghĩa là lại phạm lần nữa, nói về cái án người trước đã bị án vì một tội gì, nay lại phạm tội ấy lần nữa, phải xử nặng hơn. Chữ Pháp là *récidive*.

(3) Như thợ làm trong một nhà máy, bất hạnh phải máy đè phải, chạm phải, mà gãy chân gãy tay, v. v., thế gọi là tai nạn bất kỳ của kẻ làm công (*accidents de travail*), có khi người chủ nhà máy, chủ thợ, muốn ẩn-lậu đi không cho Nhà nước biết, hoặc có khai mà khai sai đi, nhẹ đi, v. v.

(4) *Chế-tài* 制裁, nghĩa là cái quyền bắt phải làm hay ngăn đừng làm, quyền thưởng phạt. = *Sanction*

(như ở bên Pháp giá các hàng-hóa lại chợ, công-giá của các hội đổi bạc). — Những số thống-kê ấy muốn cho chắc phải kiểm-tra lại.

Thống-kê dù chắc bằng đến đâu, khi dùng cũng phải cẩn-thận. Song tuy thống-kê không khi nào được cực đúng mà cai số càng nhiều bao nhiêu càng chắc hơn bấy nhiêu, vì càng nhiều thì cai phần ngẫu-nhiên, sự bất-kỳ tự nó điều-hòa nhau mà thành ra cân, theo cái luật gọi là « luật số nhiều » (*l i des grands nombres*).

Khi làm thông-kê không nên chỉ bằng ở cái « số tuyệt-đích » [1] (*chiffres absolus*) mà thôi, phải biết cái « hệ-số » [2], mà cái hệ-số vốn thuộc về « đối-đích » (*relativité des coeffi ients*). « Hệ-số » là cái mối so-sánh trong hai số với nhau, số nọ làm « hàm-số » [3] của số kia. Như muốn thống-kê cho đúng cái số giá-thú trong một nước, thời phải biết cai số những giai gái đến tuổi lấy vợ lấy chồng, rồi lấy số ấy làm bằng, chớ không lấy số nhân-khẩu trong nước làm bằng được. Như thế thì cái « hệ-số » về giá-thú đúng cho riêng một xứ nào tức là cái mối so-sánh số giá-thú trong xứ ấy với số những người đến tuổi lấy vợ lấy chồng.

Thống-kê-học chỉ chủ lấy cái số trung-bình (*moyennes*).

Thế nào gọi là số trung-bình? Số trung-bình là một cái số làm tiêu-chuẩn [4] cho các số khác hoặc nhiều hơn hoặc ít kém. Các số ấy càng có nhiều bao nhiêu thì cái tiêu-chuẩn càng chắc bấy nhiêu. Nghĩa là muốn lấy số trung-bình, chỉ lấy hai số cực to cực nhỏ làm bằng chưa đủ. Thí dụ như: một người phu ở Nam-kỳ làm công một ngày được 1 đồng-bạc, một người phu ở Thượng-Lào làm một ngày được 0 $ 10, không nên do hai số ấy mà tính cái số trung-bình tiền công phu ở Đông-dương là 0 $ 55; số trung-bình ấy tất thấp kém 0 $ 55, vì chắc cái số phu tiền công từ 0 $ 10 đến 0 $ 55 nhiều hơn là số phu tiền công trên 0 $ 55. Vậy thì tính như thế này: $\frac{1\$ + 0\$10}{2} = 0\$55$, chưa đúng, phải đặt như thế này mới được:

$$\frac{0\$10 + 0\$20 + 0\$25 + 0\$30 + 0\$35 + 0\$40 + 0\$45 + 0\$50 + \$71 + 1\$}{10} = 0\$42$$

c — *Cách làm thống-kê thế nào?* — Làm thống-kê có ba phép như sau này:

Thứ nhất là sưu-tầm các việc (*recherche des faits*) trong những công-văn, những biên-bản điều-tra, v.v.

Thứ nhì là biên những việc ấy ra từng mảnh giấy gọi là phiếu (*fiches*), rồi phân ra loại-mục (*classification des faits*), hoặc ở ngay chỗ điều-tra, hoặc ở một nơi nào đã định để họp các phiếu lại ở đấy.

Thứ ba là hình-tượng các việc ra « tuyến-đồ » [5] hay là địa-đồ (*représen-*

---

(1) *Tuyệt-đích* 絕的, nghĩa là cái gì tự nó trọn vẹn, không phải tùy theo với cái khác. Tiếng Pháp là *absolu*, đối với *relatif* là đối-đích 對的, nghĩa là phải tùy theo với cái khác. đối với cái khác mới có nghĩa. Như ta nói: « người », thì chữ « người » ấy là tuyệt-đích, và nói « người cha » thì chữ « người cha » ấy là đối-đích, vì cha phải đối với « con » mới có nghĩa, chữ « người » thì tự nó đã trọn nghĩa rồi. — « Số tuyệt-đích » là con số tự nó có giá-trị, không phải so sánh với số khác.

(2) *Hệ số* 係數 (tên nữa là *hệ suất* 率 hay là *doan-số* 段 數), là cái số đặt trước một số khác để biết phải nhân bội số ấy lên mấy lần. — Chữ Pháp là *coefficient*. Như những bài thi thường có đặt « hệ-số » để nhân bội cái số điểm lên, hoặc ít hoặc nhiều, để phân-biệt trong các bài bài nào quan-trọng hơn bài nào.

(3) *Hàm-số* 函數. Tiếng về số-học, chữ Pháp là *fonction* (mathématique). Như một số nọ nhân số kia biến mà cũng biến theo thì số nọ làm « hàm-số » của số kia. Nói rộng nghĩa thì phàm cái gì nhân một cái khác tăng mà cũng tăng, giảm mà cũng giảm thì gọi là « hàm-số » của cái khác ấy. Như trên kia nói về tiền công thợ và tiền lãi hễ tiền lãi nhiều thì tiền công thợ cao, thì tiền công thợ là « hàm-số » của tiền lãi (*Les salaires sont fonction des bénéfices*).

(4) *Tiêu-chuẩn* 標準, nghĩa là mẫu-mực, làm kiểu, làm mẫu, các cái khác phải theo đấy mới là đúng, mới là hợp cách. — Chữ Pháp là *norme*.

(5) *Tuyến-đồ* 線圖, là cái đồ vẽ bằng các thứ nét: nét thẳng, nét cong, nét gẫy. = *Diagrammes*.

tation graphique des faits par diagrammes ou par cartogrammes). Tuyến-đồ là vẽ ra các hình để nhận cho dễ ; địa-đồ là vẽ ra các xứ hoặc bôi mùi khác nhau, hoặc vạch ngang vạch dọc đậm nhạt khác nhau

Trong tuyến-đồ (*diagrammes*) thời hình-tượng các việc bằng những nét chấm, nét vạch, mặt phẳng và các sắc.

Người ta thường dùng nhất là những đường vạch gọi là « tung-hoành-tuyến » (*coordonnées*). Thí dụ ta phải làm thống-kê những số người chết theo tuổi người. Ta bèn vạch hai đường dọc ngang XY và YZ. Trên vạch XY ta biên cái số người chết và trên vạch YZ thì biên số tuổi. Mỗi một số tuổi ở vạch YZ ta lại kéo tẻo một vạch thẳng, dài ngắn khác nhau, tùy theo cái số người chết trong năm mình nghiệm, vạch thẳng ấy lên tới đâu gặp những vạch ngang tự đường XY kéo ra thì chỗ ấy là chỗ yêu-điểm. Đem nối những điểm ấy lại với nhau thì thành một đường vạch gẫy, tức là chỉ cái diệu của số người chết thăng giáng thế nào.

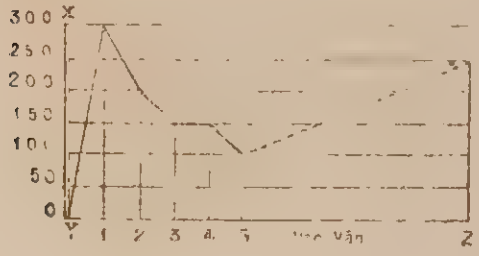

Tuyến-đồ thứ I (1)

Cũng có khi dùng những mặt-phẳng (*surfaces*) hoặc tròn, hoặc chữ nhật. Dùng mặt tròn thời vẽ những vòng tròn to nhỏ khác nhau mà cùng một trung-tâm : thí dụ như muốn hình-tượng số người chết trong hai xứ khác nhau thì vẽ hai cái vòng tròn, đường bán-kính dài ngắn khác nhau, mặt to nhỏ khác nhau, tùy theo cái số người chết trong mỗi xứ.

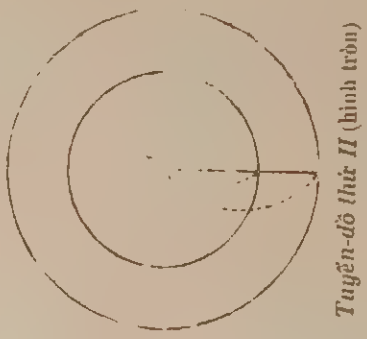

Tuyến-đồ thứ II (hình tròn)

Những mặt phẳng hình chữ nhật cũng tiện-lợi lắm, để so-sánh hai số với nhau.

Thí dụ : Như ta vẽ một cái hình vuông mỗi bề 8 phân tây để hình-tượng cái diện-tích đất Trung-châu sông Nhị-hà là 16.000 cây-lô-mét vuông ; ở trong, ta lại vẽ một cái hình vuông nữa mỗi bề 5 phân tây để biểu cái số dân Trung-châu là 5 triệu người ; cứ nhìn qua hai cái vẽ ấy thì đủ biết cái « mật-độ » (*densité*) dân-số đối với cái diện-tích đất ở khác nhau là chừng nào.

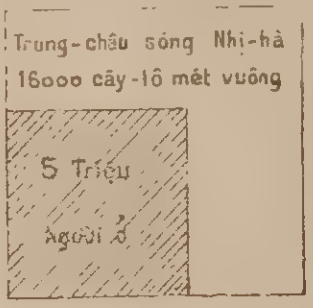

Tuyến-đồ thứ III (hình vuông)

Người ta lại còn dùng lối vẽ mùi là những khi phải thống-kê nhiều hạng nhiều thứ lẫn nhau, nên mỗi cái bôi một mùi để phân biệt cho dễ.

(1) Trong cái đồ này, đường XY là biên cái số chết, đường YZ là biên số tuổi. Thí dụ đây là biểu cái số người chết theo tuổi trong một tháng, thì số người 1 tuổi chết là 300, 2 tuổi chết là 200, 3 tuổi chết 150, v.v. Cái đường vạch gẫy nối bấy nhiêu số với nhau là chỉ cái số người chết tuổi càng cao càng ít đi.

d — *Lịch-sử của thống-kê-học.* — Từ đời trước nước nào cũng đã có từng dùng phép thống-kê, vì ở đâu cũng thường bắt dân khai số đinh, số điền, số binh, số thuế, v. v. Nhưng sự thống-kê ấy chưa có phương-pháp gì cả, chưa thành một môn học như ngày nay. (Đoạn này lược-dịch).

Mãi đến gần đây thống-kê mới dựng thành một khoa-học. Kể ra thì từ thế-kỷ thứ 16 đã có người bắt đầu chuyên-trị. Ông Sansovino thử làm thống-kê một lần thứ nhất năm 1567. Ở nước Pháp thời bấy giờ là thời-đại mấy ông thượng-thư Sully (1593 1611), Colbert (1663-1683) và các quan thanh-tra tài-chính đương chăm về việc điều-tra thống-kê khắp trong nước, cho đến đời Đại-Cách-mệnh. Nhưng cái danh-dự đặt cơ-sở cho thống-kê-học là tự ông bác-học nước Hòa-lan tên là Achenvall de Göttingen. Năm 1746 người Pháp tên là Deparsieux bắt đầu làm những biểu số người chết. Kịp đến thế-kỷ thứ 19 thì thống-kê-học mới thật phát-đạt, ở nước Pháp thì có ông Quetelet và ông Bertillon cha, đã giúp cho môn học ấy tiến-bộ được nhiều lắm. Bây giờ thì thống-kê-học thành một khoa-học chung cả vạn-quốc và cái phạm-vi mỗi ngày một to rộng ra vậy.

e — *Sách-vở để tra-cứu về thống-kê-học.* — Ở nước Pháp bộ nào cũng có in sách thống-kê. Thứ nhất là sách « Pháp-quốc-thống-kê niên-thư » (*Annuaire statistique de la France*), bắt đầu in từ năm 1878, trước thuộc bộ Thương-nghiệp (*Ministère du Commerce*), sau thuộc bộ Lao-động [1] (*Ministère du Travail*); rồi đến sách « Nhân-khẩu tổng điều-tra » (*Recensement général de la population*), do bộ Thương-nghiệp làm bốn năm một lần; lại có tập « Nguyệt-báo về Thống-kê-học và Tỉ-hiệu-pháp-luật-học » [2] (*Bulletin mensuel de statistique et de législation comparée*) của bộ Tài-chính (*Ministère des finances*) từ năm 1877, tập « Lao-động-sảnh nguyệt-báo » (*Bulletin mensuel de l'Office du Travail*) có từ năm 1894, tập « Tổng-biểu về thương-nghiệp và nghề hàng-hải » (*Tableau général du commerce et de la navigation*) của tòa Thương-chính nước Pháp mỗi năm xuất-bản một lần, lại tập « Tạp-chí của hội Thống-kê Paris » (*Journal de la Société de statistique de Paris*), mỗi tháng xuất-bản một kỳ, có từ năm 1859, tập tạp-chí ấy là của hội riêng không phải thuộc Nhà-nước.

Ở nước Đức có đặt một tòa gọi là « Đế-quốc thống-kê-sảnh » (*Bureau impérial de statistique*), từ năm 1896 mỗi năm xuất-bản một bộ niên-thư đề là *Statistiches Jahrbuch für des Deutsche Reich* (tên Đức) và một bộ kỷ-yếu đề là *Statistik des Deutschen Reich* (tên Đức) hiện nay có đến ngót 300 quyển.

Các chính-phủ Anh, Mĩ, Thụy-sĩ (Suisse), Ý, Áo, v. v. đều có in sách niên-thư về thống-kê cả.

Từ năm 1886 lại có « Vạn-quốc-thống-kê-hiệp-hội » (*Institut international de statistique*) cũng có in sách kỷ-yếu hai năm xuất-bản một kỳ.

f) — *Thống-kê-học ở Đông-dương.* — Ở Đông-dương không có tòa thống-kê của quan đặt; dân-khẩu không có điều-tra, ruộng đất (trừ ở Nam-kỳ) không có đạc ra từng khu. Như thế thời không thể làm thống-kê đích-xác được. Trừ những công-văn của sở Tài-chính (coi việc làm sổ dự-toán) và sở Thương-chính (kiểm việc buôn bán), còn từ xưa đến nay không có sách vở gì đúng về việc kinh-tế trong xứ này.

(1) *Lao-động* 勞動 là chỉ sự làm ăn khó nhọc, như làm thợ thuyền, làm ruộng. Bộ Lao-động coi về những bọn thợ thuyền, những việc giao-thiệp chủ với thợ, thợ với chủ, bênh vực quyền lợi cho kẻ làm công khó nhọc.

(2) *Tỉ-hiệu pháp-luật-học* 比較法律學, là học so-sánh pháp-luật các nước.

Năm 1914, ông BRENIER, nguyên làm trưởng tòa Kinh-tế ở phủ Toàn-quyền có xuất-bản một pho sách đề là « Đông-dương thống-kế địa-đồ dự-thảo » (*Essai d'Atlas statistique de l'Indochine*), thiệt đã công-phu lắm và đủ bổ được cái khuyết-hám từ trước. Ông nói trong sách rằng ông cố suy-lý mà định các số cho thế nào là vừa-phải thích-trung, không xa-cách sự thực lắm, có thể nhân đó đủ kết-luận được sác-đáng.

Sách của ông là sách thứ nhất và hiện nay là độc-nhất về thống-kế của xứ Đông-dương. Thực là danh-dự cho tác-giả vô-cùng.

2° *Thí-nghiệm.* — Thí-nghiệm là tự mình khởi lại một cái hiện-tượng gì theo cách-thức như thực. — Tức là một phép tổng-hợp (*synthèse*). Về kinh-tế-học không thể nang dùng được, nhưng nếu dùng được thì có ích-lợi lắm, vì có thể chứng-thực, hoặc chữa lại cho những sự đã quan-sát. Thí-nghiệm về những việc trong xã-hội thì rất khó, vừa không chắc-bằng và vừa nguy-hiểm.

a — *So-sánh pháp-luật.* — So-sánh pháp-luật các nước thời biết một cái pháp-luật đã thi-hành ở nước nào tới lợi-hại thế nào, tức cũng như người ta đã thí-nghiệm sẵn cho mình. Song phải biết chám-chước mới được, vì cái tình-thế mỗi xứ có khác nhau.

b — *Tạm thi-hành trong một địa-phương.* — Cách thí-nghiệm này không lấy gì làm chắc-bằng lắm, vì cũng một pháp-luật mà tùy thời tùy xứ đem ra thi-hành cái kết-quả không giống nhau. Muốn cho được thật chắc-bằng thì mỗi việc phải chỉ có một nguyên-nhân mới được. Kỳ-thực không phải thế. Như thấy trong một xứ này cái lối « bảo-hộ-mậu-dịch » (*système protectionniste*) dùng lợi hơn là lối « tự-do-mậu-dịch » (*libre échange*),[1] không nên nói rằng thế là lối nọ tốt hơn lối kia và phải đem dùng rộng ra nhiều nước, vì rằng tựu-trung còn nhiều cái nguyên-nhân khác nữa, có phải là một sự lợi hay là bất-lợi, tốt hay là xấu mà thôi đâu. Những nguyên-nhân khác ấy như tính-cách dân, thủy-thổ, địa-thế, địa-lợi khác nhau, v.v.

Tuy trong một xứ lớn không thể nhất-đán đổi pháp-luật để mà thí-nghiệm được, vì làm thế có khi tai hại to, song có thể thí-nghiệm trong từng địa-phương nhỏ. Như pháp-luật về sự cầm-đợ (*législation des hypothèques*) cũng đã từng làm như thế. Hiện cái phép cầm-đợ theo trong dân-luật nước Pháp, không hợp với xã-hội nước Pháp ngày nay, cần phải thay đổi. Bèn đặt pháp-luật mới, đem thi-hành thử ở đất Tunisie; thấy tiện-lợi, lại đem thi-hành rộng sang đất Algérie, có thể đem thi-hành sang đất Đông-dương này cũng được. Nay đã nghiệm quả là tiện-lợi, một mai tất có lệnh thi-hành ở nước Pháp. Ấy cái lối thí-nghiệm về sự « thi-hành trong một địa-phương » (*application locale d'une loi*) như thế.

Lại như thuế thương-chính có ảnh-hưởng đến sự sinh-sản. Cứ so-sánh cái giá-ngạch các sản-vật ở những xứ có thuế ấy với những xứ không có thuế ấy, cùng cái thời-giá trước khi trong khi và sau khi thâu thuế thăng giáng thế nào, cũng đủ tài-liệu cho nhà làm luật theo đấy mà định pháp-luật. Ấy cái lối thí-nghiệm về sự thi-hành tạm (*application temporaire d'une loi*) như thế.

PH. Q. *dịch*

(Kỳ sau bàn về kinh-tế-học quan-hệ với luân-lý-học pháp-luật-học thế nào.)

---

(1) *Bảo-hộ mậu-dịch* 保護貿易 (*protectionnisme*) là cái chủ-nghĩa của những người muốn đánh [illegible] ngoài nhập-cảng vào trong nước để giữ gìn (bảo-hộ) quyền-lợi cho đồ hàng trong [illegible] *tự-do-mậu-dịch* 自由貿易 (*libre échange, libre-échangiste*), muốn cho đồ hàng ngoài đồ hàng trong tự-do mà tranh-cạnh nhau.

Một phen khẩu-biện nên công (1)

Kỳ thứ tám tháng hai (Février 1918) của bản-chí, trong bài văn-học Hi-lạp, tôi có bàn đến sự khẩu-biện phải cần ở buổi đời này, có ý chúc mong trong đồng-chí ta nên chuyên-tâm thao-luyện. Nay lại nhân dịp giới-thiệu cho bà con cái nghề biện-thuyết ở Đông-phương ta, chọn một đôi truyện các nhà biện-sĩ mà bàn luận, hòng giúp vào sự kê-cứu cho các bậc nhiệt-thành với nghề ấy. Một mai trong sử văn-học nước nhà thêm vẻ gấm-hoa, đó cũng là trách-nhiệm con nhà niên-thiếu ta vậy.

Nghề khẩu-biện xứ Đông-Á ta, thịnh-hành nhất là ở đời Chiến-quốc, vì bấy giờ Thiên-tử nhà Chu thất-thế, các hầu-quốc hay lấy võ-lực đối-dãi nhau, đều phải có từ-lệnh giỏi, một là để tiêu hờn ngăn oán trước khi chửa động-binh, hai là để kết-hòa giao-hiếu sau khi đã quyết-liệt ; thế thời khẩu-biện cũng quan-hệ với thời-cục lắm, cho nên các bậc tài-trí trong đời đua nhau nghề ấy. Như Tô Tần 蘇秦, Trương Nghi 張儀, Công-tôn Diễn 公孫衍 đều là những nhà biện-thuyết trước-danh. Song ba người ấy xem ra chỉ hay lợi-dụng cái tài mình đi cổ-động các nước gây việc chiến-tranh, làm cho khiên-động cả toàn-cục, để cầu phú-quí cho mình, kẻ hợp-tung, kẻ lại liên-hoành, khiến dân-gian bối rối, vua chúa lo sầu ; một anh học-trò mà oai quyền như thần thiêng thánh hiền, nghĩ cũng đã vẻ vang thay !

Chi bằng ông Xúc Nhiếp lấy tài biện-thuyết uốn được lòng kiên-chấp của người trên, gỡ được cơn bối-rối cho việc nước, xem bài dịch dưới này mới biết cái khổ-tâm người lão-thần, vì nước chớ không phải vì con mình. Mà đáng khen thay ! Trong lúc khuyên can dùng một cách rất khôn ngoan, khi người trên đương giận thì hẳng lấy những lời hàn-huyên đàm-đạo cho nguôi dần, thực là thuộc cái tâm-lý con người ta lắm. Chủ-ý muốn nói việc con út người trên, nhưng hẳng lấy việc con út mình khơi ra ; muốn nắn cái bụng người trên thiên-ái con út, nhưng hẳng trước tỏ cái bụng mình cũng thiên-ái con út mình ra, thế thời người trên không nghịch-ý mà lời nói mới lọt tai. Mơn man lại diễn ra một đoạn thương con gái hơn con giai, để khích lòng người trên, sau mới sấn vào chủ-ý, nhời nhẽ uyển-chuyển, khiến cho người nghe đến phải xiêu lòng, thật là tuyệt-sảo trong nghề biện-thuyết vậy.

Ôi ! dấu cũ chưa xa, gương soi còn đó, xin ai có tài biện-bác chớ có sai đường. Xem truyện sau cũng nên chú-ý.

* * *

Bà Thái-hậu nước Triệu vừa cầm quyền chính, thì Tần sang đánh Triệu kíp lắm. Triệu phải cầu-cứu Tề, Tề bắt phải cho Trường-An quân 長安君 (2) sang làm con tin thì Tề mới đem quân cứu cho. Nhưng Thái-hậu không nghe, các ông đại-thần cố xin thì Thái-hậu nói rõ cho những cận-thần biết rằng : « Ai còn nói đến việc đem Trường-An quân sang Tề làm con tin nữa thì mụ già này tất nhổ vào mặt. »

Quan Tả-sư là Xúc Nhiếp 觸聾 xin vào hầu. Thái-hậu đương lúc thịnh-nộ, cho phép vào. Tả-sư đi rón rén, đến gần Thái-hậu thì xin lỗi rằng : « Lão-thần này đau chân không đi mạnh được, cho nên lâu nay không được hầu, nhưng lão-thần sợ rằng ngọc-thể Thái-hậu hoặc có vi-hòa chăng, cho nên muốn vào để thăm. »

Thái-hậu nói :

— Tôi phải kiệu mới đi được.

Tả-sư hỏi :

(1) Lời ông Xúc-Nhiếp (觸聾 hoặc gọc là Xúc-Long) nói với Bà Thái-hậu nước Triệu ; dịch ở *Chiến-quốc-sách*. — (2) Người con út Thái-hậu.

— Vậy Thái-hậu ăn uống có khỏi suy không?

Thái-hậu đáp:

— Chỉ ăn cháo được thôi.

Tả-sư thưa:

— Lão-thần cũng yếu ăn, nhưng cứ mỗi ngày đi chân vài dặm đường, dần dần nghe muốn ăn, lại nghe khoan-khoái trong mình.

Thái-hậu nói:

— Lão-phụ này thì không đi chân thế được.

Bấy giờ coi nét mặt Thái-hậu đã nguôi giận.

Tả-sư mới tâu rằng:

— Lão-thần có thằng con út, bất-tiếu, mà lão-thần suy-nhược rồi, xin Thái-hậu cho nó được bổ vào một chức áo đen (chức quan hầu), hộ-vệ Vương-cung, dẫu đến chết cũng còn nhớ ơn.

Thái-hậu nói:

— Được, nó bao nhiêu tuổi?

Tả-sư đáp:

— Mới có mười làm tuổi, dẫu còn bé cũng xin kịp lúc thân già này chửa lấp vào khe hang mà ký-thác cho nó.

Thái-hậu hỏi:

— Thế ra trượng-phu cũng thương con út ư?

Tả-sư đáp:

— Bụng trượng-phu chúng tôi thương con út lại hơn đàn bà.

Thái-hậu cười nói rằng:

— Bụng đàn-bà khác hơn lắm chứ.

Tả-sư thưa rằng:

— Lão-thần trộm nghe Thái-hậu thương bà Yên-hậu (con gái Thái-hậu) hơn Trường-an quân.

Thái-hậu nói: — Ông nhầm, sao có bằng thương Trường-an-quân được.

Tả-sư thưa rằng:

— Cha mẹ thương con thì phải vì con tính sâu lo xa. Khi Thái-hậu tiễn bà Yên-hậu về nước cầm tay mà khóc, thương vì nỗi lấy chồng xa vậy. Đã có lòng thương khi biệt nhau lại chẳng nhớ hay sao? Nhưng mỗi khi nước Triệu có tế-tự gì thì Thái-hậu tất khấn rằng: « Xin các đấng tiên-vương, tiên-công phù-hộ cho Yên-hậu đừng giở về Triệu nữa » [1], thế há chẳng phải là Thái-hậu tính sự lâu dài cho Yên-hậu, muốn cho có con có cháu kế-thế làm vua nước Yên ư?

Thái-hậu đáp rằng: — Phải.

Tả-sư lại hỏi:

— Chẳng những nước Triệu, các nước khác cũng thế. Hạng ấy có còn ai không?

Thái-hậu đáp:

— Nghe như cũng không.

Tả-sư nói rằng:

— Thế là những nhà ấy, gần thì vạ ngay đến thân, xa thì vạ đến con cháu, há có phải là dòng dõi nhà vua thì hay gặp sự không lành dâu? Chỉ bởi con cháu những nhà ấy ngồi cao, phụng-dưỡng hậu mà không có công-báo gì với nước, lại ôm ấp những đồ trọng-khí nhiều cho nên không bảo-toàn được vậy. Nay Thái-hậu tôn cái ngôi ông Trường-an-quân, phong cho một thái-ấp có địa-lợi tốt, ban cho nhiều trọng-khí, thế mà không để cho ông ấy nhân dịp này mà lập công với nước Triệu, một mai mà gò núi lở đi thì ông ấy nương tựa vào đâu? Lão-thần cho là cái kế Thái-hậu lo liệu cho ông Trường-an-quân như thế thời ngắn ngủi lắm. Cho nên lão-thần nói là Thái-hậu thương Trường-an-quân không bằng Yên-hậu vậy.

Thái-hậu mới tỉnh-ngộ ra, truyền rằng:

— Việc đó mặc ý ông.

Bấy giờ nước Triệu mới dọn một cỗ xe hầu đưa ông Trường-an-quân sang Tề. Nước Tề mới xuất quân sang cứu Triệu.

NGUYỄN MẠNH-BỒNG

---

[1] Các bà Hoàng-hậu đời Chiến-quốc không con thì phải trở về nước bố mẹ.

TRIẾT-HỌC

TRIẾT-HỌC NƯỚC PHÁP (1)

V

Triết-học nước Pháp về thế-kỷ thứ 19 chia ra hai phần. Một phần mới thuật đó là chủ về đường sinh-lý-học, tâm-lý-học, xã-hội-học. Còn một phần nữa thì vẫn kế-thiệu cái học-thống các đời trước mà lấy vạn-vật, lấy linh-tính người ta làm mục-đích cho sự tư-tưởng.

Từ đầu thế-kỷ thứ 19, nước Pháp đã có một nhà siêu-hình-học hiển-hách nhất tự đời ông DESCARTES, ông MALEBRANCHE đến giờ: nhà ấy tức là ông MAINE DE BIRAN (1766-1824). Cái học-thuyết của ông khi mới xuất-hiện không có mấy người biết, nhưng từ đấy đến nay ảnh-hưởng cứ mỗi ngày một to rộng mãi ra. Có nhẽ cái đường-lối ông đã mở ra chính là cái đường-lối của siêu-hình-học tất phải đi đến vậy. Người ta thường gọi ông là « ông KANT của nước Pháp », nhưng cái tư-tưởng của ông thực là trái với cái tư-tưởng của nhà triết-học Đức. Nhà triết-học Đức dạy rằng trí-tuệ người ta không thể tới được cái tuyệt-đích; ông thì nói rằng trí-tuệ người ta có thể tới được cái tuyệt-đích, nên lấy cái tuyệt-đích làm mục-đích cho sự tư-tưởng của mình. Như khi ta gắng-sức làm việc gì, ta biết rằng ta gắng-sức, ta biết rằng sự gắng-sức ấy ở ta mà ra, thế thì cái sự biết ấy không phải là sự biết thường, thực là một sự biết đặc-biệt, vì không phải biết cái hiện-tượng ở ngoài là sự gắng-sức, mà biết cái chân-tướng ở trong là cái bởi đó mà sinh ra sự gắng-sức ấy; cái chân-tướng ấy tức ông KANT gọi là cái « bản-thể » (*la réalité en soi*), mà nói rằng người ta không bao giờ tới đến mà biết được. Nói rút lại thì cái siêu-hình-học của ông MAINE DE BIRAN là muốn cho càng ngày cái trí-thức người ta càng xét sâu mãi vào trong « nội-tâm thế-giới », thì tất thấy càng ngày tự mình lại càng cao mãi lên, càng siêu-việt mãi lên, cho đến đạt tới cái mối « tuyệt-đích » của giới đất vậy. Ông xướng ra cái tư-tưởng ấy mà ông suy-diễn mãi cho đến cùng, không phải là chỉ chủ dựng thành « thuyết-hệ », sây thành cái lâu-đài huyền-ảo mà thôi đâu (2).

Muốn nghiệm xem cái học của ông MAINE DE BIRAN có giống cái học của ông PASCAL không, thì cứ xét ngay cái triết-học của ông RAVAISSON (1813-1900) là đủ biết. Ông RAVAISSON vừa kế cái học-thống của ông PASCAL, lại vừa tổ-thuật ông MAINE DE BIRAN, lại vừa ham cái triết-học cổ, mĩ-thuật cổ của Hi-lạp, thực là một mình gồm cả mấy đời tư-tưởng vậy. Xem thế thì biết các nhà triết-học Pháp, tuy mỗi người vẫn có một cái học-thuyết riêng, nhưng không phải là không liền-tiếp với một cái cựu-truyền nào trong nước, không phải là không thuộc vào một cái học-thống cũ nào. Như ông DESCARTES tuy là phản-đối với triết-học đời Cổ-đại, nhưng chính cái học của ông cũng vẫn là giữ được sự điều-độ, sự trật-tự, là hai cái đặc-tính của triết-học cổ Hi-lạp. Ông RAVAISSON cũng là phát-minh cái phần

(1) Xem *Nam-phong* số 12, trang 355-357.

(2) Cái học-thuyết của ông MAINE DE BIRAN là chủ nhất sự nghiên-cứu trong nội-tâm người ta. Càng nghiên-cứu vào sâu bao nhiêu thì cái tâm-tính mình lại càng cao lên bấy nhiêu, nghiên-cứu đến cùng thì tất tới được cái « bản-thể » là cái tuyệt-đích của vũ-trụ.

thuộc về mĩ-thuật, thuộc về cổ-điển trong tư-tưởng nước Pháp [1]. Chính ông đã phác-họa ra một cái triết-học riêng lấy phàm sự-vật có đẹp mới là thực, càng đẹp bao nhiêu là càng thực bấy nhiêu, thật là tổ-thuật được cái mĩ-thuật-tư-tưởng của người Hi-lạp đời xưa vậy.

Đọc đến tên ông RAVAISSON, không thể quên được tên ông LACHELIER ; ông cũng là một nhà tư-tưởng trước-danh, có ảnh-hưởng to trong thế-kỷ thứ 19. Giữa lúc ông VICTOR COUSIN (1792-1867) xướng ra cái triết-trung-chủ-nghĩa (*éclectisme*) muốn điều-hòa các phái mà làm cho ngưng-trệ cái nguồn tư-tưởng của nước Pháp trong mấy mươi năm, nhờ có ông xuất-hiện ra mà đánh thức cái hồn triết-học ở các nơi học-đường trong nước. Bài tiến-sĩ-luận-văn [2] của ông đề là « Bàn về cái gốc của phép qui-nạp (về triết-học) » (*Sur le fondement de l'induction*), thực là một bộ sách tuyệt-tác. Cái học-thuyết của ông tuy tự xưng là tổ-thuật ông KANT, nhưng thực ra ngoài cái « duy-tâm-luận » (*idéalisme*) của ông KANT, mà mở đường cho một cái « thực-thể-luận » [3] (*réalisme*) lối mới, hơi giống như cái « bản-thể-luận » của ông MAINE DE BIRAN. Ông LACHELIER là một nhà dạy học có tài, đã lấy cái tư-tưởng cao mà rèn đúc cho bao nhiêu học-trò, nhờ ông sau này nổi tiếng cũng nhiều.

Ông BOUTROUX thì xướng ra cái thuyết rằng phàm người ta gọi là « phép của tạo-vật » ấy cũng là thuộc về « đối-đích » [4] mà thôi (*la contingence des lois de la nature*), nghĩa là không phải nhất-định, phải tùy sự ngẫu-nhiên mà thay đổi. Một nhà số-học đại-danh là ông Henri POINCARÉ tuy thuyết-minh ra cách khác mà cũng kết-luận như vậy. Ông nói rằng cái tư-tưởng ta cứ muốn đặt phép-tắc cho vũ-trụ, nhưng mà chính ta, chính cái học của ta cũng không theo được những phép-tắc ấy, vì chính ta, chính cái học của ta đều là thuộc về « đối-đích » cả. Trong phái này còn có ông MILHAUD, ông EDOUARD LE ROY nữa. Cái học-thuyết của ông LE ROY thì khuynh-hướng riêng về đường đạo-đức, đường tôn-giáo.

Đến như ông LIARD thì chủ muốn giữ cái siêu-hình-học với cái thực-nghiệm-học, cho là hai cái cùng cần cho sự tư-tưởng người ta. Ông FOUILLÉE cũng một tôn-chỉ như thế. Ông là nhà tâm-lý-học, xã-hội-học, lại vừa là nhà luận-lý có tài, đã từng xướng ra một cái thuyết gọi là « ý-lực-thuyết » (*théorie des idées-forces*), lấy rằng phàm cái ý-tưởng thâm-thiết đều tự nó có cái sức thực-hành ra được [5]. Sự học của ông rộng lắm, không có một vấn-đề nào thuộc về lý-tưởng hay là thuộc về thực-tế mà ông không từng xét đến, phát-minh được nhiều ý-kiến mới lạ. Học-trò ông là ông GUYAU lại là một nhà tư-tưởng đại-tài nữa. Ông GUYAU thì xướng lên cái lý-thuyết rằng người ta phải phát-đạt cái sức sinh-hoạt trong

---

(1) T[illegible]ọc nước Pháp [illegible] yên tự triết-học Hi-lạp, mà [illegible]t-học Hi-lạp, nhất [illegible] học của ông PLATON, [illegible] chuông sự đẹp. [illegible] cái phần thuộc về cổ-điển, thuộc về mĩ-thuật tức là [illegible] phần đã chịu đ[illegible] triết-học cổ Hi-[illegible]

(2) [illegible] *de doctorat*).

(3) [illegible] y cái lý-tưởng cũng là những vật có thực-thể, không phải [illegible] sự-không. Thuyết này thịnh hành nhất vẹ đời Trung-cổ.

(4) [illegible] *de relatif* [illegible] *absolu* [illegible] cái gì làm cho đi-đích được nữa. Trong [illegible] *La Contingence des lois de la nature*, ông Boutroux bác cái sự tin nhầm [illegible] học ấy, mà xướng lên [illegible] phàm phép của tạo-vật đều là thuộc về đối-đích, không thể nhất-định đưo[illegible]

(5) Cái « ý-lực-thuy[illegible] » (*théorie des idées forces*) này cũ[illegible] làm là một) của ô[illegible] Vương Dương-minh 王陽明 nước [illegible] được, hễ tưởng đến là có sức làm [illegible] là biết cho sau, tướ[illegible]

người cho cực mạnh, cực hoàn-toàn, thì tự-nhiên là đến được cái tuyệt-phẩm trong đạo-lý.

Mấy ông ấy là những nhà triết-học cận-thời. Ta gọi là kể thiệp-liệp mà thôi, không thể nói về mỗi ông cho thực tường được. Trong thế-kỷ thứ 19 còn hai nhà triết-học trước-danh nữa, chưa kịp thuật đến : là ông RENOUVIER và ông COURNOT.

Ông RENOUVIER thì khởi-điểm tự cái « kiểm-điểm-chủ-nghĩa » (*criticisme*) (1) của ông KANT, rồi tiến mãi lên mà kết-luận đến cái nghĩa tự-do, xướng ra một cái luân-lý rất là có ảnh-hưởng đến sự tư-tưởng đương-thời.

Ông COURNOT thì khởi-điểm tự số-học, rồi đặt ra một cái « kiểm-điểm chủ nghĩa » lối mới, khác cái lối của ông KANT, vì lối này vừa xét cả cái *hình*, vừa xét cả cái *chất* của sự tri-thức, tức là vừa xét cả cái phương-pháp, vừa xét cả cái kết-quả của sự học nữa. Nhờ cái « kiểm-điểm-chủ-nghĩa » ấy mà ông đã phát-minh ra được nhiều tư-tưởng mới-lạ sâu-sắc, thực có thể liệt vào bậc các nhà triết-học đại-danh vậy.

Sau hết cũng nên nói mấy nhời về cái triết-học của người làm bài này, (tức là ông BERGSON) (2). Bi-nhân có làm sách « Sáng-tạo-đích-tiến-hóa luận » (*L'Evolution créatrice*), muốn đem cái siêu-hình-học vào trường thực-nghiệm, vừa dùng thực-học, vừa dùng ý-thức, vừa dùng cái sức trực-giác (*intuition*) ở trong người để mong dựng ra một cái triết-học mới có thể lý-hội được không những là những lý-tưởng chung mà đến cả những sự-thực riêng nữa. Triết-học mà được như thế thì cũng đích-sác bằng khoa-học, chẳng kém gì ; cũng mỗi ngày một tiến lên như khoa-học, mỗi ngày thêm những kết-quả mới vào kết-quả cũ đã thành. Nhưng cái triết-học ấy còn có một mục-đích nữa, bởi đó mà phân-biệt với khoa-học, là muốn cho cái tri biết người ta mỗi ngày một rộng mãi ra, phá cả khuôn phép mà khoáng-trương mãi ra, khiến cho cái tư-tưởng của người ta có thể bành-trướng đến vô-cùng vậy (3).

(Kỳ sau là kết-luận)

PH. Q. *dịch*

Thái-dương-quang (太陽光新曲)

Hiệp-khí

Chàng Dự-Nhượng
Cảm-tình,
Người tri-kỷ,
Nhất quyết,
Liều bỏ mình,
Báo thù không được vẫn thơm-danh.

Khách nam-nhi
Có nghĩa-hiệp,
Mới đáng là.
Kìa người xưa đó sử còn ghi,
Vài nhời gắn bó.
Khách nam-nhi !

NGUYỄN ÁI-HOA

---

(1) « Kiểm-điểm-chủ-nghĩa » (*criticisme*) là cái chủ nghĩa xướng ra tự ông Kant, muốn kiểm-điểm sát-hạch hết thảy để định giới-hạn cho cái tri-thức của người ta.

(2) Đây là tiên-sinh tự thuật cái triết-học của mình.

(3) Cái tôn-chỉ của triết-học tiên-sinh là muốn cho cái tri tư-tưởng của người ta gồm được hết cả sự-vật. Nên tiên-sinh tham-bác cả các khoa-học thực-nghiệm, cùng các khoa học siêu-hình ; phá cả những khuôn-phép của triết-học cũ, vụ cho gây được một cái triết-học mới rất hoàn-toàn, hình-dung được toàn-thể của vũ-trụ. Đến ngày cái triết-học ấy thành thì cái công tư-tưởng của nước Pháp, không những cả một nước Pháp, của cả thế-giới nữa, sẽ được cái kết-quả to nhất từ đời có lịch-sử đến nay.

VĂN-UYỂN

THI-VĂN CŨ

Tế tướng-sĩ văn

(Tiền-quân quận-công Nguyễn Văn-Thành soạn năm 1802)

Tiểu-dẫn

Bài văn-tế sao-lục sau này thực là một áng văn-chương tuyệt-bút trong nền quốc-âm ta. Lối văn-tế nôm xưa nay cũng nhiều, mà phần nhiều là những nhời than giùm khóc mướn, không có một chút tình-tứ gì, chưa từng thấy bài nào hay bằng bài này, cảm-động lòng người bằng bài này. Hay vì nhời văn trác-luyện, hay vì cái khí anh-hùng, hay vì ý-tứ thâm-trầm, hay vì cái cảm-tình như chan-chứa trong toàn-thiên.

Hay vì nhời văn : nhời nhời đang ghi vào vàng đá, truyền đến muôn năm, khi giông-giả như dịp trông trong quân, khi tơi-bời như ngọn cỏ dưới nguyệt, khi « mịt-mù như cơn gió-lốc thổi dấu kẻ tha-hương », khi « lập-lòe như đám lửa chơi soi chừng chốn cỏ-đỏ », khi hùng-tráng như tiếng gươm tuốt trong trận, khi lâm-li như tiếng vượn khóc trên ngàn...

Hay vì cái khí : khí là cái khí-phách anh-hùng của mấy trăm vạn con em đất Nam-Việt, đã cùng ông Nã-phá-luân nước ta là Đức Thế-tổ Cao-hoàng-đế trong hai mươi năm gian-nan lao-khổ, « trước từng trải Xiêm-la, Cao-man, về Gia-định mà dẫn ra Khánh-Thuận, rồi lại từ Đồ-bàn, Nam-Nghĩa, lấy Phú-xuân mà thẳng tới Thăng-long » ; thực là một đoạn lịch-sử rất vẻ-vang của Tổ-quốc ta, ai đọc đến mà chẳng thấy hưng-khởi trong lòng ?

Hay vì cái ý-tứ : ý-tứ thâm-trầm, muốn biểu-dương cái công-nghiệp của bọn quân-nhân đã giúp được Bản-triều gây dựng nên cơ-đồ vĩ-đại như thế, kẻ sống đã hết phận truy-tuy, « chung nỗi ân-ưu mà riêng phần lao-khổ », kẻ chết cũng còn hô được « Hoàng-triều cho bề lang sóng trong ». Đời sau ha nên phụ công bọn quân-nhân mà trụ ông Thành ông Duệt ư ?

Hay vì cái cảm-tình : cảm-tình một ông võ-tướng thương nhớ kẻ tì-hưu, đã cùng mình khi uống « chén rượu đầu chênh », khi vung « tấm của trước gió », mà nay gặp hội thanh bình, xót vì nỗi người còn mà kẻ khuất ! Thương xót ngậm ngùi mà chạnh nghĩ đến « cha già, mẹ yếu, vợ goá, con côi » của những kẻ chẳng may đã khuất đi, muốn an-táng mà bảo-tồn cho khắp đủ. Ấy cái tình một ông đại tướng đối với kẻ quân-nhân thiết-thâm mà châu-đáo như thế !

Thiết-tưởng bài này mà đọc ở trước mặt ba quân, trong « đám cờ đào nón đỏ », không còn cái cảnh-tượng gì hùng-tráng mà cảm-động bằng : người nghe tất ai cũng nức-nở trong lòng mà chưa-chan giọt lệ vậy.

Đọc bài này đủ biết cái tâm-địa một ông tướng giỏi nước Nam ta lòng ưu-ái ngang với chí anh-hùng, thương quan-sĩ như thương con mới nên được những giọng thiết-tha thắm-thía như thế, có kém gì các bậc danh-tướng của các nước ngày nay ?

Cho nên bài văn-tế này, về đường văn-chương, về đường tư-tưởng, có thể đem sánh cùng những bài văn-tế thực hay của cụ linh-mục BOSSUET *nước Pháp hay là nhà văn-hào* HÀN DŨ *nước Tàu, cũng không sợ thua vậy. Văn-chương nôm ta có kém gì ai ? Khinh-miệt là tội người mình.*

Những bài như bài này nên làm một khoa giảng-nghĩa quốc-văn ở các trường học (1).

PH. Q. *cẩn-chí.*

Than rằng :

Giời Đồng-phố vận ra sóc-cảnh (2), trải bao phen gian-hiểm mới có ngày nay.

Nước Lô-hà chảy xuống Lương-giang (3), nghĩ mấy kẻ điêu-linh những từ thủa nọ.

Đã hay sinh là ký mà tử là qui ; nhưng mệnh ấy yểu mà danh ấy thọ.

Ai ôi ! Tinh dưới viên-mao (4), phận trong giới-trụ (5).

Ba nghìn họp con em đất Bái (6), cung tên ngang dọc chí nam-nhi.

Trăm hai vày bờ cõi non Kỳ (7), cơm áo nặng dày ơn cố-chủ.

Rấn thân cho nước, son sắt một lòng ; nối nghĩa cùng thầy, tuyết sương mấy độ.

Kẻ thời theo cơ-dịch (8) chạy sang miền khách-địa, hăm-hở mài nanh rũa vuốt, chỉ non tây thề chẳng đội giời chung.

Kẻ thời đón việt-mao (9) giở lại chốn sơ-cơ, dật-dìu vén cánh nương vây, trông cõi bắc quyết thu về đất cũ.

Nằm gai nếm mật (10), chung nỗi ân-ưu ; mở suối bắc cầu, riêng phần lao-khổ.

Trước từng trải Xiêm-la, Cao-man, về Gia-định mới dần ra Khánh-Thuận ; đã mấy buổi sơn-phong hải-lễ, giời Cao-Quang soi khắp tấm kiên trinh (11).

Rồi lại từ Đồ-bàn, Nam-Nghĩa, lấy Phú-xuân mà thẳng tới Thăng-long ; biết bao phen vũ-pháo vân-thê, đất Lũng-Thục lăn vào nơi hiểm cố (12).

Phận truy-tùy gẫm lại cũng cơ-duyên ; trường chiến-đấu biết đâu là mệnh số.

Kẻ thời chen chân ngựa quyết giật cờ trong trận ; xót nhẽ gan vàng mà mệnh bạc, nắm lòng hồng (13) theo dạn lạc tên bay.

Kẻ thời bắt mũi thuyền toan cướp giáo giữa dòng ; thương thay phép trọng

---

(1) Bài văn-tế này và một bài tế quan phó-mã và quan Lễ-bộ sẽ đăng kỳ sau, tôi đã dịch ra pháp-văn trong tạp-chí của trường Viễn-đông Bác-cổ Hanoi (*Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient*, 1914, N° 5). — P. Q.

(2) Đồng-phố là Gia-định. — Sóc-cảnh là ngoài cõi bắc.

(3) Sông Lô thuộc Tuyên quang, chảy xuống Việt-trì, họp với sông Phú-lương, tức là sông Nhị.

(4) Viên là cửa viên-môn, đình quan đại-tướng. - Mao là cờ tiết-mao.

(5) Là áo giáp, mũ trụ, của bọn tướng-sĩ.

(6) Hàn Cao-tổ khởi nghĩa ở ấp Bái, họp cả con em trong làng ba nghìn người.

(7) Ở đất Kỳ (Tân-trung) non sông hiểm trở, chỉ hai vạn người mà địch nổi hàm vạn người các nước chư hầu ; là trỏ các tướng-sĩ đi theo đức Thế-tổ.

(8) Cơ-dịch là giám cương buộc ngựa, là trỏ người giữ ngựa theo nhà vua.

(9) Việt là cái phủ-việt, mao là cờ tiết-mao.

(10) Vua Câu-Tiễn nước Việt, khi thất quốc, thường nằm trên đống chông gai, nếm mật đắng, để nghĩ kế khôi-phục.

(11) Khánh là Khánh-hòa, Thuận là Bình-thuận. Sơn-phong là gió núi : Khi đức Thế-tổ đóng ở đảo Côn-lôn, quân Tây-sơn chợt đến vây ; bỗng dưng giời nổi bão, thuyền giặc chìm đắm, ngài vượt thoát được khỏi trùng-vi. — Hải-lễ là nước ngọt ở bể : là khi đức Thế-tổ chạy ra bể, hãy ngay đêm, không có nước uống, may gặp chỗ nước ngọt, múc uống mới khỏi khát. — Cao là Hán cao-tổ ; Quang là Quang-vũ, là hai vua sáng-nghiệp trung-hưng nhà Hán, cũng ví như đức Thế-tổ.

(12) Đồ-bàn là thành Bình-định. — Vũ-pháo là đạn bắn ra như mưa ; vân-thê là thang mây, để bắc trèo lên thành. — Lũng là đất Lũng-tây. Thục là Tứ-xuyên, là đất hiểm-cố ở bên Tàu, cũng ví như đất hiểm nước ta.

(13) Tờ thư Tư-mã Thiên rằng : « Người ta ai cũng chết, mà tính mệnh cũng có người nhẹ như nắm lông hồng ».

để thân khinh, phong da ngựa [1] mặc bèo trôi sóng vỗ.

Hồn tráng-sĩ biết đâu miền minh-mạc; mịt mù gió lốc thổi dấu tha-hương.

Mặt chinh-phu khôn vẽ nét gian-nan; lập lòe lửa chơi soi chừng cổ-độ.

Ôi! Cùng làng trung-nghĩa, khác số đoản tu [2]; nửa cuộc công-danh, chia phần kim-cổ.

Đoái là tiếc xương đồng da sắt, thanh bảo-kiếm đã trăm rèn mới có, nợ áo cơm phải giả đến hình-hài.

Nhưng mà khen dạ đá gan vàng, bóng bạch-câu xem nửa phút như không, on dày đội cũng cam trong phế-phủ.

Phận đàu không gác khói dài mây [3]; danh đã dậy ngàn cây nội cỏ.

Thiết vì thủa theo cờ trước gió, thân chẳng quản màn sương đệm giá, những chờ xem cao thấp bức cân-thường [4].

Tiếc cho khi nhỡ bước giữa dòng, kiếp đã về cõi suối làng mây, nào kịp thấy ít nhiều hơi vũ-lộ [5].

Vâng thượng-đức mới hồi-loan tháng trước; đoàn ứng-nghĩa dẫu Quảng-Thuận-Nghệ-Thanh cũng vậy, giội ân quang gieo khắp xuống đèo Ngang.

Mà những người từng thượng-trận ngày xưa; rắp tâu công tự *ngọ, vi, thân, dậu* [6] tới nay, treo tình tự để nằm trong lá số.

Ngọn còi rúc nguyệt, nơi tẻ nơi vui; dịp trống rồn hoa, chốn tươi chốn ủ.

Đã biết rằng anh-hùng thì chẳng quản; trăm trận một trường oanh-liệt, cái sinh không, cái tử cũng là không!

Nhưng tiếc cho tạo-hóa khéo vô-tình; nghìn năm một hội tao-phùng, phận thủy có, phận chung sao chẳng có?

Bản-chức nay: Vâng việc biên-phòng, chạnh niềm viễn-thú.

Dưới trướng nức mùi chung-đỉnh, sẽ nhớ khi chén rượu rót đầu ghềnh.

Trong nhà rõ vẻ áo xiêm, chạnh nghĩ buổi tấm cừu vung trước gió.

Bàng-khuâng kẻ khuất với người còn; tưởng-tượng thầy đâu thì tớ đó.

Nền phủ-định [7] tới đây còn sốc-nổi; vụ lòng một lễ, chén rượu thoi vàng.

Chữ tương-đồng ngẫm lại vốn đinh-ninh; đông mặt ba quân, cờ đào nón đỏ.

Có cảm-thông thời tới đó khuyên mời; đàu linh-thính hãy nghe nhời dặn dỗ.

Buổi chinh-chiến hoặc là oan hay chẳng; cũng chớ nề kẻ trước người sau, hàng trên lớp dưới, khao-thưởng rồi sẽ tấu biểu-dương cho.

Hội thanh-bình đừng có nghĩ rằng không: dù ai còn cha già mẹ yếu, vợ góa con côi, an-tập hết cũng ban tồn-tuất đủ.

Hồn-phách đâu cũng ngày tháng Thuấn Nghiêu; hài-cốt đó cũng nước non Thang Vũ.

Cơ huyền-diệu hoặc tháng trầm chưa rõ: thiêng thời về cố-quận để hương thơm, lửa sáng; kiếp tái-sinh lại nhận cửa Tiền-quân.

Niềm tôn-thân dù sinh-tử chớ nề; linh thời hộ Hoàng-triều cho bể lặng, sông trong; duy vạn-kỷ chẳng dời ngôi bảo-tộ.

Thượng-hưởng!

Đông-châu NGUYỄN HỮU-TIẾN
sao-lục và chú-thích.

---

(1) Mã Viện rằng: « Trượng-phu nên chết ở chiến-trận, lấy da ngựa bọc thây đem về. »
(2) [illegible]
(3) [illegible] Minh-đế vẽ tranh công thần ở Vân đài
(4) [illegible]
(5) Vũ lộ là ơn vua vì như mưa móc thấm nhuần.
(6) Năm 1798-1801
(7) Chữ rằng: « Can-qua phủ-định. » Nghĩa là việc binh qua mới đẹp yên.

DỊCH ĐƯỜNG-THI (1)

XVI

閨怨
Khuê oán

閨中少婦不知愁
Biết đâu là nỗi dặm trường,
春日凝妝上翠樓
Ngày xuân này những phấn hương
忽見陌頭楊柳色 lên lầu.
Trợt trông ngàn liễu một mầu,
悔教夫壻覓封侯
Ai ôi tham ấn phong hầu làm chi ?

XVII

從軍行
Tùng quân hành

烽火城西百尺樓
Ngồi trông ngọn lửa lầu cao,
黃昏獨坐海風秋
Chênh chênh bóng ác ào ào gió thâu.
更吹羌笛關山月
Quan-sơn là khúc ở đâu.
無那金風萬里愁
Khiến người muôn dặm mối sầu đỏ
dang.

XVIII

芙蓉樓送辛漸
Phù-dung-lâu tống Tân-Tiệm

寒雨連江夜入吳
Canh thâu lác đác tiếng mưa,
平明送客楚山孤
Tiễn nhau núi Sở sông Ngô đưa đường.
洛陽親友如相問
Mượn về nhủ khách Lạc-dương,
一片冰心在玉壺
Giá trong lòng vẫn thường thường thế
đây.

XIX

旗溪別人
Lư-khê biệt nhân

武陵溪口駐扁舟
Thuyền vừa đỗ bến Võ-lăng,
溪水隨君向北流
Nao nao dòng nước cũng chừng theo ai.
行到荊門上三峽
Núi Vu nghe khéo chiều người,
莫將孤月對猿愁
Chớ đem bóng thỏ mà soi giọng sầu.

XX

夜上受降城聞笛
Dạ thượng Thụ-hàng thành văn địch

回樂峯前沙似雪
Trước non tuyết lẫn với sa,
受降城外月如霜
Ngoài thành bóng thỏ lại hòa với sương.
不知何處吹蘆管
Khúc còi ai lựa nên xoang,
一夜征人盡望鄉
Một đêm mơ giấc hương-quan mấy
người.

XXI

宮怨
Cung-oán

露濕晴花春殿香
Giọt sương gieo rũ cành hoa,
月明歌吹在昭陽
Bóng giăng đưa tiếng sinh ca một vài.
似將海水添宮漏
Đồng hồ thêm nước là ai,
共滴長門一夜長
Tình dài buồn nỗi đêm dài trống canh.

(Còn nữa)

Đông-châu NGUYỄN HỮU-TIẾN
sao-lục

(1) Xem *Nam-Phong*, số 9 và số 10 đã đăng cả thảy 15 bài.

THI VĂN MỚI

Chơi chùa Lũng-tiên (Kiến-an)

Tầm-phương nhân gặp buổi xuân-thiên,
Dạo gót vào chơi cảnh Lũng-tiên.
Tiếng kệ vang lừng ngoài cửa phạm,
Mùi hương thơm ngát trước tòa sen.
Động đào giăng tỏ lòng tri-kỷ,
Ngõ hạnh hoa đưa thú giải-phiền.
Kẻ ở gần đây nào có biết,
Giang-sơn dâu cũng vẫn người quen.

Ngũ-ngôn cổ-phong

I

Trăm năm cuộc vuông tròn,
Lừa lọc đã dành khuôn.
Kẻ lành cùng kẻ dữ,
Người dại với người khôn.
Thấy giăng in đáy nước,
Trông hoa nở đầu non.
Phong-cảnh kia là thế,
Giang-sơn ấy vẫn còn.

II

Thôi thôi gác truyện đời,
Hay dở mặc lòng ai.
Nỗi chìm nay cũng thế,
Rủi may âu tại Giời.
Nói năng cho phải nhẽ,
An ở được như nhời.
Say say rồi tỉnh tỉnh,
Mua vui một trận cười.

Cung-kỷ Ngự-giá Bắc-tuần (hát nói)

CÂU MIỄU

Mừng nay có chúa Thuấn, Nghiêu,
Gió nhận mưa huệ khắp điều muôn dân.
Ngửa tin Ngự-giá Bắc-tuần,
Cỏ hoa đón rước xa gần ngợi khen.

Vân di chỉ vĩ khai cung phiến, nhật nhiễu long lân thức thánh-nhan. Dưới hành-cung tấu khúc Nam-San, lòng cổ-võ hân-hoan đà xiết kể. Mừng lại gặp thái-bình nghi-vệ, cuộc thanh-bình lương-tễ minh-quân. Hội y-thường kết-nghĩa giao-lân, xét phong-hóa thể tình dân là thịnh-cử. Chủ khách tình vui hàng nhạn tự, thần dân mắt ngóng chiếu rồng bay. Kẻ từ nam bắc đông tây, đâu nghe thấy cũng vui vầy mừng rỡ. Muôn tuổi chúc dừng vì Thiên-tử, khắp toàn-kỳ đều dậy chữ tung-hô. Nhớ ngày loan-giá Đông-đô, âu vàng vững đặt dư-đồ nước ta. Là ngày mười sáu tháng ba !

Phượng-lâu VŨ DUY-PHIÊN

Cảnh Hồ-Tây bên thành Hà-nội

Thênh thênh một vũng tang-thương,
Nghìn năm có lẻ nước gương hãy còn.
Bia danh nhị-thắng chưa mòn,
Việt-Nam dấu cũ vẫn còn đâu đây...
Tự đâu tên gọi Hồ-Tây ?
Tục truyền « Lãng-Bạc » chốn này phải [không ?
Trông ra mặt nước mênh mông,
Nhìn phong-cảnh cũ động lòng đỗ-[quyên.
Cảnh đâu một cảnh thiên-nhiên,
Biết bao tích cũ còn truyền sử xanh.
Thăng-long ra mé tây thành,
Lên non Phụng-đất, xem đình Cố-Lê.
Sông Tô ấy lối trâu về,
Tượng Đồng-đen đó chưa hề đổi thay.
Tiếng chuông còn vẳng bên tai,
Nghe chuông chạnh nhớ đến người [nước non.
Đòi phen lớp-lớp sóng dồn,
Ấy oai Mã Viện, hay hồn Trưng-Vương ?
Khí thiêng phảng phất nam-phương,
Hồn oan một dải nay thường chưa tan.
Một giời riêng một giang-san,
Vì đâu đứt phiếm cho đàn ngang cung !
Danh vang bến Nhị non Nùng,
Thơm tho tiếng nữ-anh-hùng đến nay !
Xanh xanh ngàn thức cỏ cây,
Như in như vẽ khéo thay thợ giời !
Cảnh tiên mà ở cõi đời,
Chỉ hiềm một nỗi không người thần-
Xa trông một lớp ngư-thuyền, [tiên.
Cá kia mắc lưới dễ phiền hơn ta !

Cánh bèo ngọn gió đưa xa,
Bút nào mà tả cho ra mối tình.
Véo von chim hót đầu cành,
So đôi cảnh-ngộ tủi mình biết bao!
Mây cao bóng nước càng cao,
Càng trông ngắm cảnh càng ngao ngán
Vẫn nhiều mà nước vẫn trong! [lòng.

Phú-giang NGUYỄN VĂN-BẰNG

VỊNH SỬ

Sơn Thủy tranh hôn

Nào là biếc biếc với trong trong,
Dẫu lấy ai ai cũng một chồng.
Mau bước Sơn-thần co lại núi,
Chậm chân Thủy-tề kéo về sông.
Non cao ngất ngưởng vơi dầy chẻn,
Nước chảy lênh đênh lộn ngược dòng.
Kẻ được người không ai chẳng tức,
Ai sao không xẻ tí tình-chung?

Trưng-Vương

Sắc sảm dân ai biết phục-thù,
Má-hồng nẫy-nót một đôi cô.
Nước nhà mấy bộ thu gìn giữ,
Quân Hán ba năm mất thập thò.
Những mặt tài giai nào kiệt-tuấn,
Hai tay con gái mở dư-đồ.
Anh-thư đã mấy nghìn thu trước,
Phảng phất hồ Tây sóng nhấp nhô.

Triệu-Ẩu

Anh-thư chẳng những thế mà thôi
Con gái đâu đây lại nẫy chồi.
Ba thước gươm thiêng ba thước vú,
Một dầu cờ kéo một dầu voi.
Mặt dầy lúc ấy hơn vài vạn,
Má phấn còn ai dễ lừa đôi.
Lệ-hải Bà-vương tăm đã mất,
Bể tình đề nước bóng giăng soi.

Cù-Hậu

Đĩ lắm chi chi mấy thị Cù,
Của này tai tiếng để nghìn thu.
Kết đôi lông cánh cùng chim Việt,
Vẫn thói giăng hoa quyến ngựa Hồ.
Nghĩa cả Minh-vương coi đã nhẹ,
Tình sâu Thiếu-Quí lại còn to.
Mấy trăm năm lẻ giang sơn Triệu,
Để Hán Ngô sang mở địa-đồ.

Vân-đình TRẦN MAI-KHÔI

MỪNG NAM-PHONG

Thơ mừng báo Nam-phong đầy năm

Nam-phong xuất-thế mới ngày nào,
Thấm thoắt đầy năm chóng chóng sao.
Khoa-học đã nhiều phần ích-lợi,
Thơ văn lại lắm vẻ thanh-tao.
Cơn phiền khi trước tiêu vừa hết,
Xứ nóng từ nay mát biết bao.
Thổi khắp non sông mây bụi sạch,
Trường-an mừng thấy mặt giời cao.

Hưng-nhân tri-huyện
Nghĩa-viên NGUYỄN VĂN-ĐÀO

Mừng Nam-phong

Mừng gió nồm đưa sáu tháng nay,
Gió đưa đưa khắp nước non này.
Quét thanh bụi tục làng lâng sạch,
Lồng lộa hương giời thoảng thoảng bay.
Khí cuốn khí xuân về đất tổ,
Lúc đưa lửa hạ tếch ngàn mây.
Thất-tinh lọ phải cầu Gia-Cát,
Suốt cõi giời Nam mát mẻ thay.

Hồ-khẩu NGUYỄN VĂN-ĐỖ

Hạ báo Nam-phong

Oi bức nắng hè đã bấy nay,
Gió Nam quạt lại thỏa lòng đây.
Rõ nồm nào phải đông, tây, bắc,
Nồi trận hơn chiều lốc, bấc, may.
Thổi sạch cơn nồng hoa cỏ nọ,
Giải tan khí nóng nước non này.
Khen thay Cơ-bá tài xoay nhỉ,
Để khách cầm-thi hóng mát thay.

Sơn-tây VŨ TÍCH-CỐNG

Kỷ-niệm báo Nam-phong

I

Gió nồm mát lắm, chị em ôi !
Hóng đã mười hai tháng trọn rồi.
Dát mặt Viêm-phương nồng khí nhiệt.
Gặp tay Thiếu-nữ quạt mầu hôi.
Hiện thân mới độ rầy năm ngoái,
Tinh đốt nay đà đầy tuổi tôi.
Sinh-nhật chút mừng đôi ngọn bút,
Năm năm khai-hóa khắp phương giời.

II

Nam năm khai-hóa khắp phương giời,
Mở máy thần-cơ quạt mọi nơi.
Con cháu rồng tiên hong khí mát,
Cỏ cây Hồng Lạc nở mầu tươi.
Hiu hiu giải hết cơn phiền nhiệt,
Dìu dịu xa đưa khúc phụ-tài.
Ao ước trăm năm trường-cửu mãi,
Còn non còn nước hãy còn dai.

III

Còn non còn nước hãy còn dài,
Còn báo *Nam-phong* mãi ở đời.
Mỗi tuổi mỗi lần thêm sỏ sức,
Càng lâu càng thổi mát cho người.
Hơi đưa há nệ nơi cùng-tích,
Buồm thuận tha hồ khách ngược xuôi.
Mừng rỡ xiết bao tình ái-luyến,
Chậm hương gọi chúc một đôi nhời.

Hát nói

Nam-phong sơ kỷ chu-niên tiết, Báo-rã đồng nhân chi khánh thần, dàn ngũ huyền dìu dặt khúc Nam-huân, câu giải phụ ngô dân tranh hạ hỉ. *Long tôn tiên tử nghênh tân-khí, Lạc thảo Hồng hoa cộng hưởng vinh*, tiếng âu-ca rộn dịp linh đình, khắp tứ xứ chúc câu thiên vạn tuế. *Nguyện giai Nam-hải đồng niên-kỷ, cánh dữ Nam-san tỉ thọ trường*, nào kẻ nông, nào kẻ sĩ, kẻ công thương, tình hâm-mộ kể sao cho xiết kể ? Lòng cầu nguyện *Nam-phong* là thế thế, chẳng biết rằng báo đáp nghĩ sao đây ? Chen vui nhớ bữa hôm nay !

Nguyễn Hoài-Tinh

Mừng tuổi Nam-phong

(Điệu *Hoa phong lạc*)

I

Gió nồm đưa tin lại tận nơi,
Rằng báo *Nam-phong* đầy tuổi tôi.
Biết bao công hiệu,
Trong một năm giời,
Dắt nhau lên trên chốn vũ-đài,
Vũ-đài mừng nay mát thảnh-thơi,
Chuông ai khua động,
Đuốc ai sáng soi,
Giấc ngủ nghìn năm đã tỉnh rồi,
Gặp ngày sinh-nhật báo, vội vàng ngồi dậy viết thư hỏi thăm chơi.

II

(Điệu *Vân-thê*)

Tiên thư gửi đến Thăng-long,
Mừng ngày kỷ-niệm *Nam-phong* mới rồi,
Báo-trương mười hai tập,
Công cuộc một năm giời,
Từ Nam đến Bắc,
Chỗ giải-nấn,
Nơi phụ-tài,
Cơn gió đưa qua mát thảnh-thơi,
Con rồng cháu tiên,
Giấc mê chợt tỉnh,
Hoa Hồng cỏi Lạc,
Màu vụ thêm tươi.

Hưng-nhân Tri-huyên

Nghĩa-viên Nguyễn Văn-Đào

Tặng Nam-phong

Hát nói

Ngự thi tứ Nam-phong lão-quản, bức *Nam-phong* mục-đích đáng *Nam-phong*. Hiu hiu đưa từ mặt thành rồng, nửa năm đã thoảng nghe trong Chính-bệ. *Đới tương sương-lộ bồi tân mĩ, xuy tán vân-mai phá cựu sầu*. Khởi lên thời như thế ấy bao lâu, đón ngay được tơ luân mau thế vậy. Trải thế-kỷ *Nam-phong* này đã mấy, bốn nghìn năm mới thấy một phen. Những hồi lòng nước tổ rồng tiên, suy mới biết cũng không

hiểm rằng thế giáng, *Phù đỉnh dĩ ly công tại Hán, hoạch lân trước bút nghĩa do Chu, Nam-phong* này còn thổi đến tận đâu đâu, những non nước cao sâu dần khắp cả. Ngoan bạc thói nào mà chẳng hóa, cánh văn-minh càng thả càng lên. Chữ rằng thiên hoặc sử nhiên !

TRẦN NHƯ-LAN

VĂN XƯỚI

Mừng Nam-phong đầy niên

Thế-kỷ này là thế-kỷ nào ? Theo lịch tây là đầu thế-kỷ thứ 20, mà theo lịch ta thời là cuối thế-kỷ thứ 45. Năm nay là năm nào ? Theo lịch tây là năm 1918 Thiên-chúa giáng-sinh, mà theo lịch ta thời là năm *mậu-ngọ*, thuộc về năm thứ 3 niên-hiệu Khải-Định. Tháng này là tháng nào ? Tức là tháng 7 tây, và tháng 6 an-nam, chính thuộc về thời-kỳ nguyệt-báo *Nam-phong tạp-chí* xuất-hiện vậy.

Độ này từ quan chí dân, trong Nam ngoài Bắc, tất nhiều người bấm đốt ngón tay, mà bảo lẫn nhau rằng : Tháng này năm ngoái, chính là tháng *Nam-phong tạp-chí* ra đời, thấm thoắt mới ngày nào, mà ngảnh đi ngảnh lại, đã tới một năm tròn ! Thiệt là một sự đáng nên ghi, đáng nên nhớ, và đáng nên mừng ! Sao mà mừng ? Mừng vì từ đây trở đi, báo-giới có cơ tấn-bộ, không biết thế nào mà hạn lượng được vậy. Kìa như : Cái cây rùm ròa xanh tốt, to lớn liền vừng, khởi điểm tất bởi tự khi mầm non mới mọc ; mặt giăng vằng vặc giữa giời, tỏ như gương sáng, cơ-sở tất bởi tự lúc mặt bể ngó lên ; người ta công-danh sự-nghiệp đường sau không biết thế nào cho cùng, mà phôi-thai tất bởi tự khi ấu-trĩ. Vậy nên cây mọc một thước, thời ta hẵng ghi nhớ lấy một thước mà mừng được một thước, mọc hai thước thời ta hẵng ghi nhớ lấy hai thước mà mừng được hai thước, rồi mà trăm thước trăm mừng, nghìn thước nghìn mừng, muôn thước muôn mừng, thành ra vô-số lần mừng, không biết thế nào mà kể. Giăng lên một quãng, thời ta hãy ghi nhớ lấy một quãng mà mừng được một quãng, lên hai quãng, thời ta hãy ghi nhớ lấy hai quãng mà mừng được hai quãng, rồi mà lưng giời lại mừng. đứng đầu lại mừng, thành ra vô kể lần mừng, không biết thế nào mà lượng. Người ta cũng vậy, một tuổi thời ta sẽ ghi nhớ lấy một tuổi, mừng được một tuổi, hai tuổi thời ta sẽ ghi nhớ lấy hai tuổi mà mừng được hai tuổi, rồi mà đôi ba mươi tuổi, đôi ba mươi lần mừng, sáu bảy mươi tuổi, sáu bảy mươi lần mừng, thành ra trăm tuổi trăm mừng, không biết đâu mà kể xiết. Như thế thời gặp những cảnh đáng mừng, há có lẽ nín lặng, mà không được một vài câu văn kỷ-niệm hay sao ? Cho nên cái cảm-tình và ái-tình của quốc-dân ta đối với *Nam-phong*, vì đó mà phát-hiện ra không thể ngăn-cấm được vậy.

Nước ta tự thủa vua Kinh-Dương lập-quốc đến giờ, hơn bốn ngàn năm, trải qua biết mấy trăm đời, nào là người dạy dỗ lễ-nghi, văn-phong có tiếng, quốc-túy còn truyền, kể cũng lắm điều đáng nên kỷ-niệm. Nhưng thời-đại càng xa, giáo-dục càng kém, bài sớ « Thất-trảm », giấy bay lên giời, quyển sách vạn-ngôn, gió vùi xuống đất, văn-phong một ngày một nát, quốc-túy một ngày một mòn, dần dà đến nay, đã thành ra một nước già cỗi gầy yếu, coi có khác gì cái cây đã cỗi, bóng giăng đã tà, mà người đã lám chín mươi tuổi không ?

May mà lòng giời còn tựa, mở mang nên hội đồng-văn, hồn tổ cũng thiêng, run rủi cho tay sư-bảo ; nhờ có Nhà-nước Đại-Pháp, đem phong-hóa mới tự phương Âu sang, hết lòng mở mang

tri-thức cho dân ta, gây dừng sinh-nghiệp cho dân ta, giáo-dục không tiếc sức, chỉnh-đốn chẳng quản công, ví cũng như vun mầu đắp đất, vì ta bón tưới mầm non, cuốn khói vén mây, vì ta mở mang ánh sáng, lại tìm phương bồi khí bổ huyết, để vì ta cải-lão hoàn-đồng, mà cố tạo-thành cho ta nên một nước tân-thiếu-niên vậy. Nay lại được quan Toàn-Quyền Sa-Lộ cùng đức Kim-Thượng ta hợp lòng giúp sức, thực-hành chủ-nghĩa khai-hóa cho quốc-dân ta, mà cố gây lấy cái thai-bào linh-tuệ, để thâu-nhập lấy cái hồn-phách văn-minh; bởi đó mà *Nam-phong* mới ứng-kỳ xuất-hiện

Nam-phong tạp-chí xuất-hiện chính gặp buổi thời-đại thiếu-niên này, đường trước xa xôi, tuy chửa biết đâu mà lượng, mà cái cơ-sở tấn-bộ, chắc bởi từ đây. Vậy tôi dám quyết rằng sau này trách-nhiệm thiếu-niên, *Nam-phong* tất cũng ghé được một vai, hiệu-quả thiếu-niên, *Nam-phong* tất cũng giúp được đôi chút, rồi mà năm mười năm, ba bốn mươi năm, sáu bảy mươi năm, tân-hóa một ngày một thêm, tri-thức mỗi ngày mỗi rộng, phong-tục tự đó mà hồi-thuần, nhân-tâm tự đó mà cảm-hóa, khiến cho văn-phong quốc-túy của tổ-quốc tích-lũy hơn bốn ngàn năm, không đến nỗi vùi dập đến mấy từng đất sét, chôi chầy xuống tới tận bể Đông, mà cái nước cũ lâu ngày đã già yếu gầy còm này, lại gây thành một cái nước khỏe mạnh trẻ trai, như hoa như gấm, để khỏi phụ cái bụng nhiệt-thành khai-hóa của Nhà-nước Đại-Pháp, an-tất là *Nam-phong* chẳng có một vài phần ích lợi cho quốc-dân ta?

Ta trông mong vào *Nam-phong* cao xa như vậy, ta trách-thành vào *Nam-phong* to tát như vậy, chẳng biết *Nam-phong* đã nhận-chân cho chưa? Nhưng ta nghĩ thầm bụng ta, ta tưởng *Nam-phong* tất cũng tự mừng rằng ta nay chính như cái cây mới tơ, mặt giăng mới mọc, mong sao cho mau kết nhị nở hoa, tròn vành đứng bóng, để hiến mùi thơm, dâng ánh sáng với thế-gian; ta nay tuổi trẻ sức non, mong sao mau được trưởng-thành, để góp sức đỡ công cùng xã-hội.

Tuy vậy, *Nam-phong* còn đang thuộc về thời-đại ấu-trĩ, dẫu có cái bụng hi-vọng như vậy thực, dẫu có cái lòng công-nhận như vậy thực, nhưng mà lững-đững tập đi, tất phải chờ tay dắt dìu, đảm-đang gánh nặng, còn nhiều mong-tưởng về sau, thế thời cái sự kỷ-niệm *Nam-phong* chu-tuế ngày nay, tuy là một sự mừng về *Nam-phong*, mà chính thực là một sự mừng chung của xã-hội ta vậy.

Như thế mà cái cảm-tình cùng cái ái-tình của quốc-dân ta đối với *Nam-phong*, có lẽ nào mà ngăn cầm cho được? Vì thế mà cái bụng nhớ ngày ghi tháng, bất-giác tự-nhiên tai-láng thành văn, như tàu đã mở máy, như điện đã bắt dây, mà không thể nhịn được vậy.

Ta yêu *Nam-phong*, ta mến *Nam-phong*; mà ta lại nhớ đến người tổ-chức *Nam-phong*, ta càng nhớ người tổ-chức *Nam-phong* bao nhiêu, thời ta lại càng mừng rỡ cho *Nam-phong* bấy nhiêu, ta càng mừng rỡ cho *Nam-phong* bao nhiêu, thời ta lại càng mừng rỡ cho quốc-dân bấy nhiêu! Vậy nay gặp tiết chu-niên, ta xin thay lời quốc-dân, mà chúc một câu rằng: «Tân-thiếu-niên *Nam-phong* trường thọ! trường trường thọ!» Ước cho năm nay là một, rồi mà hai năm, ba năm, năm ba mươi năm, trăm nghìn muôn năm, cùng với núi Tản-viên, sông Nhị-hà, cùng tuổi lâu dài, ở trong đất cõi Việt-Nam này, mà cho quốc-dân ta năm năm kỷ-niệm, tuổi tuổi kỷ-niệm, đời đời kỷ-niệm, mãi mãi, thiệt là công-đức vô-lượng! hạnh-phúc vô-lượng! Xin *Nam-phong* cứ cố lên!

NGUYỄN HOÀI-TINH *hi-chí lai-cảo*

Ngựa già

Có một ông chủ thích chơi ngựa, thường sai người đi tìm ngựa tốt và hay ; thiên-hạ nghe tiếng, đem ngựa đến bán, không biết bao nhiêu mà kể. Ông chủ hễ thấy con nào thân-thể béo tốt mà non, hình-thù bóng dáng và đẹp, trong bụng đã lấy làm thích, thời dẫu người ta nói bao nhiêu tiền, cũng bỏ ra mua không tiếc, chẳng bàn chi đến ngựa hay ngựa dở.

Một hôm, có một người dắt một con ngựa đến. Ông chủ trông thấy, cũng biết là ngựa tốt ; nhưng coi thấy thân thể thời gầy, mà răng mọc đã dài và gì, trong bụng ghét rằng già. Hỏi bỡn rằng : — Con ngựa này đáng bao nhiêu tiền ?

— Bẩm ngài : một nghìn bạc.

Ông chủ cười rằng : — Già thế, mà một nghìn bạc, giá trẻ thời anh bảo mấy nghìn ?

— Bẩm ngài : già thế, mới đáng một nghìn, chứ nếu trẻ, thời dã chả đến

Ông chủ cả cười rằng : — Hầy ! bây giờ tôi mới thấy anh nói dở là một ! Xưa nay ngựa cưỡi, thời người ta chuộng non, chứ ai chuộng già để làm gì?

— Bẩm ngài : Dạy nữa, thời nhầm lắm !

— Ử ! kỳ ! anh bảo sao là nhầm ? Ngựa có non, thời sức mới khỏe, sức có khỏe, thời mới chịu được đường dài, rứa mà anh bảo là nhầm, cái nhầm nó thế nào ? anh thử kể tôi nghe.

— Bẩm ngài : Phàm ở đời, vật gì cũng vậy, không cứ ngựa, trọng là trọng vì tài, chứ không phải trọng vì khỏe, yêu là yêu vì hay, chứ không phải yêu vì trẻ. Già mà có tài, thời dẫu nghìn vạn, cũng có người mua, trẻ mà không hay, thời dẫu một đồng, cũng không ai dụng. Giả phỏng bây giờ ngài có một con ngựa tuổi rất trẻ, sức rất khỏe, mà tới khi ngài cưỡi, dẫu bò hét nó cũng không đi, roi vọt nó cũng không chạy, thế thời trẻ khỏe, ngài có qui chăng ? Nay ngài chê con ngựa này già, thế thời người đời cứ tất phải thiếu-niên tân-tiến, như bậc Giả-Sinh Vương-Bột, mới dùng được, mà bậc lão-thành luyện-đạt, như ông Thái-công Vọng, ông Bách-lý Hề, thời bỏ cả hay sao ? Người ta thường nói rằng : « Người già thuộc việc, ngựa cũ quen đường. » Chứ như ngựa non hâu đá, ai kể đến chi ? Tôi còn nhớ khi ông Tề Hoàn đánh Cô-Trúc, quân lạc quanh quẩn trong rừng, không tìm được đường ra ; ông Hoàn-Công hỏi Quản-Trọng. Quản-Trọng sai thả ngựa già ra, để dẫn đường, quân đi theo sau, mới ra được khỏi rừng.

« Xem thế thời ngài bảo ngựa già có đáng chê hay không ? Nay ngài có tiếng thích ngựa, tôi nghe thiên-hạ mang đến cũng nhiều, mà xem ra thời chỉ toàn thấy những của chơn lông mỡ mặt, nắm xấu ba tốt, đua nhau đưa đến chật tầu, sẵn tay tiền mở bạc nghìn, thấy bán thời mua, cốt chỉ lấy cho đẹp dáng, mà đến như hạng ngựa theo gió ruổi mây, một hơi nghìn dặm, tài kỳ đức kỳ, lạ tục khác thường, thời lại bài bác là già, chê bai là yếu, thế thời ra chỉ biết trọng khỏe chứ không cần gì tài, quí trẻ mà không cần gì đức, xem có khác gì ông Diệp-công thích rồng, mà chỉ thích rồng vẽ, chứ không thích rồng thật !

« Ôi ! ngựa hay tất không béo, ngựa béo tất không hay, ngựa giỏi tất không non, ngựa non tất không giỏi. Sao vậy ? Đại phàm ngựa béo bởi ít khi dùng, đến như ngựa đã có tài, thời phi nay giong đường liễu tất mai cũng ruổi dặm hòe, dãi tuyết dầm sương, mấy lúc được rỗi mà béo ? Ngựa non chưa từng chịu ải, đến như ngựa có tiếng, thời phi kẻ tiếc lòng trung, tất cũng người yêu tài giỏi, gội mưa tắm gió, nhẽ đâu lâu mãi không già ?

« Xưa có người đi tìm ngựa hay, nghe thấy một nơi có con thiên-lý-mã, cố tìm đến mua, tới nơi thời con ngựa đã

chết, tiếc lắm, mua lấy bộ xương về, sau thiên-hạ nghe tiếng, đua nhau đem ngựa hay đến nhiều lắm.

« Nay ngài thích ngựa, mà không thích ngựa già, thế thời so với người mua xương ngựa, khác nhau thế nào ? Tôi sợ ngựa hay thiên-hạ không có khi nào chịu dắt vào cửa nhà ngài nữa ạ !

« Tiếc thay ! lạ thay ! Vào rừng kén gỗ, chỉ chuốc lấy những gội, xưng, sồi, rẻ, mà đến những đinh, lim, sến, táu, thời lại nhắm mắt chạy qua ; lên non tìm ngọc, chỉ nhặt lấy những cuội, đá, sỏi, sành, mà đến những châu, bích, quỳnh, giao, thời lại hầy tay quăng bỏ ! Thôi ! thôi ! ! thôi ! ! ! Ngựa ơi ! ngựa ơi ! ! Già rồi ! già rồi ! ! Bá-Nhạc là ai ? Vương-Lương là ai ? dông dòng dài dài, thác thì một đời, khoe chi giỏi ? cậy chi tài ? không bằng nằm trong tầu nát, nhá mấy củ khoai, mát mẻ thảnh thơi, chẳng chồn bốn vó, chẳng toát màu hồi, mà bị cười với lũ lỏ thải ! [1] »

Ông chủ nghe nói xong, đứng dậy mà tạ rằng : « Đó thiệt là cái lỗi tôi ! thiệt là cái lỗi tôi ! Nhầm thiệt ! nhầm thiệt ! Có mắt mà không biết ngựa hay, quả nhầm thiệt ! Xin xá lỗi »

DAM-XUYÊN

Tự-thuật cảnh Hương-giang (Huế) buổi chiều

Thành Nam mây tạnh, bóng ác hầu chênh. Gió phất-phơ sóng bạc vỗ gành, cây ẩn-ước rớn vàng chồi nước. Mấy lớp lâu-đài chồng chập, đòi ngàn thảo thọ xanh um. Lắng giọng ve như tiếng sáo nhặt khoan, thoảng hơi gió như cung đàn cao thấp. Cảnh đã xinh mà tình lại thích, khéo thừa ưa gặp gỡ lúc thanh nhàn. Vui chân dạo bước thạch-đề, nhìn xem cảnh-trí có bề phong-quang. Như khi ấy : bóng chiều bảng lảng, xe ngựa dộn dàng ; các sở làm việc đã nghỉ ; chuông trường Giám, trống tòa Khâm, kiểng Quốc-học, còi hỏa-xa, chiêng nhà bệnh, đều náo-nức mà thổi một khúc nhạc mới văn-minh. Sáu dịp cầu Thành-thái chật nich, nào người danh lợi, nào kẻ bán buôn, qua qua lại lại, trông đó mà sanh cái vô-hạn tư-tưởng, cảm-tình phong-thú ấy biết bao nhiêu. Ôi ! người sanh ở đời phải trông thi-thiết, đã đem thân vào trường tranh-cạnh, thì phải nóng-sốt nóng-nả mà đua chen cho tới cấp văn-minh, thế mới khỏi phụ ơn nhà nợ nước ; bằng không giảng-cầu sự tấn-hóa, mở mang đường lợi-ích, để cho tan nát cái trí-não, xủa đùa theo ngày tháng như thoi, chẳng uổng quá vậy ru ! Phương-chi người một ngày một đông, cảnh một ngày một đổi. Thần-kinh xưa vẫn là thắng-cảnh phiền-hoa đệ-nhất trong nước. Núi có Ngự-bình, Kim-phụng, sông có Hương-thủy, Bồ-nguyên. Tả Bạch-hổ, hữu Thanh-long, quanh mấy dặm vẻ vang tòa cẩm-tú. Nay lại nhờ Đại-Pháp sang bảo-hộ, dắt tay chỉ nẻo mà giáo-hóa cho người nước ta, dựng trường học, dạy bách-công, khai canh-nông, làm xe-hỏa, phá núi ngăn sông, bắc cầu lập chợ, đều là những phép phương-tiện mà tổ-chức cho cảnh-trí nhân-vật cõi Nam đặng sanh sắc chừng nào ! Cũng phong-cảnh ấy, cũng nhân-vật ấy, xưa vốn chất-phác, tả thủy-mạc, nay nhờ tay thày thần bút, điểm-nhiễm cho thành cái bức tranh sơn-thủy linh-động. Thiệt nên yêu mến mà qui-hóa thay !

Ngàn năm vẫn nước non nhà,
Cảm ơn đào chú mới ra anh-tài !

Xem như cảnh Hương-giang lối này, phong-thuần tục-mĩ, vật-phụ dân-khương, cũng đáng giá ngàn vàng một khắc, dễ thiếu chi năm bước một lần. Đầy đàng bửu-mã hương-xa, nức dặm sơn-thanh thủy-tú. Nhan-sắc ấy chi

[1] Lỏ thải là tên ngựa hèn.

nhường Tây-tử, hiệu-tần này thẹn với Đông-thi. Nôm na góp nhặt mấy lời, dám ghen A-tạ đua tài nàng Ban!

ĐẠM-PHƯƠNG *nữ-sử*.

Dịch bài văn của ông Hàn-Dũ tế cháu là Thập-nhị-lang

Ngày... tháng... năm... qui-phụ Dũ nghe tin ngươi mất bảy ngày rồi mới hàm-ai trí-thành, sai ngươi Kiến-Trung xa đem thức thời-tư, điện-tế linh-hồn Thập-nhị-lang. Than ôi! Ta khi nhỏ bồ côi, nhớn lên không biết nhờ ai, chỉ nương nhờ về anh chị. Đến sau anh mất ở phương nam, ta cùng ngươi đều còn nhỏ, theo chị đưa anh về táng ở đất Hà-dương. Rồi ta lại cùng ngươi sang ăn nhờ ở đất Giang-nam, linh-đinh cô-khổ, chửa từng lìa nhau một ngày nào. Ta trên có ba anh, đều không may mất sớm, thừa tự đấng tiên-nhân, về hàng cháu chỉ có ngươi, hàng con chỉ có ta, hai đời một thân, hình đan ảnh chích. Chị dâu ta thường vỗ ngươi trỏ vào ta mà bảo rằng: « Hai đời họ Hàn, chỉ còn một chút này mà thôi! » Lúc bấy giờ ngươi hãy còn nhỏ, hẳn không nhớ được, khi ấy ta dẫu biết ghi nhớ, nhưng cũng chửa biết nhời nói ấy là đau.

Khi ta mười chín tuổi, mới đến Kinh-thành, được bốn năm lại giở về thăm ngươi; sau bốn năm nữa, ta về thăm phần-mộ ở Hà-dương, gặp ngươi đưa tang chị dâu ta về táng. Lại hai năm nữa, ta giúp việc quan Đồng-thừa-tướng ở Biện-châu, ngươi có đến thăm ta, chỉ được một năm, ngươi lại xin về đem vợ con đến; năm sau, quan Thừa-tướng mất, ta bỏ Biện-châu đi nơi khác, ngươi cũng chẳng đến nữa. Năm ấy ta đến giúp việc binh ở Từ-châu, sai người về đem ngươi đến, nhưng ta lại bãi việc, ngươi lại chẳng đến nữa. Ta nghĩ ngươi theo ta ở phương đông, phương đông là nơi đất khách, không thể ở lâu dài được, muốn cho lâu dài chẳng gì bằng về phương tây, đương sắp sửa làm nhà để gọi ngươi về, ai ngờ ngươi vội bỏ ta mà chết, than ôi! Ta cùng ngươi đều còn ít tuổi, nghĩ rằng dẫu tạm ly-biệt, rồi hẳn được xum họp lâu dài, cho nên ta tạm bỏ ngươi mà đi lữ-thực ở chốn Kinh-sư, để cầu cái lộc thăng-đầu; nếu thực biết ra nông nỗi này, thì dẫu làm đến công tướng muôn cỗ xe, ta cũng chẳng nỡ một ngày bỏ lìa ngươi mà đi vậy. Năm ngoái ông Mạnh Đông-dã đi về, ta có gửi cho ngươi cái thư rằng: « Ta chửa đến bốn mươi tuổi, mà mắt đã mờ mờ, tóc đã hoa râm, răng đã lung lay, nghĩ đến các chú các anh ta, đều mạnh mẽ cả mà mất sớm, như ta suy yếu thế này, có thể sống lâu được chăng; ta không thể đi được, ngươi không thể đến được, sợ nhất-dán ta chết đi, thì ngươi mang cái lòng đau thương vô-cùng vậy! » Ai ngờ đâu người ít tuổi thì mất mà người nhiều tuổi thì còn; người mạnh khỏe thì chết non, mà người ốm yếu thì sống mãi! Than ôi! có thực thế chăng? hay là mơ hồ chăng? Nếu thực thế thì anh ta nhân-đức như thế mà con nối dõi lại chết non ư? Nhà ngươi thuần-minh như thế, mà lại không được nhờ ân-trạch ư? Người ít tuổi, người mạnh khỏe mà đã chết, người nhiều tuổi, người suy yếu mà hãy còn ư? Ta không dám lấy làm tin, chẳng qua là mơ-hồ, là truyền-văn không thực đó mà thôi. Nhưng cớ sao thư ông Đông-dã, tin ngươi Cảnh-lan, lại báo đến ta? Than ôi! dễ thường mà tin thật! Nhân-đức như anh ta mà con nối dõi chết non thật! Thuần minh như ngươi nên nối nghiệp nhà, mà không được nhờ ân-trạch thật! Thế thì giời thực khó lường, mà thần thực khó hiểu; lý không thể suy được, mà thọ cũng không thể biết được!

Dẫu thế, ta từ năm nay giở đi, tóc hoa râm có khi đã bạc, răng lung lay có cái đã rụng, khí-huyết ngày càng suy, chí-khí ngày càng kém, chẳng bao lâu cũng theo ngươi mà chết thôi! Chết mà có biết, thời cái nỗi ly-biệt cũng chẳng bao lâu; nếu mà không biết, thời cái tình bi-thương cũng không mấy lúc, mà cái nỗi chẳng bi-thương thời vô-cùng vậy. Con ngươi mới mười tuổi, con ta mới năm tuổi, người ít tuổi mà mạnh khỏe, đã không thể bảo-toàn được, còn những đứa trẻ thơ ấy, biết mong sao cho thành-lập được đây. Than ôi! thương thay!

Năm trước ngươi có gửi thư rằng: « Mới mắc phải bệnh nhuyễn-cước, mỗi ngày một nặng thêm. » Ta bảo rằng đó là cái tật, người xứ Giang-nam thường mắc phải, chớ không lấy gì làm lo. Than ôi! Mắc phải bệnh ấy mà đến nỗi chết ư? Hay là có tật gì khác mà đến nỗi thế ư? Tờ của ngươi là ngày 17 tháng 6; mà thư của ông Đông-dã nói rằng ngươi mất ngày mồng 2 tháng 6; tin ngươi Cảnh-lan báo về thì không rõ ngày tháng. Hay là người sứ-giả của ông Đông-dã không biết hỏi người nhà cho biết đích ngày tháng; tin ngươi Cảnh-lan báo lại không biết nói rõ ngày tháng; cái thư của ông Đông-dã đưa cho ta, là cứ theo nhời kẻ sứ-giả, mà kẻ sứ-giả nói sai đó mà thôi; phải thế chăng, hay không phải thế chăng? Nay ta sai ngươi Kiến-Trung đến tế ngươi, thăm con bồ côi của ngươi, và người nhũ-mẫu của ngươi, nếu kẻ kia còn có lương ăn ở nhà thủ-tang đợi đến khi chung-chế, thời đến khi chung-chế sẽ đem đến; nếu không hay đợi đến khi chung-chế, thì đem đến ngay; còn những người nô-tì khác, đều để ở nhà bảo-thủ phần-mộ. Sức ta còn lo nổi được việc cải-táng, rồi sẽ cải-táng chôn ngươi ở bên mồ đấng tiên-nhân, mới thỏa lòng.

Than ôi! Ngươi bệnh ta không biết lúc nào, ngươi chết ta không biết ngày nào, lúc sống không nuôi được nhau để cùng ở, lúc chết không được vỗ thây ngươi để khóc thương, lúc liệm không được vin áo quan, lúc chôn không được thăm đến huyệt, ta thực phụ thần-minh mà khiến ngươi chết non, ta thực bất-hiếu bất-từ, mà chẳng được cùng ngươi cùng nuôi nấng nhau lúc sống, cùng giữ gìn nhau lúc chết, một người ở bên giời, một người ở góc bể, lúc sống thì bóng không nương với hình ta, lúc chết thì hồn không gặp với mộng ta, thực tại ta làm ra cả, lại còn trách ai nữa! Ới giời xanh kia, biết sao cho cùng, từ nay giở đi, ta cũng không thiết gì với đời người nữa. Ta chỉ cầu lấy vài khoảnh ruộng ở trên sông Y-đình, để nuôi tuổi thừa, rồi dạy con ta với con ngươi, mong cho trưởng-thành, lại nuôi con gái ta với con gái ngươi, cho đến khi gả chồng mà thôi. Than ôi! Nhời nói dẫu có cùng mà tình thời vô cùng, ngươi có biết chăng? hay không biết chăng? Than ôi! Thượng-hưởng!

Nhời bàn.— Lâm Tây-Trọng rằng: — « Trong bài văn tế mà nói được chí-tình thì thực là hay! Nào là kể từ khi chú cháu tương-y nhau, đến lúc tương-biệt nhau; nhẽ ra chú già yếu nên chết trước, mà cháu còn ít tuổi mạnh khỏe thì nên sống lâu, thế mà lại chết, không biết chết tại bệnh gì, không biết chết về ngày nào, nửa ngờ nửa tin, than dài thở ngắn, rồi lại trách tại tội mình bỏ cháu mà đi xa, một nhời nói là một giọt lệ, một câu văn là một đoạn tình, thế mới thực là tuyệt-thế kỳ-văn! »

(*Dịch Cổ-văn*) ĐÔNG-CHÂU *dịch*

Kính diễn bài thơ Ngự-tứ Nam-Phong

(Tiếp theo kỳ trước)

(Những bài đăng sau này lấy chữ đầu vần họ và tên người dịch làm thứ-tự không phân-biệt trên dưới trước sau).

XV

1

Gió Huân đưa đến nửa năm tròn,
Đàn hát vang lừng quả đất con.
Nền đức gây nên mưa móc thấm,
Thành sầu tan tát khói mây tuôn.
Tơ giăng vạc Hán danh ghi đó,
Bút chép lân châu nghĩa nhớn còn.
Cơn thổi hiu hiu non nước khắp,
Bạc ngoan thói đổi hóa lòng son.

2

Gió Nam quán mở nửa năm thâu,
Đàn hát riêng vang mảnh địa cầu
Sương móc đem nhuần nhiều vẻ tốt,
Khói mây tan tát sạch cơn sầu
Tên ghi đỉnh Hỏa tơ giăng Hán,
Nghĩa tỏ kinh Lân bút nối Châu.
Non nước hơi Huân đâu cũng khắp,
Bạc ngoan những kẻ sớm quay đầu.

BÀ-KHUÊ

XVI

Gió nồm mới thổi nửa năm nay,
Khắp một phương cầu dậy tiếng hay.
Hóa mới đem ngay mưa móc tưới,
Sầu xưa thổi sạch khói mây bay.
Sợi tơ giúp Hán tên còn đó,
Ngọn bút tôn Chu nghĩa vẫn bày.
Thổi khắp non xanh cùng nước biếc,
Những nơi ngoan bạc hóa trung ngay.

Vân-hoàng CHƯ VĂN-LUẬN

XVII

Ngọn gió nồm đông đã mấy tuần,
Một phương nghe dậy khúc nam huân.
Bón mầu cảnh tốt thêm mưa móc,
Rũ tấm sầu xưa sạch bụi trần.
Công Hán vẫn truyền tơ giúp vạc,
Nghĩa Chu còn để bút san lân.
Non xanh nước biếc đều quen tiếng,
Dẫu kẻ ngoan tà cũng thảo nhân.

DƯƠNG BỘI-KHA

XVIII

Giọng khúc Nam-phong chửa trọn năm,
Giời Nam một góc tiếng nghe rầm.
Ào tuôn móc ngọt vun dòng mới,
Hiu thổi mây xưa mọi sự nhầm.
Dựng Hán tơ đồng bền sức nối,
Đội Chu bút lỗ vững tay cầm
Gió nồm dần khắp non non nước,
Dẫy mỏng chi đều gắng khúc ngâm.

Bắc-ninh DƯƠNG ĐỨC-XƯỞNG

XIX

Gió nam thổi dậy nửa năm thừa,
Khúc hát nam-huân mượn gió đưa.
Mưa móc tưới thêm màu tốt mới,
Mây mù tan hết tấm sầu xưa.
Mảnh tơ phò Hán công còn tỏ,
Nét bút tôn Chu nghĩa chẳng mờ.
Non nước gần xa nghe mát mặt.
Khuyên ai ngoan bạc cũng nên chừa

DƯƠNG THIỆU-THANH

XX

Nam-phong mới giạo nửa năm hơn,
Huyền-thuấn khua vang một cõi trần.
Móc ngọt tưới qua vun tiến-hóa,
Mây giăm thổi sạch rã sầu-nhân.
Danh cao ở Hán tơ giăng đỉnh,
Nghĩa tỏ cùng Chu bút chép lân.
Non nước xa xôi dần gió khắp,
Dù ngoan với bạc cũng hồi thuần

ĐỖ KỲ

XXI

Gió nồm mới quạt nửa năm trường,
Dậy tiếng huân-huyền khắp một phương.
Mầu tốt tưới thêm sương móc ngọt,
Sầu xưa rũ sạch khói mây quang.
Sợi tơ giúp Hán danh lừng lẫy,
Ngọn bút tôn Chu nghĩa tỏ tường.
Non nước gần xa dần thổi khắp,
Tỉnh ra không những bậc tầm thường.

HOÀNG ĐƯỜNG-THUẬT

XXII

Nam-phong mới động nửa năm giời,
Mấy tiếng đàn vang khắp một nơi.
Mầm tốt dần đem sương móc tưới,
Khối sầu nay quạt khói mây chôi.
Danh ghi vạc Hán tơ nghìn tuổi,
Nghĩa thiết lân Chu bút một ngòi.
Gió mát non sông tươi tỉnh hết,
Nữa là ngoan bạc mấy lăm người

Hoàng Khắc-Thành

XXIII

1

Nửa năm bảo quản nức hơi huân,
Vang tiếng huyền-ca một cõi xuân.
Thói tốt gây nên mưa móc thấm,
Sầu xưa tan sạch khói mây vần.
Tên còn phủ Hán tơ giăng đỉnh,
Nghĩa vẫn tôn Chu bút chép lân.
Giải khắp non xanh cùng nước biếc,
Những phường ngoan bạc nết thay dần.

2

Quản mở Nam-phong sáu tháng ngay,
Một phương huyền quản tiếng xa bay.
Vun nên thói mới nhuần mưa móc,
Tan hết sầu xưa tỏa khói mây.
Đỉnh lửa tơ giăng tên Hán đó,
Kinh lân bút chép nghĩa Chu đây.
Trải bao nước biếc non xanh khắp,
Ngoan bạc kia ai đổi mặt ngay.

Hoàng Mộng-Mai

XXIV

Gẩy khúc Nam-phong sáu tháng nay,
Một phương đã dậy tiếng đàn hay.
Văn-minh thêm mới dầm sương móc,
Phiền não vừa tan thoảng khói mây.
Giăng đỉnh danh thơm tơ sẵn đó,
Than lân nghĩa tỏ bút còn đây.
Dần dà phong hóa đầy non nước,
Hà những dung phu hóa tự đây.

Hoàng Ngọc-Uẩn

XXV

Gió Nam vừa ngợi nửa năm thâu,
Năm tiếng vang đưa góc địa-cầu.
Thấm khắp hồi nay mưa móc ngọt,
Sạch không ngày trước khói mây sầu
Tơ giăng vạc đó bền ngôi Hán,
Bút chép lân này tỏ mối Châu.
Nước biếc non xanh dần thổi đến,
Những ai ngoan bạc thói còn đâu.

2

Gió Huân hây hẩy nửa năm vừa,
Trung-Bắc Nam-Kỳ khúc hát đưa.
Kéo trận mưa nhuần vun thói mới,
Tan cơn mây tối sạch buồn xưa.
Đem tơ phủ Hán tên càng rệt,
Thay bút tôn Chu ngãi chẳng mờ.
Non nước xa xa dần mát mẻ,
Nết ai ngoan bạc cũng nên chừa.

Hoàng Xuân-Sơn

XXVI

1

Hây hẩy gió nồm được nửa đông,
Khúc đàn nghe dậy một phương Đông.
Tưới thêm móc ngọt gây nền mới,
Quét sạch mây sầu thỏa dạ mong.
Vạc Hán tơ giăng danh nức đó,
Kinh Lân bút chép nghĩa thơm cùng.
Non xanh nước biếc đưa đầu khắp,
Chẳng những điêu-ngoa cũng đổi lòng.

2

Nam-Huân mới giạo nửa năm ròng,
Tiếng đã lừng bên cõi Á-Đông.
Đưa lại móc sương gây hóa mới,
Thổi tan mây khói giải cơn nồng.
Tơ giăng vạc Hán danh thơm nức,
Bút chép kinh Lân nghĩa sánh cùng.
Hương Kiều rồi ra bay khắp nước,
Đầu còn ngoan bạc cũng thay lòng.

Nam-Định Lân-Ky

XXVII

Gió Huân sực tới chửa bao lâu,
Vang tiếng cầm ca góc quả cầu.
Mưa móc chừng đem tô cảnh lạ,
Mây mờ thổi sạch hết sầu đâu.
Giây nương được đỉnh không quên Hán,
Kinh dẫu vì lân vườn nhớ Châu.
Non nước phơi mầu đều gió cả,
Liêm đôn chẳng những nết nai phu.

Phủ-lưu Lê Hữu-Xuân

XXVIII

Gió nồng xa đưa hạ mới qua,
Tiếng đàn dậy khắp nước Nam ta.
Nhuần thêm móc ngọt vun mầu thắm,
Quét sạch mây mù tỉnh nét hoa.
Phủ Hán thước tơ bia vẫn rõ,
Tôn Châu một chữ mực chưa lòa.
Nước non quạt khắp từ đây nhỉ,
Ngoan bạc còn ai giữ thói tà.

LÊ THUẬN-DOANH

XXIX

1

Nửa năm vừa hát khúc Nam-phong,
Tiếng động vang lừng cõi bể đông.
Đem những móc sương gây mống tốt,
Thổi tan mây khói giải cơn nồng
Danh thơm phò Hán tơ Đồng-Thủy,
Nghĩa tỏ Tôn-Chu bút Hóa-công.
Luồng gió khắp miền non nước Việt,
Lọ là ngoan bạc mới xiêu lòng.

2

Khúc nam vừa mới lựa cung dàn,
Một góc Đông-cầu tiếng động ran.
Mầm mới nhờ đem sương móc tưới,
Sầu xưa theo đám khói mây tan.
Sợi tơ kéo vạc danh lừng lẫy,
Ngọn bút thương lân nghĩa rõ ràng.
Nước biếc non xanh dần thấu khắp,
Cứ đâu kẻ bạc với người ngoan.

LÊ TRỌNG-DU

XXX

Phất phới nồm giong mới nửa đông,
Tiếng đàn lừng lẫy góc non sông.
Đem màu tuyết trắng tô mầm ngọc,
Vén đám mây đen giải trận nồng.
Giàng vạc sợi tơ theo Hán trước,
Kinh lân dấu bút nối Chu cùng.
Gió dần dần khắp đông tây bắc,
Chẳng những ngoan phu cũng chuyển lòng.

LÝ HÁN-QUANG

XXXI

Cung nam vừa giạo nửa năm thôi,
Văng-vẳng đàn đưa một góc giời.
Mầm mới tốt tươi mầu vũ-lộ,
Sầu xưa tan tác khói vân-mai.
Sợi tơ đỉnh Hán nâng còn vững,
Ngọn bút lân Chu chép chẳng sai.
Non nước chờ xem phe phẩy khắp,
Chẳng nề ngoan bạc một hai người.

Mai-khê NGÔ THÚC-TỬ

XXXII

Tiếng hát Nam-phong dậy cả giời,
Bốn phương mát mẻ dạ thảnh thơi.
Vẻ vang vui mới giơ tay vỗ,
Tan tác sầu xưa mỉm miệng cười
Vạc Hán tơ treo lừng tám cõi,
Kinh Lân bút chép để muôn đời.
Núi non đã biết nhờ đầu dậy,
Kẻ dại người khôn học lấy nhời.

Vạn-xuân NGUYỄN DANH-THẮNG

XXXIII

Báo Nam-phong mới nửa năm nay,
Ran khúc cầm ca một cõi này.
Bón hạt văn-minh đưa móc rẩy,
Phá thành sầu-não cuốn mây bay.
Tiếng tơ phủ vạc hay còn đó,
Nghĩa bút kinh lân lại thấy đây.
Phong động nước non rồi khắp cả,
Há duy ngoan bạc hóa người hay.

Phú-diễn NGUYỄN ĐÌNH-OÁNH

XXXIV

Vừa nửa năm nay phất gió đàn,
Thỏ nam dậy tiếng cõi dân gian.
Mưa tuôn chồi mới công vun lại,
Mây tỏa sầu xưa trận thổi tan.
Giúp Hán tơ tình chân vạc vững,
Ghi Chu bút nghĩa sách lân bàn.
Nước non thấm thía gần xa khắp,
Phong hóa dầu còn thói bạc ngoan.

Lai-xá Hương-sư NGUYỄN DUY-DỰ

XXXV

1

Ngọn gió Nam-phong gió giải sầu,
Nửa năm nghe dậy tiếng đàn Ngu.
Đưa hơi sương móc tươi chồi biếc,
Phá trận mây mù tỏ bóng ô.
Trăm thước đài Nghiêm công giúp Hán,
Một kinh bút Khổng nghĩa tôn Chu.
Những chi phong hóa không ngoan bạc,
Gió thổi lâu dần mát thiếu đâu.

2

Gió Nam-phong quạt chửa bao lâu,
Lừng khúc Nam-phong góc địa cầu.
Mộc ngọt rầy tươi mầm học mới,
Giời âm thổi sạch trận mây sầu.
Sợi tơ phủ Hán khuyên đời cuối,
Ngọn bút tôn Chu tỏ nghĩa đầu.
Sức mát đưa dần xa cũng khắp,
Thói chừa ngoan bạc những chi đâu.

Cử-nhân NGUYỄN HÁN-KHẢ

XXXVI

Nửa nam vừa nổi gió Nam-phong,
Dậy tiếng huyền ca cõi Lạc-Hồng,
Đưa lại mưa xuân nhuần cảnh mới,
Thổi tan mây tối dẹp sầu đông
Tơ giăng vạc Hán danh thơm mãi,
Bút cảm làn Chu nghĩa tỏ cùng.
Nước biếc non xanh đâu chẳng thấu,
Kể chi ngoan bạc tỉnh mê mòng.

NGUYỄN HOÀNG-THIỀU

XXXVII

Giáo khúc nam-huân chửa mấy lâu,
Tiếng đàn êm ái khắp ngô-châu.
Đem sương móc mới vun mầm chánh,
Thổi khói mây xưa giải uất sầu.
Vạc Hán vững vì tơ Lão-tử,
Giềng Chu bền tại bút Xuân-thu.
Quạt nhân mát khắp vùng non nước,
Hà tỉnh riêng phường hãnh bạc đâu.

NGUYỄN HIỆU-GIAO

XXXVIII

Tạp-chí vừa ra ngoại nửa niên,
Huyền-ca lừng-lẫy cõi nam-thiên.
Khéo đem sương-vụ vun nền mới,
Châu góp vân-mai giải dạ phiền.
Vạc Hán săn lợi mành chỉ kết.
Tòn Chàu chắp nối sách làn biên.
Non cao bể thẳm lần nghe gió,
Ngoan bạc từ đây hóa thảo hiền

Thanh-nguyên NGUYỄN-KHOA LUÂN

XXXIX

Gẩy khúc Nam-huân thoạt nửa niên,
Một phương giéo giắt tiếng Ngu-huyền.
Mưa theo luồng sáng (1) phun chồi mỡn.
Khói tản cơn mê vỡ khối phiền.
Chân vạc tơ giăng danh đã tỏ,
Kinh làn bút chép nghĩa như in.
Non xanh nước biếc đưa dần tới,
Cảm hóa chi nề lũ bạc đen ?

Đàm-xuyên NGUYỄN PHAN-LÃNG

XL

Huân huyền mới lựa khúc ca hoan,
Tiếng báo Nam-phong đã chứa chan.
Đất ấm nhuần đem sương móc rẩy,
Thành sầu thổi sạch khói mây tan.
Đồng-giang một sợi danh còn đề,
Lỗ-sử nghìn năm nghĩa tỏ bàn.
Cảm hóa này xem dần khắp cả,
Những đâu kẻ bạc với người ngoan.

An-thái NGUYỄN QUÍ-PHÁC

XLI

Đòn dậy Nam-phụng mới mở mang,
Tiếng đồn đã khắp cõi Viêm-bang.
Đem mầu trang-điểm tươi trăm vẻ,
Khéo mở văn-minh rộng mọi đường.
Một sợi Đồng-giang danh tạc đá,
Trăm năm Lân-sử bút làm gương.
Nước non Hồng-lạc ngày thêm mới,
Những bạc ngoan đâu biết cải lương.

An-thái NGUYỄN THẦN

XLII

I

Gẩy khúc Nam-phong mấy tháng chầy.
Âu ca lừng lẫy một phương này.
Hạt văn-minh nở vun mưa móc,
Khối cựu-sầu tan tỏa khói mây.
Vững Hán mối tơ tên rệt đó,
Tòn Chu nét bút nghĩa còn đây.
Gió dần thổi khắp cùng non nước,
Nghe lọt người ngoan cũng hóa ngay.

(1) Phương Nam là « minh-đỏ »

2

Nửa năm nay giạo khúc Nam-phong,
Đàn gẩy vang lừng góc bể đông
Lối mới đem thêm sương móc tưới,
Sầu xưa thổi sạch khói mây lung.
Sợi tơ giúp Hán nay còn tiếng,
Ngọn bút tôn Chu lại có công.
Nước biếc non xanh dầu gió khắp,
Khiến người ngoan bạc hiếu mà trung.

Kiếm-hồ NGUYỄN THẾ-HỮU

XLIII

Khua động Nam-phong sẩy nửa niên,
Tiếng huyền đầy dẫy một phương biên.
Quyết đem mưa móc gây nền mới,
Thổi giốc mây mù giải tấm phiền.
Phủ Hán sợi tơ gìn vạc nhớn,
Tôn Chu nết bút thán làu hèn.
Non xanh nước biếc hơi đưa khắp,
Cả đứa ngoan ngân đứa bạc đen.

NGUYỄN THI

XLIV

Gió Nam mới nổi nửa năm nay,
Khúc hát vang lừng dậy dấy đây.
Vun tưới mưa nhuần tươi cỏ nội,
Thổi tan mây ám sạch sầu tây.
Sợi tơ phủ đỉnh ghi tên đó,
Ngọn bút thư lan chủ nghĩa này.
Dầu khắp non xanh cùng nước biếc,
Những phường ngoan bạc sá chi bay.

NGUYỄN THỊ-QUỲNH

XLV

Bấy lâu đàn giạo khúc Nam-huân
Vang góc giời Nam tiếng dậy gần.
Khai-hóa xa đưa cơn móc ngọt,
Giải-phiền tan rẽ đám mây ngăn.
Sợi tơ danh-tiết giàng chân đỉnh,
Ngòi bút cương-thường sửa sách làn.
Mát mẻ non sông dầu khắp mặt,
Bạc ngoan nào những kẻ phàm-dân.

Ngạc-đàm NGUYỄN THIỆU-TIÊN

XLVI

Ngọn gió Nam-phong mới nửa thâu,
Tiếng huyền vang dậy khắp thần-châu.
Móc mưa vun tưới chồi tân-học,
Mây khói tan hoang mối cựu-sầu.
Vạc Hán sợi tơ vương để truyện,
Kinh Lân ngọn bút vẫn còn câu.
Gió đưa đưa khắp miền non nước,
Chẳng những người ngoan kẻ bạc đâu.

Cự-lộc NGUYỄN THỐNG

XLVII

I

Trận gió nồm reo mới nửa năm,
Phương Nam lừng lẫy khúc êm đầm.
Chứa chan móc đượm mầu tươi hớn,
Tan tác mây quang buổi tối dầm.
Vạc-lửa giàng tơ ra sức kéo,
Kinh-lân gấp bút vững tay cầm.
Non xa nước thẳm đâu không mát,
Há những người ngu lắng tiếng tăm

2

Nửa năm nay được gió nồm luôn,
Cũi nóng nghe đàn hóng mát luôn
Sương móc thấm nhuần vun vẻ tốt,
Khói mây tan tác rã cơn buồn.
Gia công kéo vạc tơ còn vững,
Nhớ nghĩa săn làn bút vẫn tôn.
Nước biếc non xanh chờ thổi khắp,
Dàn đen càng giãi tấm lòng son.

NGUYỄN THUNG-TƯỜNG

XLVIII

Gẩy khúc Nam-phong mới nửa thu
Tiếng đàn văng vẳng một phương cầu.
Đem sương móc đến nhuần màu đẹp,
Tan khói mây đi rã mối sầu.
Giàng vạc xưa nghe tơ giúp Hán
Chép làn nay cũng nghĩa tôn Chu.
Non sông cơn mát đưa dần khắp,
Chẳng những người ngoan kẻ bạc đâu.

Nghĩa-viên NGUYỄN VĂN-ĐÀO

XLIX

I

Nửa năm vừa gẩy khúc Nam-huân,
Ngọn gió cung đàn khắp quốc-dân.
Sương móc cuốn đem nhuần cảnh mới,
Khói mây quét sạch rạng giời xuân.
Danh thơm giúp Hán tơ phủ đỉnh,
Nghĩa nặng tôn Chu bút hoạch lân.
Non nước xa gần nghe gió lại,
Hư đâu hư chẳng hóa hay dần.

2

Gầy khúc Nam-phong sáu tháng tròn,
Tiếng đàn dậy một góc càn-khôn.
Quến đem sương móc nhuần cây cỏ,
Thổi hết mây mù rạng nước non.
Ràng đỉnh sợi tơ danh Hán để,
Chép lân ngọn bút nghĩa Chu còn.
Núi xanh nước biếc phong dần khắp.
Kẻ bạc người ngoan cũng tỉnh hồn.

3

Nửa năm gầy khúc Nam-huân,
Tiếng đàn giải nhiệt nhân dân hả lòng.
Móc sương vun tưới vườn hồng,
Khói mây lùa quét sạch không bụi sầu
Nghiêm Quang danh tiết đài cân,
Quyều hành Phu-tử tôn Chu bút đề.
Gần xa thổi hết thói mê,
Nữa là ngoan bạc chi chi những người.

Hồ-khẩu NGUYỄN VĂN-ĐÔ

L

Gió nam hây hẩy nửa năm giời,
Đàn gầy vang lừng khắp mọi nơi
Mưa móc đượm nhuần vườn cảnh tốt,
Mây mù tan tát bể sầu vơi,
Sợi tơ giúp Hán dài còn đấu,
Nét bút tôn Chu mực vẫn tươi.
Non nước cỏ hoa đều hớn hở,
Tấm lòng ngoan bạc tự nhiên thôi

Thống-sứ-phủ Thông-phán
NGUYỄN VĂN-TIÊN

LI

Gió nam chừng mới nửa năm tròn,
Một cõi giời nam dậy tiếng đồn.
Vẻ mới in mầu sương móc điểm,
Sầu xưa theo bóng khói mây tuôn
Tơ phò Hán-đỉnh danh càng nức,
Bút chép Châu-lân nghĩa vẫn còn.
Nước biếc non xanh phong-hóa khắp
Bạc-đen rầy cũng nhuốm lòng son

PHẠM NGỌC-VỴ

LII

Gió nam dìu-dặt nửa nam hầu,
Nơi tiếng nam giây mái đia-cầu.
Đem lại móc mưa tô vẻ lạ,
Thổi tan mây khói giải buồn lâu.
Sợi tơ gìn vạc danh còn Hán,
Nét bút than lân nghĩa ở Chu.
Gió cả non xanh cùng nước biếc,
Một gì đứa bạc đứa ngoan đâu.

PHẠM TIÊN-TÀI

LIII

1

Ngọn gió Nam đưa sáu tháng đầu,
Một phương đầy dẫy tiếng đờn tâu.
Tưới vun chồi mới sương vừa thấm,
Phá nát buồn xưa khói đã thâu.
Giúp vạc lấy tơ danh ở Hán,
Được Lân nêu bút nghĩa còn Châu.
Non xanh nước biếc lần lần đến,
Chẳng những là ngoan với bạc đâu.

2

Gió Nam phất-phất tiếng như dàn,
Mới nữa năm mà dẫy một phan.
Giống tốt vun trồng sương móc rưới,
Sầu xưa phá sạch khói mây tan.
Vạc tơ giúp Hán danh còn để,
Lân bút vì Châu nghĩa chẳng càn.
Gần khắp non xanh cùng nước biếc,
Lựa là kẻ bạc với người ngoan.

Ngu-thần PHAN QUỐC-QUANG

LIV

1

Một khúc Nam-huân gầy cũng màu,
Nửa năm réo rắt khắp phương cầu.
Đất pha sương lộ vun mầm tốt,
Giời quét vân mai sạch mối sầu.
Giúp Hán tiếng thơm tơ một sợi,
Tôn Chu nghĩa cả bút ngàn thu.
Nước non muôn dặm đưa hòa khắp.
Chẳng những ngoan-phu với bạc-phu.

2

Tiếng đàn Ngu gầy nửa nam vừa,
Hoa khắp phương cầu một tiếng tơ.
Tuyết điểm sương pha mầm hóa mới,
Mây tan khói tạnh mối sầu xưa.
Sợi tơ giúp Hán danh còn mãi,
Ngòi bút tôn Chu nghĩa đến giờ.
Nước biếc non xanh đâu cũng đến,
Một gì kẻ bạc đứa ngoan chừa.

Chân-mỹ TẠ ĐỨC-TẾ

LV

Nửa năm mới giạo khúc nam-huân.
Lộng góc giời nam tiếng dậy dần
Mưa móc tẩm thềm mầm sắc nước,
Khói mây tan sạch thói sầu dân.
Tiếng khen đời Hán tơ phù vạc,
Nghĩa vị nhà Chu bút chép lân.
Non nước thuận chiều dần hóa khắp,
Nữa là đứa bạc đứa ngoan ngân.

Đáp-cầu Điện-khí-sở thông-sự TÍNH

LVI

Gió nồm nam mới nửa niên,
Tiếng ca giải phụ nức trong miền.
Đưa mưa móc nọ vun mầu tốt,
Thổi khói mây kia phá nỗi phiền.
Phù Hán danh ghi tơ Phú-lại,
Tôn Chu nghĩa tỏ bút Văn-tuyên.
Non xanh nước biếc gần xa khắp.
Dẫu kẻ nghiên-ngoan cũng thảo hiền.

Ninh-bình Niết-tì Bát-phẩm TỐNG-LẠC

LVII

Uầy khúc Nam-phong mới gẩy rồi,
Đàn đâu tiếng đã dậy bầu giời.
Đẹp nay móc thấm thêm tươi tốt,
Sầu cũ mây tan nhạy tả tơi.
Vạc Hán tơ nương thơm một sợi,
Lân Chu bút chép sáng muôn đời.
Nước non gió lượn mầu xanh biếc,
Thói bạc lòng ngoan ấy những ai.

Văn-hội TRẦN BÁ-ÁI

LVIII

Gió nam vừa thổi nửa năm đầu,
Gieo giắt đàn ai góc địa-cầu.
Sương móc đem đi sinh mởn mởn,
Mây mù tan sạch cảnh lầu lầu.
Tơ giăng vạc Hán thanh danh cũ,
Bút vị lân Chu nghĩa-lý sâu.
Nước biếc non xanh sau trước khắp,
Há rằng ngoan bạc mới nghe đâu.

TRẦN HÀM-TẤN

LIX

Nam-phong vừa nổi nửa năm thừa,
Lừng góc bầu giời khúc nhạc đưa.
Đem nước tưới thêm hoa qui mới,
Tan mây phá cả khối sầu xưa.
Tơ cheo Hán-đỉnh tên không nát,
Bút chép Chu-lân nghĩa chẳng vừa.
Nước biếc non xanh dần cũng khắp,
Nhẽ đâu điêu bạc cứ trơ trơ.

Trì-phủ TRẦN HỌC-TĂNG (NHẬT-TỈNH)

LX

Nổi ngọn gió nồm sáu tháng nay,
Như đàn mát cả góc giời này.
Quả hoa tưới được màu sương móc,
Sâu mọt tan theo đám khói mây.
Công Hán sợi tơ giăng đỉnh đó,
Nghĩa Chu nét bút được lân đây.
Nước non đâu thổi mà không khắp,
Ngoan bạc thói nào cũng đổi ngay.

TRẦN NHƯ-LAN

LXI

Khúc Nam-phong giạo nửa năm rồi,
Huyền điệu lừng vang một góc giời.
Chồi mấm nhuộm mầu mưa móc tưới,
Nực nòng tan sạch bụi mù rơi.
Tơ cheo vạc Hán danh còn mãi,
Bút chép kinh Lân nghĩa đề đời.
Dần khắp non xanh cùng nước biếc,
Há rằng ngoan bạc hóa ma thôi.

Vị-giang TRẦN TẤT-ĐẠT

LXII

Gầy gió Nam lên mới vừa thâu,
Hát đàn vang lựng góc hoàn-cầu.
Đem sương móc nhuốm hoa này tốt,
Thổi khói mây tan mối cũ sầu.
Vạc lấy tơ nương danh ở Hán,
Lân ghi bút cắm nghĩa còn Châu.
Thổi đâu nước biếc non xanh khắp,
Há những người ngoan kẻ bạc ru.

Nam-định TRẦN TỬ-LĂNG

LXIII

Mới nửa năm nay nổi gió nồm,
Một phương cầu dậy tiếng om om.
Móc sương mới tưới đầm từng lớp,
Mây khói cũ tan mất cả chòm.
Giàng đỉnh công bền tơ có thép,
Chép lân nghĩa được bút làm nòm.
Gió này thổi khắp cùng non nước,
Lá bạc cành ngoan hẳn héo tom.

TRẦN VĂN-MÙI

LXIV

Gió nồm hây hẩy nửa năm thừa,
Dìu dặt bên giời dậy tiếng tơ.
Đưa tới móc mưa bồi giống mới,
Thổi tan mây khói phá sầu xưa.
Sợi tơ vạc Hán tên ghi sử,
Ngọn bút kinh Lân nghĩa vị vua
Nước biếc non xanh dần thổi khắp,
Những đâu ngoan bạc há không chừa?

Xương-hồ TRỊNH HỮU-VÂN

LXV

I

Gió mát năm nay gẩy tiếng đàn,
Li-minh một cõi đã vang ran.
Móc mưa tốt mới bay đưa thấm,
Mây bụi dơ xưa thổi quét tan.
Giúp Hán công cao tơ vạc hệ,
Tôn Chu nghĩa trọng sách lân san.
Nước non đâu cũng qua dần khắp,
Cách hóa không nừng kẻ bạc-ngoan.

2

Dịch theo vần bài Ngự-chế)

Gẩy khúc Nam-phong mới nửa chu,
Tiếng đàn xang động một phương cầu.
Thổi đem mưa móc vun tân hóa,
Bay tản mù mây giải cựu sầu.
Giúp vạc lấy tơ công ở Hán,
Được lân vì chép nghĩa tôn Chu
Non xanh nước biếc phong dần khắp,
Chẳng những ngoan-phu với bạc-phu.

Nguyên An-phong huyện huấn-đạo
TRỊNH HUY-GIẢN

LXVI

Giao khúc Nam-phong mới nửa niên,
Tiếng đàn lai láng cõi nam-thiên.
Khéo đem sương ngọt vun mầm tốt,
Thổi hết mây che tắt lửa phiền.
Vạc Hán tơ phò công chép đề,
Lân Chu bút tỏ nghĩa ghi truyền.
Gió dần đưa khắp miền non nước,
Hóa hết ngu ngoan thói dại hèn.

TRƯƠNG MỘNG-LÂN

LXVII

Hây hẩy nam-phong mới nửa thu,
Tiếng ca vang khắp Việt Nam khu.
Mầm mầm tươi tốt nhờ sương móc,
Mây khói bay quang hết não sầu.
Công sánh tơ phò xưa vạc Hán,
Nghĩa như bút chép thủa lân Chu
Gió dần nước biếc non xanh khắp.
Hóa hết xa gần thói dại ngu.

TRƯƠNG VĂN-THỊ

LXVIII

Quạt khắp gió nồm mới nửa thu,
Đất nam dàn hát thói nhà Ngu.
Vun nền tốt mới đầm sương móc,
Phá hết sầu xưa sạch bụi mù.
Giúp vạc tơ Nghiêm công ở Hán,
Vì lân bút Khổng nghĩa còn Chu,
Nước non xanh biếc gần quanh chuyển,
Há những ngoan-phu với bạc-phu.

TRƯỞNG-HOÀNH

LXIX

Bảo nửa năm giời bảo chửa lâu,
Tiếng *Nam phong* dậy một phương cầu.
Nhuần đưa sương lộ năm châu lại,
Thổi sạch vân mai mấy độ sầu.
Thanh giá sông Đồng tơ một sợi,
Quyền hành sử Lỗ bút nghìn thu (1).
Nước non gió khắp nghe rồi hóa,
Không những người ngoan kẻ bạc đâu.

An-thái Vũ ĐÌNH-DƯƠNG

LXX

Ngọn gió nồm đưa trải nửa sương,
Tiếng đàn vang dậy cõi nam-phương.
Móc mưa vun rắc mầm tươi tốt,
Mây khói bay tan não cũ càng.
Tơ vạc đầu nêu công giúp chúa,
Bút lân lòng tỏ nghĩa tôn vương.
Non xanh nước biếc dần đi khắp,
Ngoan-bạc rồi ra cũng hóa lương.

Phượng-lâu VŨ DUY-PHIÊN

LXXI

Gió nam vừa nổi nửa năm tròn,
Đàn hát tưng bừng khắp nước non.
Hóa mới móc sương bay thấm thía,
Sầu xưa mây tối thổi tiêu mòn.
Sợi tơ phò Hán danh nào mất,
Ngọn bút tôn Chu nghĩa vẫn còn.
Nước biếc non xanh cơn gió quạt,
Hết người ngoan-bạc hóa người khôn.

Sơn-tây Vũ TICH-CỐNG

LXXII

Gió mới quay nồm sáu tháng giong,
Góc cầu nghe dậy khúc huân-phong.
Móc nhuần thói tốt vừa đem lại,
Mây tản sầu xưa bỗng sạch không.
Giảng đình còn tơ vương dấu cũ,
Thanh lân sẵn bút chống giời chung.
Nước non hơi mát dần dần khắp,
Chả những đầu đen tỉnh giấc nồng.

Y-VIÊN

(1) Câu luận hoặc đổi là thế này cũng được :
Câu cá tơ kia giảng đỉnh Hán,
Cầm lân bút nọ gá quyền Chu.
(Cước-chú của người dịch)

TẠP-TRỞ

Mừng tuổi Nam - Phong

Ngày tháng thoi đưa, thấm-thoắn mà tập *Nam-phong tạp-chí* ta đã đến hai năm rồi!

Người ta cứ qua mỗi năm lại mừng thêm một tuổi, tập báo ta đã qua một tuổi lên đến hai tuổi rồi, há ta chẳng nên mừng cho cái tuổi báo ta sao? Nhưng mừng thời mừng thật, nào có nói « mừng » không mà trọn được đâu! Ta mừng cho báo ta thêm tuổi thời ta cũng phải biết tuổi báo ta sao mà đáng mừng? Ta mừng cho báo ta thêm năm thời ta cũng phải biết rằng năm báo ta thêm thời ta có cái vẻ-vang gì mà có ích gì đến ai không? Vậy ta phải coi trước tính sau mà ta hãy mừng, mà ta mừng bao nhiêu ta lại thêm hi-vọng bấy nhiêu, hi-vọng bao nhiêu ta lại phải cùng tập báo gánh lấy trách-nhiệm nặng nề bấy nhiêu. Ấy vì tôi cầm tập báo *Nam-phong tạp-chí* thấy đã trọn năm thứ nhứt mà tôi nghĩ vẩn vơ như thế, mới nên lời mà giải tỏ với bà con.

Kể từ tháng này năm ngoái giở về trước, hai chữ *Nam-phong* 南風 hãy còn chưa xuất-hiện thời mấy người nhớ lại khúc hát vua Ngu Thuấn 虞舜, mà hằng nhắc ở trên miệng câu « *phụ-tài* » 阜財 « *giải-uẩn* » 解慍; quốc-dân ta, bọn thiếu-niên ta, đâu đã hiểu thêm những danh-từ mới, học-thuật mới ở hoàn-cầu, và nghe luôn bên tai cái chủ-nghĩa hay mà lúc nào cũng biết thỏ-thẻ cùng nhau rằng: ta phải biết tôn quân-quyền, yêu mến Nhà nước Bảo-hộ, một niềm trông ơn quan Toàn-quyền Sarraut dỡ dầu khai-hóa cho dân ta bước chân lên đường tiến-bộ, nay mai đủ được tư-cách có thể tự-trị tự-lập ở trong đời ưu-thắng liệt-bại này.

Từ tháng này năm ngoái mà đi hai chữ *Nam-phong* 南風 xuất hiện làm tên tập báo, quốc-dân ta ai nấy cũng ca-tụng đến khúc đàn xưa giờ lại giạo lên, mà công-nhận cái chủ-nghĩa của tập báo, thấy cùng bản-quán cùng biểu-đồng-tình.

Hoa sen tàn, hoa cúc nở, đông lại sang xuân, mười hai tháng giời nay, mười hai tập báo xen vào một tập tặng bạn tri-âm, xiết bao tâm-huyết, văn-chương: nào là những bài luận-thuyết về các việc chính-trị nhớn-nhao thuộc về tiền-đồ tổ-quốc ta, học-thuật cao-đẳng cho quốc-dân ta về hiện-tại với tương-lai, vấn-đề kinh-tế thực-nghiệp của dân-chúng, nào là những bài triết-học, bài khoa-học, bài văn-học khảo-cứu thực là dụng-công, biên chép thực là kỹ-lưỡng, công-hiến vào học-giới chắc cũng dự một phần giúp giáp cho bạn thanh niên: mà đứa bé lên bảy lên tám biết chữ quốc ngữ bây giờ cũng biết bập bẹ ngâm-nga câu từ-khúc mới, giọng thơ ca xưa: đến các quan lại trong chính-giới, các sĩ phu trong học-giới thấy đều cùng với tập *Nam-phong* khi câu tuyệt-cú lúc khúc cảm-hoài, thực đã là vẻ vang cho báo-giới của ta lắm lắm.

Nào dám biết đâu rằng cỏ nội hoa đồng có phen được dự miền đài-các mà lại được một cái hạnh-phúc lớn lao vô-hạn vô-biên là Quân-vương có lòng đoái-tới, gây dựng cho tập báo, kỳ-vọng lấy cái công tơ Đổng vạc Hán, ngọn bút kinh Lân.

Ôi! con người ta đem mình đứng ở giữa hai cái « thái-cực » thời lúc tưởng như mình là to, lúc thấy mình cực nhỏ. Bọn ta đã theo đòi cái chủ-nghĩa này đâu dám lấy mình làm to mà cho chủ

nghĩa làm nhỏ, chủ-nghiã vẫn to mà cũng không dám bỏ mình là nhỏ, vì cái trách nhiệm quốc dân đã tin yêu, quốc-gia đã phó-thác, triều-đình đã chúc-mong này, thời không thể cho là nhỏ mà phải biết rằng to. Hai vai gánh nặng, con đường thời xa, chị em ôi, từ tháng bẩy năm nay mà đi, há ai dám đem hai chữ nghiã-vụ mà xem thường xem khinh được sao ?

Bỉ-nhân tài hèn, học dốt, đức bạc, trí kém, nhờ được các bậc hiền nhân quân-tử quá yêu quá thương mà cho ghe vai vào cùng gánh vác lấy cái trách-nhiệm nhớn-nhao danh-dự này, từ học-giới bước vào báo-giới, tự tháng chạp năm *đinh-tị* tới nay kể năm cũng được hai năm, trộm nghĩ đỗ-quyên kêu hè, khách giang-hồ lã-chã hạt châu, tinh-vệ vận đá mà còn mong bể oan lấp được, thời dẫu cái thân vừa bẩy sích, tuổi lẻ đó, tuần này, yếu đau đến đâu, sôi vỏ đã tới phường méo miệng, gắng lên thời cũng có thể làm đuôi trâu mà báo đáp được đồng bào cố-quốc chưng muôn một ; bởi vậy cho nên thấy *Nam phong tạp-chí* được lên hai mà mừng, chúc mong cho *Nam-phong tạp chí* cùng với sông Mê-công, sông Nhị-Hà, núi Tam-đảo, núi Tản-viên cùng thọ, để mà duy-trì lấy quốc-túy, bảo-tồn lấy phong-hóa, gây dựng cho con cháu nhà Hồng Lạc một nền học-thuật mới, đem khắc vào óc người Nam rằng chữ quốc ngữ là chữ nước ta phải cần săn sóc tới ; rắc những cái hạt giống văn-minh của loài Lạp-đinh lên trên cái bãi bồi bằng bọt bể Thái-bình dương là cõi Đông-dương này, cho vườn văn-minh Nam-Việt cũ được thêm sắc thêm hoa nên một nước văn-minh hoàn-toàn trong thế-giới ; cổ-động cho quốc-dân vững lòng theo cái chủ-nghiã tôn-quân mà mong nhớ chốn Trường-An, kính-mến Hoàng-gia, tin yêu Hoàng-đế là người cầm cái quốc-hồn ta, đại-biểu cho quốc-dân ta ; gắn bó với đồng bào phải nên hết lòng thành-thực mà thờ phục nước Lăng-Sa làm ân sư lương-hữu ta, cùng nhau kết đoàn thể, chấn tinh-thần, ba kỳ thống-nhất lại như một nhà, hai mươi nhăm triệu người coi như ruột thịt, yêu mến lấy nước An nam là nước của tổ-tiên nhà, ngửa trông ơn Nhà nước Bảo-hộ khai-hoá cho, từ nay mà đi đã được quan Toàn Quyền SARRAUT hết lòng lấy nhân đạo mà đãi dân ta, đồng-tâm đồng-ý với đức Kim-Hoàng Khải-Định ta mở mang dắt-díu cho ta vào nơi cực-lạc, gây dựng cho ta muôn việc tốt lành, chắc có ngày dân ta tiến bộ được thời nhà nước Lang-Sa cũng cho ta được cái hạnh phúc làm dân Phi-luật-Tân, chứ không phải lo rằng có cái vạ phải làm dân Phó-Lan-Nhã vậy

Ôi ! *Nam phong* là một tập giấy mỏng-mảnh có cái tài lực chi mà tính ra phải gánh vác nhiều như thế, biết bao giờ mới được như nguyện. Nghĩ mà giật mình ! lo cho hai chữ *Nam-phong* 南風 ra đời nặng-nhọc biết chừng nào ! Thôi « hữu-chí cánh thành », cổ-nhân đã nói mà phong-giao nước ta cũng có câu « Em ơi chị dặn em này, có công mài sắt có ngày nên kim », thời rút lại *Nam-phong* đã nhờ được quốc-dân, quốc gia cùng Triều-đình thời sống lâu chắc có lúc cũng lên được lão làng mà thôi. Vậy xin chúc cho :

Nam-phong vạn vạn tuế !

NGUYỄN MẠNH-BỒNG

TIỂU-THUYẾT

Truyện ông Lý-Chắm

(Hương-tình tiểu-thuyết

Ai đi Hà-nội, sao chẳng đến thăm một cái làng nhỏ kia, ở bên hồ Tây, ngảnh lưng ra đê sông Nhị, gọi là làng Nghi-tàm, mà hỏi truyện ông Lý-Chắm, hay ông Lý-Râu, vì sinh-thời ông có lắm râu, cho nên người làng quen gọi. Tên bộ ông là Nguyễn-hữu-Khang. Ông đã có công-đức thể nào, mà nay đã nên một đấng phúc-thần ở làng ấy.

Làng Nghi-tàm là một làng cố-cựu ở hoàn-thành Thăng-long .là chỗ cồ đế-đô, thiếu gì là khoa-hoạn, thiếu gì là anh-hào, mà công cả tiếng thơm, nghìn thu hương hỏa, lại về một tay lý-dịch, còn những kẻ quyền cao thế mạnh, tưởng đã đỏ rực một phương giời, nóng rẫy một khu đất, đến bây giờ cũng khói lạnh hương tàn, có khi tên họ cũng không còn ai nhắc đến nữa.

Thế mới biết chí-thành ấy là thần-thánh, thiên-lý vốn ở lòng người ; có hạnh-phúc cho xã-hội mới gọi là công-danh, có danh-tiếng để đời sau mới gọi là sự-nghiệp. Và biết cái cảm-tình của dân xứ ta hay trọng về đường báo-đáp ; thù ai một chút cũng mong trả, ân ai trăm năm cũng chửa quên. Cái cảm-tình ấy lại là một cái nguyên-chất để gây dựng nên dân-tộc, cố-kết lấy nhau, bênh vực lấy nhau, dù sông lở núi mòn cũng không bao giờ biến đổi.

Câu truyện này là chép sự thực. Những người đồng thời với kẻ quan-hệ trong câu truyện này hãy còn có nhiều, đủ làm chứng là sự thực ; đây tôi kể được tường tận, là vì có người đã thuật lại cho tôi nghe.

Cứ theo trong điền-lệ, mỗi năm đến kỳ tháng chạp, tháng giêng và tháng hai làng Nghi-tàm phải có tiến chim sâm-cầm mỗi kỳ là 2 đôi. — Xét sâm-cầm, mỏ sẻ, chân vịt, là một thứ chim ở nước. Người ta tương-truyền rằng chim ấy hay ăn sâm ở Trung-quốc, hay uống nước ở hồ Tây, thịt nó ăn bổ như sâm cho nên gọi là sâm-cầm, mỗi năm đến mùa đông, ở hồ Tây hay có. — Và việc tiến chim ấy mỗi năm đã làm tổn phí cho dân nhiều lắm.

Năm Tự-đức thứ 25, Lý-Chắm đang làm lý-trưởng. Tháng mười-một có tờ tỉnh sức cho làng đánh chim, bấy giờ làng họp tại đình mà bàn định : trừ 6 đôi chim chính tiến, còn phải chim lễ các quan, các thày phần việc, có 50 con mới đủ ; giá rẻ cũng phải 100 quan tiền, vì năm nay hiếm chim, những nhà quen đánh giò lưới đều bắt bí mà bán cho thật đắt ; tiền trình tiền lệ các sở mỗi sở phải 50 quan ; tiền phụ-cấp cho lý-trưởng phải 50 quan ; cả thảy là 300 quan ; cứ chiếu số hương-ẩm mà bổ rồi giao cho lý-trưởng nhận biện.

Lý-Chắm ra về, nói với người làng rằng : « Sáu con chim tiến mà tổn phí cho dân đến ba trăm quan tiền, một tang biết bao nhiêu là ngoại, điền lệ đặt ra để tỏ ý tôn-quân thân-thượng, chớ không phải để sinh sự mà nhiễu dân. Chẳng qua, từ xưa, tại mấy người kỳ-dịch đã ngu lại tham, chỉ mong dục nước cho được béo cò, không nghĩ gì đến sự nặng nề về sau cho con cháu. Nay mình đã là người đàn anh trong một xã, cũng phải tính thể nào mà bảo-hộ lấy con em ; nếu thịt không còn thì lòng bám vào đâu. Huống chi danh là thờ vua mà thực là hại dân, lại là một điều tội lỗi. »

Có người nói : « Thói tham-nhũng bây giờ như thiên-tai lưu-hành, đã truyền nhiễm khắp cả mọi nơi, không đâu là tránh cho khỏi. Vả dân chịu khổ mãi cũng đã quen, như người đau đã thành tật. Lập lệ thì dễ, phá lệ thì khó; mình thương kẻ dưới, nào người trên có thương chi mình; nếu cứ giữ đường thẳng mà đi, đã không xong việc cho làng, mà mình lại mang tiếng là điều là ngạnh. » Lại có người nói : « Làm nghề gì kiếm ăn nghề ấy, sẻ mắm thì phải mút tay, của bách-gia-chi-sản là quyền-lợi của dân anh, thịt kẻ yếu để cho kẻ khỏe ăn, cũng là cái lệ công trong thiên-diễn. Ông ra làm việc không có lẽ lấy của nhà mà bù ; miễn là mình không xâm phạm của dân thì thôi, lại còn giữ cả người ta sao được. »

Nghe nói biết là những người yếu-đuối hèn-dại, không trách mà dân-sự mỗi ngày một tồi tàn. Người đã không có lương-tâm, không có thể nói truyện công-ích. Ông Lý-Chắm nghĩ đi nghĩ lại, trong làng chỉ còn có ông Tổng-Khải và ông Cựu-Thuyên, là người có kiến-thức, có can-đảm, sau lại tìm đến mà bàn. Ông Lý-Chắm nói : « Hai ông xem tình-cảnh làng ta, mười nhà thì chín nhà đói, làm ăn đã khó nhọc, đóng góp lại nặng nề, kẻ thì lưu-lạc mà đi bốn phương, kẻ thì trộm cắp mà phải tù rạc. Như việc nộp chim năm nay, quan trên đã không có lòng điều-tễ, lại dưới còn lắm nỗi mè-nheo; nếu không lo mà gỡ cho ra, thì con cháu mình biết đến bao giờ cất đầu lên cho nổi. Tôi là lý-trưởng, nghĩa phải nhận lấy trách-nhậm, hai ông phỏng có mưu kế gì mà giúp tôi chăng ? ».

Tổng-Khải nói : « Muốn tránh một sự thiệt-hại cho kẻ này, ắt phải có điều bất-lợi cho kẻ khác ; lợi hại cứ tranh nhau, sẽ sinh ra nhiều điều biến-cố. Cho nên làm việc, trước phải suy xét tình-thế, tình nước trước sau, nếu theo máu nóng mà làm, chẳng những là vô công, mà lại còn lắm điều nguy-hiểm nữa. Trước hết xin hỏi ông : Nhân sao mà làng không gửi thẳng chim vào tiến, còn phải nộp chim cho tỉnh-quan để phiền phí ? — Vì tỉnh-quan mới có quyền phát trạm mà đệ công-văn công-hóa. — Trong một tỉnh việc phát trạm về ai ? — Về quyền quan Án-sát. — Vậy ông có biết quan Án-sát tỉnh ta là người thế nào không ? — Nghe nói là người nghiêm-nhặt, về việc văn-án lại càng thâm hơn. — Ấy đó là điều ta phải chú ý, vì quan dữ thì dân không dám gần, dân ngu thì lại dễ hống-hách ; nay dân đã ngu quan lại dữ, phép nào những tay gian-nhũng lại không thừa thế mà độc dân. Nay chỉ có một cách này là cách dễ-chế, là giữ phép luật mà gan chịu đòn. »

Ông Lý-Chắm nói : « Nếu việc có lợi cho làng và cho con cháu mình về sau, thì tính-mệnh tôi cũng không từ, huống chi là đòn vọt. Nay tôi đã nghĩ có một phương-pháp thật có thế-lực, chỉ thiếu chưa có người làm. Phương-pháp này có quyền-thuật, có cơ-quan, nghĩa là mình có chịu rấn vào đám chông gai, thì mới cứu được người ta ra nước lửa. Hai ông có chịu lời giúp tôi, thì tôi sẽ nói. »

Hai ông kia nói : « Hễ trượng-phú thấy nghĩa thì làm ; huống chi việc cũng là việc ích-lợi chung, chúng tôi có phải là phường tranh thịt tranh xôi đâu mà ông sợ. Phương-pháp ông thế nào, ông cứ nói. »

Ông Lý-Chắm nói : « Đức Kim-Thượng thật là đứng thánh-minh, xem những lời chỉ-dụ khuyên bảo thần-công, thì tấm lòng chu-tuất lê-dân thực như giời che đất chở. Nếu tình u-ẩn của dân ta có thể lọt đến tai giời, thì cái gánh nặng trăm năm có lẽ một ngày cất khỏi. » Nói rồi ghé tai hai ông mà nói : « Như thế . . . như thế. . . ». Hai ông nghe nói cứ gật đầu tắc lưỡi, rồi đưa nhau đến trước cửa đình mà

phát-thệ với nhau rằng : « Phải lay tham bạo, bác tước con em ; nếu để dân tàn, Thần sao an sở, chúng tôi kỳ-dịch, nghĩa phải giúp dân. đã quyết một lòng, Thần minh chứng giám. »

Ngày 25 tháng mười-một năm ấy lý-dịch đem chim lên tỉnh mà nộp. Trước hết làm đơn bẩm-nạp vào trình quan Tổng-đốc. Tiền trình liền lệ nộp đã đủ rồi, quan phê hai chữ : *Kiểm thu*. Phần việc khám chim rồi, cũng cho chữ : *Thừa khám mao vũ tề bị*, nghĩa là khám chim đủ lông đủ cánh. Rồi sang trình bên quan Bố. Trình lệ cũng đủ như bên quan Tuần. Quan phê rồi, phần việc lại cho chữ : *Thừa khám cơ nhục tiên phì*, nghĩa là khám chim đều được béo tốt. Hôm sau sang trình bên niết, là nơi sẽ nhận chim mà phát đệ. Lý-dịch vào phòng sổ trình quan kinh-lịch trước. Quan kinh bắt nộp tiền cho đủ, rồi mới cho lên hầu quan.

Lý-Chắm ra khỏi phòng sổ, đi thẳng lên công-đường. Tổng-Khải, Cựu-Thuyên mang lồng chim đi theo sau. Linh sở hầu trông thấy vừa thét : « Lui ra », thì Lý-Chắm đã đến trước mặt quan Án ; tay đưa tờ bẩm miệng nói : « Chúng tôi là dân Nghi-tàm đem chim tiến vào nộp ». Bấy giờ ông Lý mặt càng đỏ, mắt càng tròn, bộ râu sắm cứng thẳng lên như cái chổi thép. Quan Án, thấy bộ đường-đột, ngảnh lại mà hỏi : « Ai là phần việc ? Dân Nghi-tàm nộp chim có đúng lệ không ? » Nghe có người thưa : « Tiền lệ chưa có, và chim năm nay cũng xấu. » Quan Án nổi cơn lôi-đình lên mà quở rằng : « Chim xấu, tao chặt cổ bay đi. Linh đâu, sao cho dân vào đó ? »

Lý-Chắm liền đưa đơn bẩm cho Tổng-Khải, đưa mắt cho lui ra. Mình cầm lấy lồng chim, mà giằng co với tên linh.

Bỗng thấy chim trong lồng vừa kêu vừa rẫy, lông rụng ra tơi bời. Lý-Chắm la lối mà kêu lên rằng : « Chim của chúng tôi tốt, hiện có chữ quan làm bằng, vì không tiền ngoại-lệ mà bẻ chân của chim chúng tôi ; của tiến vua là của trọng-hệ, tôi xin chết theo chim ; ai đã làm sự khi-quân thì người ấy sẽ chịu tội. » Nói rồi gieo đầu xuống thềm đá, nằm vật xuống đất. máu người chan chứa lẫn với máu chim. Quan-lại đông mặt cung-đường trông thấy đều tối tăm con mắt

Dưới trại linh còn đang hoảng-hốt, nghĩ là giặc, cứ đánh trống ngũ-liên. Quan Thượng, quan Bố nghe tin cũng sang ngay hội-đồng ; trước sai điều-hộ cấp cứu cho đứa bị thương, tạm tống giam trong khám, rồi sức bắt dân Nghi-tàm lên mà hỏi.

Sau có người mách : ấy là cái mưu Lý-Chắm đập đầu gieo vạ, để cho bọn Tổng-Khải chạy thẳng về bộ, đánh trống đăng-văn mà quỉ. Quan Thượng nghe nói, ngẫm nghĩ giờ lâu, rồi bảo quan Bố rằng : « Việc nhỏ này có lẽ thành ra việc lớn ; vì đức Hoàng-Thượng vốn đã tin rằng quan-lại hay ngược đãi lương-dân. Nếu việc này không điều-đình cho xong, để động đến tai vua, giao cho đình-nghị, thì các quan đồng-thành thế nào cũng phải xử phân. Chi bằng ta cứ lấy sự thực mà tấu ; hãy xin đình tiến chim kỳ này, còn cái án kết nghĩ ra làm sao, nhờ lượng trên tài quyết. »

Nói như thế liền làm như thế. Nhất-diện tạm tha cho Lý-Chắm ra ngoài mà phục dược, và cắt người đỡ bảo cứ cơm ăn thuốc uống, để các quan hội-đồng mà chạy sớ cho. Nhất-diện cho người rước theo bọn Tổng-Khải vừa đến Nghệ-an thì gặp, có thủ-thư quan Thượng nhận đem tường-tình mà tập-tấu cho dân, lý-dịch cứ về ở làng mà chờ chỉ.

Từ ngày tỉnh-quan phát sớ về bộ, cả làng còn lo đêm lo ngày, chẳng những nguy cho tính-mệnh mấy người

đàn anh, còn sợ dân làng lại thêm tai-họa nữa.

Đến tháng hai năm sau, là năm Tự-đức thứ 26 vừa có chỉ bộ ra, vâng lời Châu-điểm rằng: « Trẫm thấy chim sâm-cầm không ngon gì là mấy, mà tỉnh-thần sinh sự nhiễu dân, tình thực đáng trách. Nghĩ viên Niết-thần tỉnh ấy giáng hai cấp, điệu đi tỉnh khác, và từ nay về sau, chuẩn cho làng Nghi-tàm không phải tiến sâm-cầm nữa. Khâm thử! »

Khi lục-chỉ về đến làng, nào già, nào trẻ, nào gái, nào giai, đều mừng rỡ reo hò; thiết hương-án ra tại đình mà lạy tạ ơn vua; rồi thiên-nhân-tản vạn-nhân-y, kéo nhau lên tỉnh mà tạ quan và rước lấy ông Lý-Chắm về làng mà mừng rỡ. Bấy giờ kẻ chào người chuyện, kẻ vái người hôn, kẻ nắm áo người ôm đầu, cũng có kẻ vừa cười vừa lau nước mắt. Ông Lý-Chắm ứng tiếp không xuể, tưởng hôm nào gieo đầu thềm đá hãy mơ hồ như giấc chiêm bao.

Vẻ-vang thay! ông Lý-Chắm! hào-kiệt thay! ông Lý-Chắm! ý-khí mạnh hơn oai-quyền, mưu cao đã nên công lớn; hương khói để nghìn thu, thơm tho trong một xứ; thế mới đáng sống ở làng, thế mới gọi sang ở nước. Nào những kẻ ăn lận con em, ỷ quyền cha chú, lại hay cõng rắn cắn gà, lại hay bòi bèo ra bọ, thế cũng gọi là hào, thế cũng gọi là mục, sao chẳng đến Nghi-tàm mà hỏi thăm ông Lý-Chắm?

NGUYỄN BÁ-HỌC *kinh-thuật.*

Bộ Tiểu-thuyết « Cái gậy song » còn nhiều lắm, bản-chí định khi nào dịch xong sẽ in thành sách, làm phụ-trương không đăng báo nữa, vì trong báo còn nhiều bài khác, mỗi lần chỉ đăng được một ít tiểu-thuyết, thành ra vụn vặt mất truyện đi, đọc mất cả ý-nghĩa. Vậy từ nay mục « Tiểu-thuyết » này chỉ để đăng những bài đoản-thiên, ngắn-ngắn, độ một kỳ hay là hai kỳ là hết mà thôi.

Aujourd'hui pour les peuples comme pour les hommes, il n'est que le travail, un travail assidu, constant, pénible et rude, qui donne la suprematie, qui préserve de la déchéance... Nous détestons le travail vif. Nous lou ns la paresse méticuleuse. Ce seront les causes de notre mort...

PAUL ADAM

Ngày nay làm dân cũng vậy, mà làm người cũng vậy, phải lao-động, phải cố-công cùng-sức, khổ-sở nhọc-nhằn, mới được phần hơn, mới khỏi trụy-lạc... Ta thời ta lại ghét sự lao-động hăng-hái, mà ta thích cái lười biếng cù-dù. Có ngày ta chết cũng vì đó.

THỜI-ĐÀM

VIỆC THẾ-GIỚI

Một bài diễn-thuyết của Tổng-thống Uy-nhĩ-đốn (WILSON) **nước Mĩ.** — Nhân lễ kỷ-niệm ngày nước Mĩ nhập-cuộc với Đồng-minh, và nhân dịp mở cuộc Quốc-trái lần thứ ba ở nước Mĩ, Tổng-thống Uy nhĩ-đốn có đọc một bài đại-diễn-thuyết ngày mồng 6 tháng 4 mới rồi, giải-thích rõ ràng cái mục-đích và cái phương-kế chiến-tranh của nước Mĩ. Xin lược-dịch đại-ý bài diễn-thuyết ấy như sau này.

Tổng-thống nói: « Hôm nay là kỷ-niệm cái ngày ta tuốt gươm vào quyết-chiến với nước Đức. Ta đánh là để giữ cái quyền sinh-tồn của ta, giữ cái quyền tự-do của ta. Khắp trong nước quốc-dân đương tận-tụy về sự chiến-tranh. Không cần phải cổ-động, ai cũng biết cái nghĩa-vụ phải làm. Ai cũng biết sự chiến-tranh tổn-hại cho ta là chừng nào: tài-sản, sinh-mệnh của quốc-dân ta, phàm quốc-dân có cái gì là có thể đem ra cống-hiến cho nước được, khi nào cần đến cũng vui lòng mà đem ra vậy. Cho nên tôi diễn-thuyết đây không phải là cổ-động về việc quốc-trái. Tôi diễn-thuyết đây chỉ để giải cho các ông biết rõ cái lẽ thâm-thiết của sự chiến-tranh này. Vì cớ gì mà ta chiến-tranh, bởi làm sao mà ta phải chiến-tranh cho đến cùng, cùng những việc gì là việc quan-hệ đến cuộc thắng-phụ sau này, đó là những điều mà hiện nay đã xuất-hiện ra rõ-ràng hơn từ trước đến giờ. Ngày nay người Mĩ có thể chắc rằng sự chiến-tranh này là phận-sự mình phải làm, nếu mà đánh thua thì cái địa-vị, cái danh-dự của nước mình trong thế-giới sẽ có cơ nguy-vong vậy. »

Tổng thống lại tỏ cho quốc-dân Mĩ biết rằng từ khi chiến-tranh đến giờ, tổng-thống vẫn lấy lòng công-bình mà xét cái mục-đích của nước Đức. Tổng-thống nói:

« Đối với những việc lớn lao, quan-trọng cho vận-mệnh cả nhân-loại như việc chiến-tranh này, phàm xét đoán phải cố giữ lấy bình-tĩnh, không nên tỏ ra những lời ố-kỵ, không nên nói những giọng độc-ác.

« Tôi bèn cố hỏi xem cái mục đích của nước Đức trong sự chiến-tranh này là thế nào, muốn biết ý-kiến những người đại-biểu nước ấy về cái mục-đích ấy thế nào; tôi đối với họ một lòng thành-thực, mong họ đối với mình cũng được thành thực như thế.

« Tôi trình bầy cho họ biết cái chủ-nghĩa, cái mục-đích của nước Mĩ ta thế nào, tôi xin họ cũng trình bầy cho ta biết cái chủ-nghĩa, cái mục-đích của nước họ làm sao.

« Họ trả lời như thế này, thực là biết rõ cái giã-tâm của họ. Họ nhận rằng cái mục-đích của họ không phải là vị công-lý, chỉ muốn thắng-đoạt các nước khác, phá đổ mọi sự ngăn-trở, để mưu sự ích-lợi riêng cho một nước họ mà thôi.

« Lời đó không phải là các nhà chính-trị Đức nói, nhưng xướng ra tự các bậc võ-tướng nước Đức, những bậc ấy ngày nay thực làm chủ cả nước Đức vậy.

« Xem cái cách người Đức làm ở đất Nga, đất Phần-lãng (Finlande), đất U-khắc-lan (Ukraine), đất Lỗ-mã-ni (Roumanie), thì đủ biết cái mưu của họ ở mặt Tây, nhưng may sao ở mặt Tây quân Đồng-minh vẫn đứng vững, quân Đức hết sức đánh không sao chuyển được.

« Đến khi nào đánh mãi không nổi mà phải chịu thua, thì bấy giờ dù trong sự giảng-hòa đối với nước Tỉ, nước Pháp, nước Ý, mọi điều được ổn-thỏa cả, ta cũng chưa thể tận-tín cái lòng thành-thực của người Đức được, vì người Đức điều-đình mặt này chỉ cốt cho được rộng chân ở mặt kia, tức là mặt Nga và mặt Á-đông; vậy ta hoài-nghi như thế, nước Đức tưởng cũng không nên trách ta vậy.

« Vì cái mục-đích nước Đức chỉ muốn kiêm-tính cả các dân Ti-lạp-phu (Slaves) ở bán-đảo Ban-căng (Balkans) và ở các thuộc-địa nước Thổ-nhĩ-kỳ.

« Lấy võ-lực mà dựng thành một cái đế-quốc rất lớn để đối lại cả Âu châu, cả Mĩ-châu, ấy cái chủ-nghĩa nước Đức là thế.

« Đối với cái giã-tâm người Đức như thế, thì người Mĩ ta phải xử-trí thế nào ?

« Về phần riêng tôi thì dù ngay bây giờ tôi cũng sẵn lòng bàn bạc sự giải-hòa một cách công-bình chính-trực, nhưng cốt nhất là sự hòa ấy phải thành-thực mới được, và đã giảng-hòa thì dù nước lớn nước nhỏ đều phải đãi bằng-đẳng nhau mới được. Nhưng khi tôi khởi-xướng ra sự giải-hòa như thế thì các tướng Đức trả lời ngay, mà sự trả lời ấy thực đã khiến cho tôi rõ tỏ cái âm-mưu của nước Đức vậy.

« Nước Đức đã khêu chiến, tôi xin nhận ra đối-chiến, vì tôi biết rằng cả quốc-dân ta đều đồng-tình với tôi vậy.

« Cả thế-giới biết rằng quốc-dân ta quyết một lòng ra đối-chiến. Nước Đức đã nói : Chỉ có cái võ-lực mới giải quyết được việc thiên-hạ, chỉ dùng đến võ-lực mới biết rằng cường quyền đoạt công-lý hay là công-lý đoạt cường-quyền.

« Nước Đức đã thách ta thế, ta chỉ có một cách mà đối lại thôi : là dùng hết cái võ-lực, dùng cho đến võ-cùng cho đến cực-điểm, để làm cho công-lý thắng-đoạt được cường-quyền và từ nay làm phép-tắc chung cho thế-giới. »

•

Đồng-minh đại-thắng. — Ngày 15 tháng 7 quân Đức lại khởi đánh công-thế ở mặt Tây. Quân Đồng-minh đã dự biết trước, đánh phản-kích lại rất dữ, quân Đức thua to. Đồng-minh trận này được là phần nhiều bởi quân Pháp và quân Mĩ hiệp-lực nhau cùng tiến cùng đánh, quan Thống-tướng Foch cầm quyền chỉ-huy. Quân Mĩ từ khi nhập cuộc mới đánh những trận nhỏ, tuy lần nào cũng đắc-lợi mà chưa rõ cái giá-trị. Trận này mới thực là trận to nhất của quân Mĩ, mà cũng lại là một trận đại-thắng cho Đồng-minh. Ấy là hiện nay quân-đội nước Mĩ mới gọi là tiệm-thành, sau này mỗi ngày một nhiều, mỗi ngày một mạnh thêm ra, tất có một phần to trong cuộc toàn-thắng nay mai. Mới đánh có trong mấy ngày (từ ngày 15 đến ngày 20 tháng 7) mà quân Đức đã mất 10 vạn chiến-tử, 4 vạn đại-bác. Chính mình khởi đánh công-thế mà hại đến thế thì đủ biết không những là cái công-thế ấy đã hỏng, mà lại là một sự thua to. Quân Đồng-minh thừa thế đánh dấn lên có thể giải-quyết được cuộc chiến-tranh này trong một kỳ-hạn không xa vậy. Cuộc chiến-tranh đến tháng 8 tây này vừa được bốn năm tròn : ghê thay ! Nghĩ trong 48 tháng, 1500 ngày ấy, không có một ngày nào, một đêm nào, một giờ nào, một phút nào là không đánh nhau, là không đạn rơi máu chảy trong một góc địa-cầu, mà rùng mình, mà khiếp sợ, cầu Giời khấn Phật cho cái ác-mộng ấy chóng tan đi, cho thiên-hạ lại được thái-bình !

VIỆC TRONG NƯỚC

Báo tây bàn về lời Thánh-dụ cho dân Bắc-kỳ. — Kỳ trước bản-chí có đăng Thánh-dụ cho quan dân xứ Bắc-kỳ sau khi Ngự-giá hồi-loan. Trong báo « Hải-phòng tiệp-báo tân-văn » (*Courrier d'Haiphong*) số 7167 ngày mồng 10 tháng bẩy tây này có một bài bàn về lời Thánh-dụ ấy, ngợi khen Hoàng-Thượng ta và nói rằng ngài đã hiểu thấu cái công-lao khai-hóa của Nhà-nước Bảo-hộ, thời cái giây thân-ái Pháp-Việt chắc bền lâu ; nay xin lược lại dưới này để quốc-dân biết lòng người Pháp kính-phục Kim-thượng ta là nhường nào. Báo Hải-phòng nói rằng :

« Khi đức Đại-Nam Khải-Định Hoàng-đế ở Bắc-kỳ giá-ngự hồi-loan có giáng xuống cho dân Nam-Việt một tờ Châu-dụ, tỏ ra rằng Ngài đã rõ cái công-nghiệp lớn-lao của nước Pháp cùng sự tiến-bộ đã thành-hiệu cho dân-chúng Bắc-kỳ.

« Trong tờ dụ Ngài có nói rằng :

« Ta thấy tỉnh thành thịnh-vượng, thôn-xã « ấn-trù, thương-nghiệp phát-đạt cực thịnh, « biên-cảnh phòng-bị cực nghiêm, các học-« đường sĩ-tử đông đúc, các chốn yếu-hiểm « được bình-yên vô-dạng, vân vân. »

« Trong mấy dòng châu-dụ ấy thực đã kể được hết những điều cốt yếu của Chính-phủ Bảo-hộ đã làm nên cho dân xứ Bắc, mà trong các điều ấy thời cái ơn làm cho dân được yên-ổn là điều thứ nhất.

« Xứ Bắc-kỳ là một nơi biên-trấn của nước Việt-Nam, ai cũng biết xưa kia vẫn loạn lạc mãi ở mạn Thượng-du và Trung-du thời bị những quân giặc Tàu nó ẩn-nấp mà cướp bóc phá-phách dân gian, làm cho người dân phải bỏ xứ mà lánh đi. Những sự phá-hại ấy tuy ngày nay cũng còn chưa sửa sang được hết, nhưng trong xứ đã được bình-yên, và nhân dân nhờ được yên-ổn dần-dà lại kéo về ở những nơi đã bỏ hoang từ ngày trước, vẫn phó mặc cho

mấy lũ Thổ-mán, tha hồ mà phá rừng rẫy núi, làm hại mất bao nhiêu của cải thiên-nhiên để tạm sinh-hoạt cho qua ngày. Ở dưới Hạ-du thời trước giặc giã khổ hại bao nhiêu, nay đã đều yên-ổn cả; cái số dân can ăn mặc tội đem so sánh với các nước Âu-châu kể cũng không lấy gì làm cao lắm. Phải khó nhọc thế nào mới được an-lạc như thế, tưởng ai cũng đã biết vậy. Cái máu nhà quân ta đã chảy ra khắp trên miếng đất này tự ba mươi năm giời nay, ngoài biên thời chống chỏi với giặc Tầu, trong cõi thời tiễu-trừ những quân phản-nghịch, quân phản-nghịch ấy nhiều người xét nhầm vẫn còn cho là những bậc ái-quốc. Giặc Đề-Thám là to nhất thời đã tiệt nọc rồi, không còn khi nào tái-khởi được nữa. Khi Hoàng-đế Ngài tuần-du ở Lạng-sơn thời cũng đã biết rằng Chính-phủ đã dùng hết cách phòng-bị để gìn giữ sự ngoại-xâm, mà trong nước thời cũng đã bố-trí đủ thế-lực mà cấm-áp mối nội-loạn.

« Sự yên-ổn là điều cốt-yếu trong cơ thịnh-vượng; ấy nhờ sự yên-ổn ấy mà phố-phường phồn-phú, thôn-xã ân-trù, như lời Thượng-dụ đã nói đó vậy. Có yên ổn thì đường kinh-tế mới phát đạt được như thế, nhân dân được hưởng lợi vô cùng, vì của cải mỗi ngày một tăng tiến mãi lên thì sự an-lạc cũng mỗi ngày một vững bền thêm lên vậy. Cái sự làm cho xứ Bắc-kỳ nên giàu có ấy thời những con số mà quan Thống-sứ Saint Chaffray đã đọc ở dưới chân tượng quan cố Toàn-quyền Paul Bert cũng đủ làm một cái sác-chứng vậy. Nhờ có tiền của dư-dụ như thế mới khởi hành được các công việc ích-lợi cho xã-hội. Chắc rằng những việc khai-hóa ấy còn nhiều lắm. Nhưng cái quá-khứ và cái hiện-tại cũng đủ làm đảm-chứng cho cái tương-lai, và công-nghiệp đã khởi-hành sau này không sợ phải bỏ vậy.

« Bởi cái tình-thế tự-nhiên mà Bắc-kỳ có tiến-bộ hơn Trung-kỳ. Cái tình-thế về chính-trị, về địa-lý của xứ Bắc-kỳ đã khiến cho cái công khai-hóa của nước Pháp ở xứ Bắc được kết-quả nhanh hơn; vả lại nước Pháp cũng cần phải chia công việc mà làm dần dần, không thể làm cả một lúc được. Khai-hóa cho một cõi lớn như đất Đông-dương này cần phải nhiều phương-pháp công-phu, không thể đồng-thời thi-thố cả khắp mọi nơi được, vì nếu vội vàng quá thì thành ra hỗn-độn, làm hết thảy mà không việc gì xong hẳn, khi xưa nhầm hỏng nhiều cũng là vì thế. Tuy nước Pháp không phải là không chú-ý đến xứ Trung-kỳ, mà cái dụng-lực đề cả vào Nam Bắc lưỡng-kỳ, cho nên hai xứ ấy đã tiến-bộ được nhiều, thực là hiển-nhiên ai cũng biết vậy. Hoàng-thượng Ngài cũng chứng-nhận cho cái công-quả ấy, và ngài cũng biết rằng được như thế là nhờ nước Đại-Pháp mang công mang của mà giúp nên. Vì đó mà Ngài hiểu rằng cần phải làm cho cái mối Pháp-Việt-hợp-đồng ngày một liên-lạc chặt thêm, Ngài mới đem điều ấy khuyên nhủ quan dân Ngài, muốn làm cho tắt cái bụng tâ riêng của lắm kẻ quyền-thần; đó là một cái chứng rằng Ngài có cái hi-vọng dắt dần Nam-Việt vào con đường tiến-hóa vậy. Có người nói rằng vua Khải-định đã ở dưới quyền Bảo-hộ nước Đại-Pháp, thời thế-tất phải khuyên nhủ dân trung-thành với nước Đại-Pháp, không thể nói khác được. Sự đó đã cố-nhiên rồi. Song Hoàng-thượng có thể tự-do muốn nói hay không nói cũng được. Hoàng-thượng đã nói tất là nói lời thành-thực, và nếu cái gương ở Đông-dương này không đủ cho Ngài quan-sát thời hà Ngài lại không lấy cái gương các nước láng-giềng nước Nam mà quan-sát được sao?

« Nước Nhật-bản được phát-đạt lạ nhường như thế cũng nhờ có cái hiệp-lực của các nước Âu-châu. Đầu đời Minh-trị, hồi nước Nhật-bản mới duy-tân, ai cũng biết rằng người Pháp đã giúp một phần vào đấy. Nước Xiêm-la cũng theo gương ấy mà đã dụng ở trong triều các người Âu-châu làm cố-vấn-quan, trong số người Âu ấy, phần nhiều thời người Pháp. Nước Tầu cũng thế, đã bỏ cái chủ-nghĩa bài-ngoại đi mà cũng bước vào con đường ấy.

« Vậy ta có thể chắc rằng cái lời châu-dụ của Đại-Nam Hoàng-đế giáng xuống cho quan dân mà ta được đọc đó, là tự-ý riêng Ngài thành-thực mà làm vậy.

« Ngài đã hiểu rằng người Pháp người Nam đồng tâm hiệp lực với nhau, thì ích-lợi cho Nước Nam là nhường nào, không những ích-lợi cho cả nước, mà ích-lợi cho riêng từng người dân nữa, nên ngài nhân dịp này tuyên-cáo cho ai nấy đều biết rằng cái giây liên-lạc nó buộc người Pháp với người Nam là bền-chặt vô-cùng vậy. Ngài biết rằng cái lòng trung-thành với nước Đại-Pháp tức là sự lợi-ích cho nước Đại-Nam. Thực là một cái chứng cho cái trị-thuật thánh-minh của ngài vậy. »

Quan nguyên phó Toàn-quyền Van Vollenhoven tử trận. — Mới có điện Paris báo tin rằng quan nguyên phó Toàn-quyền Van Vollenhoven đi tòng chinh làm chức đại-úy (*capitaine*) đã tử trận ngày 19 tháng 7 mới rồi. Thực là một cái tang chung cho cả xứ Đông-dương này vậy. Bản-chí đã sắp in xong, xin kỳ sau sẽ kể tường về lịch-sử cùng sự-nghiệp quan Van Vollenhoven.

DƯ-LUẬN-CHUNG

Bản-chí đặt riêng ra mục này để xem trong các báo bài nào có ý-kiến hay giúp được dư-luận, thì lược-dịch mà đăng vào. Hoặc những bài lai-cảo nhận được cũng đăng vào đây. Mục này là mục ngôn-luận công-đồng, bản-chí không giữ trách-nhiệm.

Bàn về sự học chữ nho. — Dịch trong báo *Tribune indigène* :

«Báo *Opinion* ở Sài-gòn nhân bộ « Học-chính-tổng-qui » mới ban-hành độ tháng năm trước, có đăng hai bài phản-đối về sự Nhà-nước lại cho học chữ nho ở các trường Pháp-Việt. Chúng tôi tiếc không đồng-ý với bạn đồng-nghiệp (tức là báo *Opinion*) về cái vấn-đề ấy, và xin nói rằng sự học chữ nho ngày nay lại được khởi-phục như thế, thật là phần nhiều người đồng-bào chúng tôi đều lấy làm thỏa lòng vậy. Về phần riêng chúng tôi, tuy không phải là nhất-thiết khen cả ông quan nào biên-tập bộ Tổng-qui ấy, nhưng thiết-tưởng ông quan ấy đã đặt cho chữ nho một cái địa-vị *vừa phải* trong chương-trình các trường học, thực là làm một điều rất thích-đáng vậy.

« Bốn mươi năm trước, ở các nơi thôn-xã chúng tôi, chỉ thuần học một chữ nho mà thôi, vì chữ nho là vừa học chữ, học viết, mà lại vừa gồm cả luân-lý nữa. Cái giáo-dục của các bậc cha chú chúng tôi thời bấy giờ như đầm-thắm trong luân-lý, đến khi lên đến bậc học cao-đẳng mới bắt đầu học lịch-sử, học toán-pháp, mà thường khi ấy là đã bỏ nhà trường và đã học trọn các sách thánh-hiền rồi. Rồi đến sau nhân người Pháp sang chinh-phục đất này, nho-học phải thoái, bọn thiếu-niên sô nhau vào học cả trường tây, chỉ có cái mục-đích cận-lợi là học để vào làm việc Nhà-nước. Bởi đó mà sự học chữ nho chẳng bao lâu bỏ dần, rồi bãi hẳn. Bỏ thế không phải là một sự hay, vì cái luân lý của nho-học mất đi thì cái luân-lý của tây-học thay vào, không phải rằng luân-lý tây có kém gì luân-lý ta đâu, luân lý ở đâu chẳng qua cũng là một mà thôi, nhưng cái hình-thức của luân-lý tây không hợp với tính-tình người An-nam. Xem như học trò ta ngày nay cái gì cũng thi, cũng hiệp cả : nào là lý-học, nào là hóa-học, nào là thiên-văn địa-lý, mặt giăng, mặt giời, thủy-tinh, hỏa-tinh chạy ngược chạy xuôi trên giời thế nào cũng biết ; nào là triết-học ông Khang-đức (Kant), ông Biên-tấm (Bentham), đều cũng thông tỏ. Nhưng đến cái đạo xử thế, đến cái nghĩa cương-thường, đến những phép-tắc về luân-thường đạo-lý của các thánh-hiền đời xưa để lại để giáo-hóa lòng người, thì không còn nữa. Vì tôi chắc rằng cái luân-lý tây dạy bằng chữ tây cho người An-nam tuy không phải là không hay, không phải là không ích-lợi, nhưng cái công-hiệu, cái sức giáo-hóa tất kém là bởi không hợp cái tính-tình riêng người An-nam vậy. Thành ra làm-thời vẫn phải viện cái luân-lý của đạo nho ra mà cư-xử, mà cái luân-lý ấy thì mang-nhiên không biết một chữ nào !

« Những ông lão nho trong nước chúng tôi thâm-tín rằng trong những cái hình vẽ bằng bút lông kia có một cái nền giáo-hóa cổ rất hay ở đấy ; cái nền giáo-hóa ấy có lẽ không lợi cho sự mở-mang tri-thức lắm, nhưng thực là giúp cho sự dào-luyện tính-cách nhiều. Ngày nay ai cũng công-nhận rằng bọn thiếu-niên ta có phần hư hơn ngày xưa, trong phong-tục ta có điều suy-bại, trong gia-đình ta có phần đổ-nát. Phàm người An-nam biết suy-nghĩ đều cho cái tình-trạng ấy là bởi sự bỏ nho-học sớm, nên thường khuyên những bọn thiếu-niên mới ra giao-tiếp với đời, khi đã học chữ tây rồi, nên quay về nho-học thì sự học ngõ-hầu mới hoàn-toàn. Nói thế, xin các bạn đọc báo chớ vội kêu là thủ cựu, là hủ-lậu : mình sinh-trưởng là người An-nam, phải biết rằng trong cái văn-minh nho cũ của mình có phần đáng qui đáng trọng mà muốn cố bảo-tồn lấy, tưởng cũng là một lẽ thường, một sự chính-đáng vậy. Mình phải mong cho cái văn-minh cũ ấy điều-hòa được với cái văn-minh mới của Thái-Tây, thành ra một cái văn-minh riêng của mình, vừa gồm được cái hay của hai bên và vừa giữ được cái bản-sắc của mình, chẳng hơn là cứ bắt chước người mà không thành, bắt-chước một cách thô-bỉ ru ?

« Học chữ nho lại còn một sự ích-lợi rất to nữa là giúp cho cái quốc-văn mình thành được, quốc-văn mình vốn nghèo chữ, phải mượn chữ nho mới đủ dùng ; cứ xem ngày nay tiếng quốc-ngữ phải thâu-nhập những tiếng ngoài đọc ra tiếng ta lắng lố khó-nghe quá, thì đủ biết. Hiện những người làm văn quốc-ngữ hay chính là những người đã thông chữ nho, đã từng rủi mài kinh-sử vậy. Không những thế, dù chỉ dùng toàn tiếng nôm mà thôi, đến khi phải diễn những tình-tứ cao-nhã trong lòng, những tư-tưởng huyền-diệu trong trí, phi mượn đến chữ nho không xong, vì không có chữ nho thì thành ra giọng nôm-na mách-quê, không gọi là văn-chương được.

« Chúng tôi cũng biết rằng vị cái luân-lý đạo Khổng hay mà phải đâm đầu vào học một cái văn-tự phiền-toái như chữ nho, thì cũng bực mình thật. Nhưng ta nên mong rồi có ngày sẽ có một hội-đồng những người chuyên-trị hán-học hợp nhau lại mà đem dịch những sách hay của Tàu ra quốc-ngữ ; trước khi ấy hẵng cho dạy chữ nho ở các trường cũng là một sự hay vậy. Sách *Tam tự-kinh*, sách *Ấu-học*, sách *Minh tâm*, sách *Tứ-thư*, mà đem giảng-nghĩa, diễn giải, bình-luận, chỗ nào không hợp-thời bài-bác cũng được, tôi thiết-tưởng ách dạy như thế, không gì hay và ích lợi cho bọn thiếu-niên ta vậy. »

(*Dịch báo « Tribune indigène », số 84, ngày 1er Juillet 1918.*)

Từ-khúc mới

(*Cân-khê-xa* 浣溪沙 新曲)

I

Tư-hương

Bên giời góc bể tìm tri-kỷ,
Ai biết đâu cho nỗi nước này,
Tình riêng riêng nghĩ lại càng ngày.

Năm canh một ngọn đèn xanh biếc,
Chạnh niềm lưu-lạc chốn tha-hương,
Nhớ nhà dạ ngọc những thê-lương.

II

Cảm-hoài

Kinh-khanh vắng mặt tìm đâu được,
Lỗi thì thêm tủi phận hồng-nhan.
Tưởng nhớ người xưa lệ chứa-chan.

Ghé mắt nhìn xem trong tám cõi,
Nào ai là thực đứng nam-nhi,
Anh-hùng đầu lưỡi có làm chi.

III

Nhận-tình

Đêm xuân tưởng nhớ người tri-kỷ,
Ngồi, đứng, vào, ra luống lạnh-lùng,
Nỗi niềm riêng những trách thiên-công.

Nhớ ai không cánh bay tìm được,
Sông Tương đôi ngả một giòng sâu,
Lững-đững thuyền ai một lá cầu ?

Nữ-sinh NGUYỄN SONG-KIM